

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**HÀ BÍCH NGỌC**

**VĂN XUÔI YÊN BÁI TỪ 1986 ĐẾN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Thái Nguyên – 2016**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**HÀ BÍCH NGỌC**

**VĂN XUÔI YÊN BÁI TỪ 1986 ĐẾN NAY**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã ngành: 60.22.01.21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**PGS. TS LƯU KHÁNH THƠ**

**Thái Nguyên - 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Lưu Khánh Thơ. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn này là trung thực và chưa từng công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

*Thái Nguyên, ngày 10 tháng 7 năm 2016*

**Tác giả luận văn**

**Hà Bích Ngọc**

## LỜI CẢM ƠN

Sau hai năm nghiên cứu và học tập tại trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, đến nay tôi đã hoàn thành chương trình khóa học Thạc sỹ chuyên ngành Văn học Việt Nam và hoàn thành luận văn ***“Văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay”***.

Bằng sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc, em xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Lưu Khánh Thơ, người đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa Ngữ văn, khoa Sau Đại học, cán bộ phòng quản lý khoa học trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.

Tác giả xin chân thành cảm ơn các nhà văn, nhà thơ, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Yên Bái, Thư viện tỉnh Yên Bái đã giúp đỡ trong suốt thời gian thực hiện luận văn.

Xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới đơn vị công tác, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, quan tâm, chia sẻ và tạo điều kiện giúp tôi hoàn thành tốt luận văn này.

*Thái Nguyên, ngày 10 tháng 7 năm 2016*

**Tác giả**

**Hà Bích Ngọc**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời cam đoan .....	i
Lời cảm ơn .....	ii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu (Lịch sử vấn đề) .....	2
3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu .....	3
4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu .....	4
5. Phạm vi nghiên cứu .....	5
6. Cấu trúc luận văn .....	6
7. Đóng góp của luận văn .....	6
<b>NỘI DUNG</b> .....	<b>7</b>
<b>Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ VĂN HÓA, VĂN HỌC YÊN BÁI</b> .....	<b>7</b>
<b>1.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên và xã hội của Yên Bái</b> .....	<b>7</b>
1.1.1. <i>Vài nét về tỉnh Yên Bái</i> .....	7
1.1.2. <i>Khái lược về bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh Yên Bái</i> .....	10
<b>1.2. Khái quát về văn học Yên Bái từ 1975 đến nay</b> .....	<b>11</b>
1.2.1. <i>Tiến trình hình thành và phát triển của văn học Yên Bái</i> .....	11
1.2.2. <i>Đội ngũ tác giả, tác phẩm</i> .....	15
1.2.3. <i>Đời sống thể loại và một số đặc điểm nổi bật</i> .....	24
1.2.4. <i>Thành tựu, hạn chế</i> .....	28
<b>Tiểu kết</b> .....	<b>31</b>
<b>Chương 2: NỘI DUNG VĂN XUÔI YÊN BÁI TỪ 1986 ĐẾN NAY</b> .....	<b>32</b>
<b>2.1. Các khuynh hướng sáng tác của văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay</b> .....	<b>32</b>
2.1.1. <i>Khuynh hướng lịch sử dân tộc</i> .....	32
2.1.2. <i>Khuynh hướng thế sự, đời tư</i> .....	35
<b>2.2. Một số gương mặt tiêu biểu</b> .....	<b>38</b>

2.2.1. Hoàng Hạc (15/2/1932 - 10/1999) .....	38
2.2.2. Hà Lâm Kỳ.....	52
2.2.3. Hoàng Thế Sinh.....	61
<b>Tiểu kết</b> .....	70
<b>Chương 3: NGHỆ THUẬT VĂN XUÔI YÊN BÁI TỪ 1986 ĐẾN NAY</b> .....	71
<b>3.1. Cốt truyện</b> .....	71
3.1.1. Cốt truyện truyền thống.....	71
3.1.2. Cốt truyện mang dấu ấn tư duy nghệ thuật hiện đại .....	72
<b>3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật</b> .....	75
3.2.1. Xây dựng nhân vật thông qua miêu tả ngoại hình.....	75
3.2.2. Xây dựng nhân vật thông qua khắc họa tính cách và nội tâm .....	77
3.2.3. Sự phân tuyến nhân vật.....	79
<b>3.3. Ngôn ngữ nghệ thuật</b> .....	80
3.3.1. Ngôn ngữ giàu chất trữ tình.....	80
3.3.2. Ngôn ngữ đậm chất ký.....	83
3.3.3. Ngôn ngữ mang đậm sắc thái dân tộc.....	86
<b>3.4. Giọng điệu nghệ thuật</b> .....	89
3.4.1. Giọng điệu tâm tình .....	89
3.4.2. Giọng điệu xót xa, thương cảm.....	90
3.4.3. Giọng điệu bi hài.....	91
<b>Tiểu kết</b> .....	93
<b>KẾT LUẬN</b> .....	94
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Yên Bái, một vùng miền núi xa xôi của Tây Bắc. Nơi đây nuôi dưỡng nhiều tài năng văn học nghệ thuật và có nhiều đóng góp cho nền văn học Việt nam. Nhưng do nhiều lí do khách quan và chủ quan, việc nghiên cứu nền văn học địa phương nói chung và của Yên Bái nói riêng mặc dù đã được chú ý song vẫn còn khiêm tốn so với thành quả vốn có của nó. Vẫn còn có khá nhiều tác giả, tác phẩm xuất sắc chưa nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu và phê bình văn học. Bởi vậy, việc nghiên cứu văn học ở các tỉnh miền núi nói chung và ở tỉnh Yên Bái nói riêng, đặc biệt là văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay là một công việc cần thiết.

1.2. Trong chương trình giảng dạy môn Văn học cấp trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành có đề cập đến chương trình văn học địa phương. Nhưng tài liệu phục vụ quá trình giảng dạy cho phần văn học địa phương này trong toàn quốc nói chung cũng như ở Yên Bái nói riêng còn có những bất cập như thiếu giáo trình và tài liệu biên soạn thống nhất. Việc thực hiện đề tài “*Văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay*”, nếu được thành công chúng tôi hy vọng sẽ đóng góp một tài liệu tham khảo bổ ích cho việc dạy và học chương trình văn học địa phương ở tỉnh Yên Bái.

1.3. Trong nền văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay, nhiều gương mặt xuất sắc có nhiều đóng góp cho nền văn học hiện đại như: Xuân Nguyên, Ngọc Bái, Hoàng Việt Quân, Hoàng Thế Sinh, Hà Lâm Kỳ, Địch Ngọc Lân, Nguyễn Hiền Lương... và đặc biệt là 3 thế hệ trong một gia đình có nhiều đóng góp cho văn học Yên Bái, đó là nhà văn Hoàng Hạc, con trai là nhà văn Hoàng Tương Lai, và cháu ngoại là Nông Quang Khiêm... Song với khuôn khổ một luận văn không thể nghiên cứu được tất cả các nhà văn của Yên Bái mà chỉ có thể chọn lựa một số tác giả tiêu biểu để nghiên cứu. Từ đó có thể hình dung được diện

mạo của nền văn xuôi Yên Bái và thấy được sự đóng góp của các tác giả địa phương vào quá trình vận động và phát triển của nền văn học hiện đại nước nhà.

1.4. Văn học ở mỗi địa phương nói riêng và cả nước nói chung đều có quá trình hình thành và phát triển với những đặc điểm, bản sắc riêng rất khó bao quát đầy đủ. Với tấm lòng yêu mến và trân trọng văn học nghệ thuật Yên Bái - nơi tôi đã từng sinh ra, lớn lên và công tác, với một niềm tha thiết tìm hiểu văn hóa, văn học của địa phương mình, tôi mong muốn được đóng góp một phần công sức nhỏ bé của bản thân vào việc tôn vinh những giá trị văn học đặc sắc của **“Văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay”**. Chính vì vậy tôi đã lựa chọn thực hiện đề tài này cho luận văn tốt nghiệp với một mục đích và hy vọng: nếu thành công sẽ đóng góp một phần tài liệu tham khảo hữu ích cho công việc giảng dạy, học tập phần **“Văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay”** tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

## **2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu (Lịch sử vấn đề)**

Hiện nay văn học nghệ thuật ở các địa phương đã phát triển vượt bậc. Điều này thể hiện ở đội ngũ sáng tác ngày càng đông đảo cũng như số lượng tác phẩm dày dặn, phong phú và chất lượng cao. Qua khảo sát, chúng tôi thấy những công trình nghiên cứu mang tính chuyên sâu về văn học Yên Bái nói chung, văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay nói riêng vẫn chưa thực sự được quan tâm.

Trong cuốn **“Nghiên cứu lý luận phê bình Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kỳ hiện đại - Diện mạo và đặc điểm”** của PGS.TS Trần Thị Việt Trung (chủ biên) và ThS Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, đã tuyển chọn giới thiệu một tác giả của Yên Bái là Hà Lâm Kỳ - **“Nhà văn dân tộc thiểu số nghĩ và viết”**. Bài viết đã đề cập đến cách nghĩ và viết của đồng bào dân tộc, họ viết bằng cả trái tim nhưng còn chịu nhiều thiệt thòi **“Nghĩ về quê hương mình, viết về đồng bào mình, đầy**



*là hướng sáng tác chính của các nhà văn dân tộc. Và họ đã nghĩ, đã viết với tất cả tấm lòng và sự lao lực, vậy mà vẫn khó lọt vào trang “Văn nghệ già”” [61, tr.334].*

Bên cạnh đó còn có một số tác phẩm nghiên cứu về văn học Yên Bái như cuốn phê bình và tiểu luận **“Trên đường học tập và suy nghĩ”** của Hán Trung Châu có 43 bài viết về các nhà văn Việt Nam và các tác giả văn học Yên Bái. Trong đó có bài viết **“Truyện và ký trên văn nghệ Yên Bái, tác giả - tác phẩm”** nhắc đến sự phát triển của truyện và ký Yên Bái.....

Luận văn thạc sỹ của Hoàng Thị Thu Nga **“Sáng tác của Hoàng Thế Sinh trong văn xuôi Yên Bái đương đại”** đã đi sâu vào nghiên cứu con người và hiện thực miền núi trong văn xuôi Hoàng Thế Sinh và đặc điểm nghệ thuật trong văn xuôi của ông.

Qua những công trình, bài nghiên cứu phê bình, những lời nhận xét về văn học Yên Bái đã cho thấy: Văn học Yên Bái đã có nhiều khởi sắc và là một bộ phận quan trọng trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Nó có nhiều đóng góp cho nền văn học nước nhà. Các nhà nghiên cứu và phê bình văn học cũng đã quan tâm, nghiên cứu về văn học Yên Bái ở nhiều góc độ khác nhau. Cũng có một số bài nghiên cứu, phê bình của một số cây bút có tên tuổi. Đây là cơ sở hữu ích để chúng tôi thực hiện đề tài của mình. Song có thể thấy, còn thiếu việc đi sâu nghiên cứu, phân tích, đánh giá, chỉ ra đặc điểm, diện mạo cũng như chưa có công trình độc lập nào nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên sâu hệ thống về văn học Yên Bái từ năm 1986 đến nay. Và đây chính là “khoảng trống” để chúng tôi tiến hành tìm hiểu **“Văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay”** một cách hệ thống và toàn diện hơn.

### **3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là Văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay. Giới thiệu, nghiên cứu tác phẩm, nội dung văn xuôi từ 1986 đến nay và đánh

giá một số tác giả tiêu biểu như: Hoàng Hạc, Hà Lâm Kỳ, Hoàng Thế Sinh. Qua đó làm nổi bật lên nghệ thuật trong văn xuôi Yên Bái.

### ***3.2. Mục tiêu nghiên cứu***

Qua quá trình nghiên cứu hướng tới một sự đánh giá đầy đủ và khách quan hơn về những thành công và hạn chế, về tiến trình vận động và phát triển cũng như đặc điểm của văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay. Qua việc tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phê bình một cách cụ thể các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ tiêu biểu sống và sáng tác trên mảnh đất quê hương Yên Bái với những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật để khẳng định sự đóng góp của văn học Yên Bái vào thành tựu của Văn học Việt Nam hiện đại.

Giới thiệu một số gương mặt các nhà văn tiêu biểu của văn học Yên Bái và vai trò của họ trong việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa miền núi vừa truyền thống vừa hiện đại của quê hương mình. Bên cạnh đó làm nổi bật lên các biện pháp nghệ thuật được các nhà văn sử dụng tạo nên những sáng tác độc đáo và những phong cách riêng của người sáng tác.

## **4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu**

### ***4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Luận văn đưa ra một cái nhìn khái quát về quá trình hình thành và phát triển của văn học Yên Bái trong gần 2 thập kỷ qua, đồng thời cung cấp cái nhìn khái quát về đóng góp của văn xuôi Yên Bái cho nền văn học địa phương. Khẳng định vị trí của văn xuôi Yên Bái trong nền văn học Việt Nam hiện đại.

Luận văn đi sâu nghiên cứu những đóng góp của văn xuôi Yên Bái và một số tác giả tiêu biểu từ phương diện nội dung như: Một số tác giả tiêu biểu, các khuynh hướng sáng tác của văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay. Đánh giá về những đóng góp, quan niệm sáng tác và cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của một số nhà văn tiêu biểu.

Luận văn nghiên cứu và tìm hiểu một số phương diện nghệ thuật nổi bật trong sáng tác của văn xuôi Yên Bái trong thời kỳ đổi mới.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại.

Phương pháp xã hội học; Phương pháp thi pháp học.

Phương pháp tiếp cận văn học dưới góc nhìn văn hóa.

Ngoài ra còn sử dụng các thao tác quen thuộc trong nghiên cứu văn học như: Phương pháp đọc, phân tích, tổng hợp, thống kê và hệ thống hóa

#### **5. Phạm vi nghiên cứu**

Trước năm 1986, văn xuôi Yên Bái đã hình thành và phát triển, cũng có nhiều tác giả, tác phẩm được ghi nhận nhưng chưa đạt đến đỉnh cao xuất sắc. Sau thời điểm đổi mới 1986, trên cơ sở kết tinh của nền văn học trước, văn xuôi Yên Bái đã phát triển rực rỡ và có nhiều đóng góp cho nền văn học dân tộc. Do giới hạn trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, do thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung nghiên cứu tập trung vào **“Văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay”**.

Trong quá trình nghiên cứu, Ngoài việc nêu khái quát về tình hình xã hội, sự phát triển của văn học Yên Bái nói chung, tôi chọn nghiên cứu các tác giả tiêu biểu theo các tiêu chí sau: Tác giả là hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Yên Bái đã có tác phẩm đạt giải từ địa phương đến Trung ương; Là tác giả đã, đang sống và viết ở Yên Bái, đã khẳng định vị trí của mình trên thi đàn văn học địa phương và toàn quốc. Chúng tôi nghiên cứu về những đóng góp cho văn học nghệ thuật, quan điểm sáng tác và cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của các tác giả. Chúng tôi sử dụng các tác phẩm văn xuôi để khảo sát, đánh giá.

Với thể loại, chúng tôi chỉ đi sâu vào nghiên cứu văn xuôi, không nghiên cứu thơ và các thể loại khác.

## **6. Cấu trúc luận văn**

Luận văn gồm 3 phần: Phần mở đầu, phần nội dung, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

Phần nội dung chính của luận văn chia làm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về văn hóa, văn học tỉnh Yên Bái.

Chương 2: Nội dung văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay.

Chương 3: Nghệ thuật văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay.

Kết thúc mỗi chương chúng tôi đánh giá khái quát toàn chương thông qua phần tiểu kết

## **7. Đóng góp của luận văn**

Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu về văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay trong một cái nhìn hệ thống, chúng tôi cung cấp những kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, con người, văn hóa của quê hương Yên Bái; tiến trình hình thành và phát triển của văn học Yên Bái trước và sau 1986; khái quát về các tác giả, tác phẩm; thể loại, đặc điểm; thành tựu, hạn chế của văn học Yên Bái. Đồng thời hệ thống lại nội dung, nghệ thuật của văn xuôi Yên Bái, chỉ ra cá tính sáng tạo độc đáo của một số gương mặt nhà văn Yên Bái tiêu biểu từ 1986 đến nay như: Hoàng Hạc, Hà Lâm Kỳ, Hoàng Thế Sinh

Khẳng định sự đóng góp của văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay đối với nền văn học Việt Nam hiện đại.

Góp thêm một tài liệu tham khảo phục vụ quá trình giảng dạy văn học địa phương tỉnh Yên Bái, cũng như những ai quan tâm đến văn xuôi Yên Bái.

## NỘI DUNG

### Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ VĂN HÓA, VĂN HỌC YÊN BÁI

#### 1.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên và xã hội của Yên Bái

##### 1.1.1. Vài nét về tỉnh Yên Bái

Tỉnh Yên Bái thuộc khu vực miền núi Bắc bộ nằm sâu trong lục địa. Lãnh thổ Yên Bái nằm trên toạ độ địa lý từ  $21^{\circ} 24' 40''$  đến  $22^{\circ} 16' 32''$  độ vĩ Bắc, từ  $103^{\circ} 56' 26''$  đến  $105^{\circ} 03' 07''$  độ kinh Đông, nằm trải dọc theo hai bờ sông Hồng và nằm trên khu vực chuyển tiếp giữa miền Tây Bắc và miền Đông Bắc, đồng thời cũng là khu vực chuyển tiếp giữa khu vực Tây Bắc với trung du Bắc Bộ.

Về phía Bắc, Yên Bái giáp với tỉnh Lào Cai, phía Nam giáp với tỉnh Phú Thọ, phía Đông giáp với hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, còn phía Tây giáp với tỉnh Sơn La.

Trước khi trở thành một đơn vị hành chính cấp tỉnh, Yên Bái là một địa bàn nằm trong tỉnh Hưng Hóa - một tỉnh lớn về diện tích, trải rộng khắp vùng trung du và thượng du Bắc Kỳ (khu vực Tây Bắc). Tỉnh Yên Bái ngày nay bao gồm thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và 7 huyện: Yên Bình, Lục Yên, Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Trạm Tấu, Mù Cang Chải.

Yên Bái là một vùng đất có từ lâu đời. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, Yên Bái có rất nhiều tên gọi và thay đổi về địa giới hành chính. Vùng đất cơ bản của Yên Bái xưa gồm khu vực thành phố Yên Bái ngày nay, một phần đất huyện Yên Bình và một phần đất huyện Trấn Yên. Còn các huyện thị khác là những phần đất được sát nhập vào Yên Bái qua các thời kỳ khác nhau của lịch sử.

Ngày 3/01/1976, 3 tỉnh Yên Bái - Lào Cai - Nghĩa Lộ sát nhập thành tỉnh Hoàng Liên Sơn. Ngày 1/10/1991, tỉnh Hoàng Liên Sơn chia thành hai

tỉnh Yên Bái và Lào Cai. Từ khi chia tách tỉnh đến năm 1995, tỉnh Yên Bái có 8 đơn vị hành chính gồm: Thị xã Yên Bái, các huyện: Lục Yên, Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải. Năm 1995, thị xã Nghĩa Lộ được thành lập nên toàn tỉnh có 9 đơn vị hành chính. Năm 2002, thị xã Yên Bái được nâng cấp lên thành phố. Từ đó đến nay, tỉnh Yên Bái bao gồm: thành phố Yên Bái; thị xã Nghĩa Lộ; các huyện: Yên Bình, Lục Yên, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải với 180 xã, phường, thị trấn.

Ở vị trí cửa ngõ miền Tây Bắc của Tổ quốc, tỉnh Yên Bái là điểm dừng chân của các dòng người thiên di từ đồng bằng Bắc Bộ lên, từ phương Bắc xuống sinh cư lập nghiệp. Hiện nay, vùng đất Yên Bái là nơi quần cư của 30 dân tộc anh em với dân số trên 785.000 người, trong đó dân tộc Kinh chiếm 54%, dân tộc Tày chiếm 17%, dân tộc Dao chiếm 9,1%, dân tộc Mông chiếm 8,1%, dân tộc Thái chiếm 6,1%.

Sự phân bố dân cư các dân tộc ở Yên Bái không có lãnh thổ tộc người rõ rệt, họ sống xen kẽ với nhau. Nhưng mỗi dân tộc đều có những vùng quần tụ đông đảo của mình. Tại các vùng này dân số dân tộc đó chiếm tỷ lệ cao hơn so với dân tộc khác cùng cư trú. Tiêu biểu là người Mông cư trú tập trung ở hai huyện Trạm Tấu và Mù Cang Chải; người Thái, người Mường ở huyện Văn Chấn, thị xã Nghĩa Lộ; người Dao ở hai huyện Văn Yên, Văn Chấn; người Sán Chay ở huyện Yên Bình; người Kinh ở thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ; người Tày, người Nùng ở huyện Lục Yên; người Khơ Mú ở xã Nghĩa Sơn huyện Văn Chấn; người Phù Lá ở xã Châu Quế Thượng huyện Văn Yên...

Trong kỷ nguyên độc lập của Nhà nước Đại Việt, nhân dân các dân tộc tỉnh Yên Bái đã không tiếc xương máu để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Kể từ khi thành lập (11/4/1900) đến nay, tỉnh Yên Bái đã trải qua lịch sử hơn 100

năm đấu tranh, xây dựng và trưởng thành. Đáng nhớ nhất là thời kỳ đấu tranh đầy gian khổ để giành lại nền độc lập tự do, bảo vệ toàn vẹn thành quả cách mạng, kháng chiến thắng lợi, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Dù trải qua biết bao gian nan vất vả, nhưng nhân dân các dân tộc tỉnh Yên Bái luôn phát huy cao độ tinh thần yêu nước và yêu quê hương, đoàn kết chặt chẽ, lập nên những thành tựu lớn lao về mọi mặt góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương giàu đẹp.

Đất nước thống nhất, nhân dân các dân tộc Yên Bái lại đồng cam cộng khổ khắc phục hậu quả chiến tranh, bắt tay khôi phục lại nhà cửa bị tàn phá trong cuộc chiến tranh hủy diệt của kẻ thù.

Từ nhiều chục năm trước đây, kinh tế Yên Bái đã năng động hướng tới mục tiêu sản xuất và cung cấp cho xã hội nhiều sản phẩm có giá trị. Hệ thống các nông trường, trang trại, đã tạo ra nhiều mặt hàng hóa quý như chè, quế, hoa quả, than, đá quý... Thắng cảnh Thác Bà cùng nhiều hang động kỳ thú, Ruộng bậc thang Mù Cang Chải, Bản sắc văn hóa dân tộc Mường Lò với các điệu xòe cổ... có sức hút mạnh mẽ các du khách từ miền trong và ngoài nước. Bước vào thời kỳ đổi mới, Yên Bái đã mạnh dạn quy hoạch các vùng nguyên liệu, vùng cây lương thực, vùng cây lấy gỗ, vùng cây con đặc sản, vùng chăn nuôi. Nhờ đó, trên địa bàn Yên Bái, ngoài kinh tế trang trại ngày càng phát triển, đã hình thành các vùng kinh tế tập trung chuyên canh. Đã huy động được nhiều thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất hàng tiêu dùng. Năng suất lương thực tăng. Cây công nghiệp và lâm nghiệp phát triển... Kể từ năm 1986 trở đi, Yên Bái đã đáp ứng nhu cầu về lương thực, vật tư hàng tiêu dùng. Đội ngũ cán bộ khoa học ngày một nhiều. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế có những tiến bộ đáng kể. Nhờ đó đời sống, tinh thần của con người Yên Bái ngày càng được nâng cao và phát triển.

Một vùng núi xa xôi của tổ quốc, với địa hình phức tạp hiểm trở, nhưng nơi đây chứa đựng nhiều yếu tố cuốn hút những cây bút văn chương tài năng và tạo nên nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Thiên nhiên cũng là một nguồn cảm hứng vô tận thúc các nhà văn cầm bút. Bên cạnh đó các cuộc chiến tranh oanh liệt đã khơi gợi tấm lòng yêu nước thiết tha của những cây bút văn chương Yên Bái. Nhiều tác phẩm như: *Bến ngòi*, *Áu Lâu bến lửa* của Trần Cao Đàm, *Kỷ vật cuối cùng* của Hà Lâm Kỳ, *Người về sau cuộc chiến* của Nguyễn Hiền Lương... Hay sự phát triển và đổi mới của nền kinh tế cũng đã được nhiều nhà văn thể hiện trong sáng tác của mình. Như vậy, vị trí địa lý, tự nhiên và xã hội đóng một vai trò khá quan trọng trong quá trình sáng tác của các nhà văn Yên Bái.

### ***1.1.2. Khái lược về bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh Yên Bái.***

Yên Bái là tỉnh đa dân tộc, có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa, nơi hội tụ của những sắc màu văn hóa dân tộc độc đáo, đậm đà bản sắc thể hiện qua các lễ hội, các làn điệu dân ca, dân vũ, các nghi lễ, phong tục tập quán, chữ viết, ngôn ngữ, ẩm thực, nghề truyền thống, trang phục...

Sống trên mảnh đất Yên Bái, mỗi dân tộc đều sáng tạo nên những bản sắc văn hóa riêng của mình trong nếp ở, nếp ăn, sự giao tiếp, văn học nghệ thuật và tín ngưỡng. Đó không chỉ là niềm tự hào mà còn là giá trị đích thực của đời sống tinh thần, làm cho vườn hoa của Yên Bái đậm đà, nhiều màu sắc. Theo số liệu tổng kiểm kê di sản của ngành văn hóa năm 2011, “trên địa bàn tỉnh Yên Bái có trên 1.200 di sản văn hóa, trong đó hơn 700 di sản văn hóa vật thể và trên 400 di sản văn hoá phi vật thể”. Các di sản và lễ hội nổi tiếng của tỉnh Yên Bái được biết đến như: Nhà truyền thống và Làng cổ Pang Cáng của người Mông ở Suối Giàng; Làng cổ Viêng Công của dân tộc Thái ở Hạnh Sơn (Văn Chấn); Làng cổ Ngòi Tu của dân tộc Cao Lan, xã Vĩnh Kiên (Yên Bình)... cùng các lễ hội như: Lễ Tắm khâu mầu của người Tày (Văn



Chấn), Lễ cưới của người Dao (Yên Bình), Lễ Đón hồn mẹ lúa của người Khơ Mú, xã Nghĩa Sơn (Văn Chấn)...

Bên cạnh các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tỉnh Yên Bái còn có nhiều di tích lịch sử đã được xếp hạng cấp quốc gia như Căng và Đồn Nghĩa Lộ, đèo Lũng Lô, khu di tích Khu ủy Tây Bắc ở huyện Văn Chấn; Di tích đội du kích Cao Phạ ở huyện Mù Cang Chải; Di tích lịch sử Nguyễn Thái Học, bến Âu Lâu ở thành phố Yên Bái; Di tích Chiến khu Vần - Dọc huyện Trấn Yên... cùng nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Hồ Thác Bà, Ruộng bậc thang Mù Cang Chải... Tất cả những giá trị văn hóa này đã được lưu lại trong các sáng tác của các nhà văn và các nhà văn hóa của Yên Bái Như *Ngang trời mây đỏ* của Ngọc Bái đã viết về lịch sử Nguyễn Thái Học; Tiểu thuyết *Âu Lâu bến lửa* của Trần Cao Đàm viết về bến Âu Lâu thời chiến; Hà Lâm Kỳ lưu lại trong sáng tác của mình hình ảnh của Chiến khu Vần qua *Ký vật cuối cùng*...

Trong những năm qua, việc sưu tầm, bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa dân gian truyền thống của các dân tộc đã được tỉnh quan tâm, chỉ đạo và từng bước tổ chức thực hiện, đạt được nhiều kết quả như: đầu tư nghiên cứu, triển khai các dự án sưu tầm các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của các dân tộc; tổng kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh; phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển tiềm năng du lịch. Đây cũng chính là yếu tố tạo nên những trang văn, trang thơ mang đậm sắc thái dân tộc.

## **1.2. Khái quát về văn học Yên Bái từ 1975 đến nay**

### ***1.2.1. Tiến trình hình thành và phát triển của văn học Yên Bái***

#### *1.2.1.1. Giai đoạn từ 1975 đến 1986*

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, văn hóa, văn nghệ tỉnh Yên Bái hình thành và phát triển trên cơ sở phát huy bản sắc tiềm ẩn của nền văn hóa Đông Sơn của người Việt cổ cùng các phong tục tập quán, các lễ hội cổ

truyền gắn với các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian. Sau cách mạng, văn học Yên Bái cũng như văn học các dân tộc mới bắt đầu có điều kiện phát triển và trở thành một bộ phận quan trọng của nền văn học Việt Nam hiện đại.

Sau khi giành được chính quyền tháng 8/1945, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta vô cùng cực khổ, tối tăm, văn hóa xã hội hầu như không phát triển được. Tuy nhiên với tinh thần lạc quan yêu đời, phong trào văn hóa, văn nghệ của quần chúng công - nông - binh tỉnh Yên Bái có điều kiện phát triển trong bối cảnh lực lượng văn nghệ sĩ toàn quốc được tập hợp trong Hội văn hóa cứu quốc. Nhân dân các dân tộc Yên Bái vẫn giữ nguyên được bản sắc văn hóa, văn học nghệ thuật truyền thống của mình.

Ngày 3/1/1976 ba tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ chính thức được hợp nhất thành tỉnh Hoàng Liên Sơn. Từ đó các hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật của 3 tỉnh cũng sát nhập làm một dưới sự điều hành của ban vận động thành lập Hội.

Ngày 12 tháng 6 năm 1979, Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn ra Quyết định số 685/NQ-TC thành lập Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Hoàng Liên Sơn. Đó là thời điểm tỉnh Hoàng Liên Sơn (Lào Cai, Yên Bái) vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh biên giới 2/1979. Lúc này, nhân dân vẫn còn nhiều lo lắng. Sự kiện này mang lại cho sáng tác và văn học một nguồn đề tài phong phú, một nguồn cảm hứng mới mẻ, dạt dào, có những cái giống, vừa không giống với hai cuộc chiến trước đó, bởi nó diễn ra ngay “*nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt*”. Nơi đây còn là một miền đất nước có núi cao, suối sâu, sông rộng vừa hùng vĩ vừa nên thơ, là nguồn lực vô tận cho ngòi bút sáng tác của các nhà văn.

Bên cạnh đó, những truyện thơ Tày, Thái với những số phận điển hình trong cuộc sống, những khúc dân ca diu dặt, say đắm, những câu ca dao, tục ngữ mộc mạc, giản dị mà sâu sắc... là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tạo

văn chương thời hiện đại. Bản thân nền văn hóa, văn học dân gian này cũng đã trực tiếp đào tạo và cung cấp cho văn nghệ những nghệ sỹ tài năng và hết mình cho nghệ thuật.

#### *1.2.1.2. Giai đoạn từ 1986 đến nay*

Sau 30 năm thực hiện đường lối đổi mới về văn hóa văn nghệ được đề ra từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), văn học Việt Nam đã có nhiều bước chuyển sâu sắc, đạt nhiều thành tựu đáng kể trên tất cả các thể loại, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền tảng văn hóa, tinh thần của con người và xã hội. Trong đó có văn học nghệ thuật Yên Bái cũng nằm trong quy luật đó.

Bước vào thời kỳ hiện đại, nền văn học của mỗi quốc gia, trong phạm vi một địa phương cũng vậy, “nếu thơ ca là bộ phận nhạy cảm, đi đầu, “có ngay” thì văn xuôi thường được xem là trụ cột, xương sống”. Quả vậy, văn xuôi Yên Bái ngày càng phát triển, có bước trưởng thành trong thế đi lên vững chãi.

Năm 1988 Đại hội Văn học nghệ thuật tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ nhất được tiến hành trọng thể. Đây là nhiệm kỳ hoạt động của Hội theo tinh thần Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị về “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn hóa và nghệ thuật phát triển lên một bước mới. Đến ngày 01/10/1991 Hoàng Liên Sơn tách thành 2 tỉnh Yên Bái và Lào Cai. Sau khi tách tỉnh Hoàng Liên Sơn Hội văn học nghệ thuật có 26 hội viên đã chuyển về sinh hoạt tại Hội văn học nghệ thuật tỉnh Lào Cai, tỉnh Yên Bái còn lại 54 Hội viên. Ngày 15/10/1991 đồng chí chủ tịch tỉnh Hoàng Công Dung đã ký quyết định số 12/QĐ-UB về việc tổ chức Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Yên Bái. Phải khẳng định rằng: Từ ngày có Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Yên Bái ra đời, văn học vận động và phát triển mau lẹ hơn. Qua mỗi kỳ đại hội của Hội đã ghi

nhận những thành tích, những bước tiến của các lĩnh vực nghệ thuật nói chung của văn học nói riêng. Nhiều cây bút tên tuổi đã ở lại quê hương Yên Bái như Ngọc Bái, Dương Soái, Xuân Nguyên... Kể từ ngày đó văn học Yên Bái phát triển rực rỡ. Đội ngũ tác giả yêu nghề, say mê nghiệp văn chương, có ý thức về vai trò, trách nhiệm của người cầm bút, họ đã cho ra đời nhiều tác phẩm có giá trị. Rất nhiều ấn phẩm được xuất bản, được đông đảo bạn đọc địa phương biết đến và đón nhận. Các nhà văn, nhà thơ có tên tuổi của Yên Bái cũng xuất bản nhiều cuốn sách riêng cho sự nghiệp văn thơ của mình. Bên cạnh các tác giả có tên tuổi ở thời kỳ trước sang đến thời kỳ này lại càng vững tay bút hơn, lại có thêm nhiều tác giả trẻ. Các nhà văn, nhà thơ kì cựu và trẻ tuổi này đã đem đến cho độc giả nhiều tập thơ, nhiều tập truyện hay. Có những truyện ngắn, tập thơ dự thi đã đạt giải cao của Trung ương và địa phương như: giải thưởng trung ương có Tuyển tập *Văn xuôi Hoàng Hạc*, Tập thơ *Đông vọng ngô phố xưa* của Ngọc Bái, Tập thơ *Bão tím* của Trần Thị Nương, Tập *Truyện cổ Sơn Chay* của Lâm Quý, Truyện vừa *Kỷ vật cuối cùng* của Hà Lâm Kỳ... và gần đây nhất (năm 2014 - 2015) là Có 02 hội viên đã đoạt giải thưởng của Trung ương Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam đó là tập truyện ngắn "*Người về sau cuộc chiến*" của Nguyễn Hiền Lương đoạt giải C; Tập bút ký "*Trên đỉnh La Pán Tản*" của Nông Quang Khiêm đoạt giải Khuyến Khích; 05 tác giả khác (Nguyễn Đình Thi, Hoàng Việt Quân, Hoàng Tương Lai, Quách Hùng, Trần Quang Minh) đã được nhận hỗ trợ đầu tư của Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam... Nhờ những tác phẩm đạt giải mà có những cây bút trong nền văn học Yên Bái đã được cả nước biết đến. Văn học Yên Bái ngày càng khẳng định được vị trí của mình trong nền văn học dân tộc thiểu số, và nền văn học Việt Nam hiện đại. Bởi Yên Bái đã đóng góp nhiều nhà thơ, nhà văn cho nền văn học hiện đại nước nhà. Tiêu biểu là Hoàng Hạc, Xuân Nguyên, Trần Cao Đàm, Hà Lâm Kỳ, Thế Sinh, Hoàng Việt Quân, Dương Soái, Ngọc Bái, Nguyễn Hiền Lương...

Văn học Yên Bái từ ngày đổi mới đến nay, chất lượng sáng tác có nhiều khởi sắc. Trước hết đội ngũ tác giả hầu hết là người địa phương hoặc không phải người địa phương nhưng đã có thời gian sinh sống lâu năm tại Yên Bái. Họ đã từng am hiểu, gắn bó với mảnh đất núi rừng thân yêu này. Có tác giả được bồi dưỡng và đào tạo nghiệp vụ viết văn chuyên nghiệp. Có một số tác giả là giáo viên thuộc chuyên ngành văn học, giáo viên thuộc các cấp học và còn có cả những tác giả thuộc các ngành, nghề khác nhau. Một số tác giả dù không được đào tạo chuyên nghiệp nhưng với lòng yêu và say mê văn thơ, khổ công tự học và nghiên cứu họ đã góp phần làm cho văn học Yên Bái phát triển mạnh.

### ***1.2.2. Đội ngũ tác giả, tác phẩm***

Từ năm 1975 đến nay văn học Yên Bái có sự phát triển cả về đội ngũ tác giả và tác phẩm. Các tác giả Yên Bái được tập hợp và sinh hoạt trong tổ chức Hội Văn học- Nghệ thuật Yên Bái. Tạp chí Văn nghệ Yên Bái là cơ quan ngôn luận, đăng tải các sáng tác, lý luận - phê bình và sưu tầm, khảo cứu văn hoá, văn học dân gian Yên Bái. Ngoài ra, các tác giả đều có các tác phẩm được xuất bản từ các nhà xuất bản trung ương.

Thơ ca Yên Bái sau 1975 có sự phát triển mạnh mẽ. Hiện ở Yên Bái có nhiều tác giả thơ là hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật Yên Bái, Hội nhà văn Việt Nam, ngoài ra còn một lực lượng đông đảo các tác giả thơ sinh hoạt tại các Câu lạc bộ thơ là cộng tác viên của Tạp chí Văn nghệ Yên Bái. Tác giả thơ Yên Bái còn có sự đa dạng phong phú hơn đội ngũ tác giả văn xuôi, có tác giả còn ở lứa tuổi thiếu nhi, có tác giả đã cao tuổi, có cây bút chuyên nghiệp, có cây bút nghiệp dư. Có thể nói thơ ca đã đi vào cuộc sống hàng ngày của con người Yên Bái cả ở bề rộng và chiều sâu. Trong số các tác giả thơ Yên Bái phải kể đến nhà thơ Ngọc Bái, Vũ Chân Nam, Lê Vân, Dương Soái, Lê Văn Lộc, Lê Anh Quốc, Trần Thị Nương, Nguyễn Ngọc Triu, Hoàng Bảo,

Ngọc Chấn...đã có nhiều tập thơ được xuất bản, trong đó có những bài thơ được bạn đọc yêu quý.

Số lượng tác phẩm thơ xuất bản ngày càng nhiều, bên cạnh những tập thơ in chung nhiều tác giả Yên Bái đã cho ra đời những tập thơ riêng của mình như *Trầm tĩnh cánh rừng* (1990), *Thấp thoáng cánh rừng* (1990), *Thời áo lính* (1993), *Thạch thảo miền rừng* (1994), *Những con đường đất đã qua* (1996), *Gió ngoài cửa sổ* (1999), *Trong trẻ trước mùa thu* (2004) - Ngọc Bái; *Đất lạ* (1990), *Gửi em ở cuối sông Hồng* (1998) - Dương Soái; *Dáng đứng pơ mu* (1990) - Lê Văn; *Miền đất tôi yêu* (1990), *Qua cổng trời* (2005) - Hoàng Bảo; *Những mùa hoa* (1990); *Mùa hoa phượng* (1991), *Đất vua Hùng* (1996) - Vũ Chấn Nam; *Như xưa xưa* (1991) - Thế Sinh; *Xôn Xao rừng lá* (1992) - Hà Lâm Kỳ; *Vùng quê đầm thắm* (1992) - Huyền Sâm; *Gió không lời* (1992), *Khoảng trời sau cửa sổ* (1993), *Lặng lẽ thời gian* (1997) - Lê Văn; *Quê mình* (1993), *Mùa sim* (1996) - Dịch Ngọc Lâm; *Tiếng gọi từ trắng núi* (1995), *Bão tím* (1999), *Giếng khát* (2000), *Ngọn lửa* (2003) - Trần Thị Nương; *Bông gạo trắng còn bay* (1994), *Qua cổng trời* (2005) - Hoàng Bảo; *Hoa xuân đất tổ* (1996) - Lê Quốc Hùng; *Vĩ thanh người lính* (2000) - Ngọc Chấn; *Miền núi đá* (2003), *Nỗi nhớ* (2004); *Vẫn nhận ra em* (2004) - Vũ Ngọc Kỳ; *Vọng xanh* (2002) - Lê Văn Lộc, *Dải sông Ngân* (2004) - Nguyễn Hiền Lương; *Tìm nắng trong mưa* (2004) - Nguyễn Ngọc Triu...

Về văn xuôi từ 1975 đến nay ở Yên Bái có nhiều tác giả viết văn xuôi. Đội ngũ tác giả văn xuôi Yên Bái khá đa dạng, phong phú. Có người quê gốc ở Yên Bái, có người từ nhiều tỉnh, thành khác đến Yên Bái công tác, làm ăn sinh sống. Họ ở nhiều vùng miền trong tỉnh, làm nhiều công việc khác nhau, thuộc nhiều thế hệ, nhưng tất cả đều gắn bó với mảnh đất, con người Yên Bái. Yên Bái đã trở thành quê hương trong cuộc sống và vùng quê trong sáng tác văn học. Trong số các tác giả văn xuôi Yên Bái có những cây bút tiêu biểu, có nhiều tác phẩm viết về Yên Bái. Đứng đầu là nhà văn Hoàng Hạc (1932 -

1999), Xuân Nguyên (1931 - 2006), Địch Ngọc Lân... Họ vừa là những người cao tuổi, có nhiều kinh nghiệm đi đầu trong sáng tác, có nhiều đóng góp cho văn học những tác phẩm văn học giá trị cao. Tiếp đến là Trần Cao Đàm, Hoàng Việt Quân, Bá Khánh, Quang Bách, Hoàng Thế Sinh, Thái Sinh, Vũ Quý, Hà Lâm Kỳ, Nguyễn Hiền Lương, Hoàng Hữu Sang, Nguyễn Thị Lũy, Bùi Thị Kim Cúc, Hoàng Trương Lai, Thế Quỳnh, Văn Thà, Dương Hiền Nga, Vũ Quang Trung, Nguyễn Thị Thanh,...

Hoàng Hạc sáng tác từ những thập niên cuối của thế kỷ trước, chỉ với “*Những ngày đầu chập chững*” (1996) và *Đêm hội cốm* (trích truyện *Xứ lạ mừng trên* - 1999) cũng đủ cho ta thấy đó là con chim đầu đàn trong sáng tác văn xuôi. Các tác phẩm của ông: *Giếng nước trong xanh* (1975), *Gió đông thổi ngược* (1978), *Sông gọi*, *Đêm hội cốm* (1987), *Đôi chim và xứ sở* (1991), *Những ngày đầu chập chững* (hồi ký 1996), *Rừng xanh xao động* (1999), *Vào rừng chẳng biết lối ra* (phóng sự - 1999), *Khi người là bạn của rừng* (bút ký 2001), *Người nuôi rắn hổ mang* (2003), *Cường tà* (2003), *Trước giao thừa* (2004).

Bút danh Xuân Nguyên (Nguyễn Văn Xuân), cũng là một cái tên quen thuộc của văn học Yên Bái. Một cây bút nhiều năm viết truyện ngắn, Xuất hiện đều đặn trên tạp chí. Ông đã cho in hơn 20 truyện ngắn và bài ký, trong đó hầu hết là truyện ngắn. Những tác phẩm tiêu biểu như: *Cô gái núi rừng* (1975), *Gõ bay* (1976), *Chàng trai vùng quê* (1979), *Cỏ trường xuân* (1992), *Kẻ trăn lột* (1993), *Rừng ma* (1993), *Ngàn lau* (1996), *Vẹn nguyên sắc hoa ban* (ký - 1996), *Xuân muộn* (1997), *Nhàn hoa tím* (1997), *Người đánh gấu trên suối mây* (1997) *Người săn chim* (1998), *Cậu con cầu tự* (1999), *Truyện lạ ở bản Coóc* (1999), *Tay sét* (1999) *Hạnh phúc chẳng ngọt ngào* (1999), *Cánh chim cô đơn* (2000), *Tiểu thuyết cửa rừng* (2000), *Ánh bạc lấp lánh* (2000), *Chuyện ở cửa hàng ô* (2001), *Ngựa dê tranh tài* (2002), *Bạn đời* (2004), *Dịch gà* (2005), *Vực gà* (2006)

Tác giả văn xuôi chân chất đậm đà bản sắc dân tộc - Dịch Ngọc Lân. Từ một lĩnh vực công tác khác, vào hội Văn học nghệ thuật năm 1993, ông viết nhanh, viết nhiều vừa văn, vừa thơ. Không kể hai cuốn tiểu thuyết đã xuất bản (*Ngôi đình bản Chang* và *Đất rừng Tâm Chung*), ông đã in nhiều truyện dài, truyện vừa và ký. Một số tác phẩm như: *Về những con đường* (1991), *Truyện về một ngôi sao* (1994), *Cây đa và những mùa thu ấy* (1995), *Anh em trong họ* (1999), *Chị Máy* (2000), *Đồng tiền phúng viếng* (2001), *Cùng loài sát chuột* (2002), *Bữa tất niên tổng ngựa, nghênh dê* (2002), *Bản Khau Lý* (2003), *Pò éng nuôi khi* (2004)...

Khác với những lớp người đi trước, lớp trẻ ngày càng xuất hiện đông hơn, xông xáo và năng động hơn. Mỗi người một vẻ, họ sáng tác và phát triển trên nhiều phương diện rộng lớn với những văn phong khác biệt làm cho văn xuôi Yên Bái ngày càng phong phú và đa dạng.

Trần Cao Đàm là một người cần mẫn, bao nhiêu năm gắn bó thủy chung với đất và người Yên Bái và mở rộng ra là vùng Tây Bắc. Qua nhiều sáng tác của ông như: *Pa thí mù sưng đến Bến ngòi, Âu Lâu bến lửa...* ta nhận thấy ông hiểu biết sâu sắc tình cảm con người, *Những người cha tình nguyện*, những người mắc *bệnh lòng*, nhất là *Nửa sau đời lính* trong công cuộc đổi mới xây dựng quê hương. Trần Cao Đàm có những chuyện nhẹ nhàng, vui vui mà sâu sắc như *Ăn năn, Đến Vũng Tàu gặp quê hương...* và ông có nhiều bài ký vừa xác thực vừa độc đáo (*Anh hùng giữa đời thường, Con trai Xứ Nhu 50 năm tuổi Đảng...*). Những tác phẩm khác như: *Ngọn lửa vùng biên* (1985), *Hoa không tên* (1988), *Ở núi mặt trời* (1990), *Một chiều thu* (1991), *Lẽ đời* (1993), *Bản hoa* (1994), *Chuyện tình của đồng đội* (1994), *Người nhật nắng* (1995), *Rừng Lũng Lô* (1995), *Nơi cổng trời* (1996), *Tinh đất* (1996), *Rễ cây, rễ người* (2000), *Con nai bay* (2001), *Năm tháng cuộc đời* (2001), *Hai lần về huyện anh hùng* (2001), *Đất thiêng* (2001), *Con ngựa mặc áo* (2002), *Vết tàn nhang* (2002), *Chiến công trên mặt trận mới* (2002), *Lời khẩn phải*



*sửa* (2002), *Mùa xà cừ rụng lá* (2002), *Người chăn dê trên Pá Bẻ* (2002), *Đất mừng* (tiểu thuyết - 2010).

Khi nói đến những trang truyện ký, người nhắc đến đầu tiên phải là Hoàng Việt Quân, ngoài việc biên tập chính ông còn viết rất nhiều. Tác phẩm của ông nghiêng về thể loại ký. Ông là một người cẩn mẫn ghi chép tạo nên những trang ký tuyệt vời. Ký của Hoàng Việt Quân tỉ mỉ, chính xác đến từng chi tiết. Mỗi con người, mỗi sự việc, mỗi cử chỉ, lời nói của cá nhân đều được ông viết ra chân thực, rõ ràng như chính nó tồn tại trong đời sống. Có người đánh giá về ông là “*người giữ vàng trong từng trang viết*” cũng thỏa đáng (Hồng Thanh Tâm - báo Yên Bái số 1936). Ông đã từng đặt chân đến nhiều nơi, dọc ngang Suối Giàng, dưới tán chè cổ thụ đến tận phía đông hồ Thác Bà, từ Khau Phạ đến vùng quê Văn Yên...chưa kể xa hơn nữa, ông đã lặn lội đến cả vùng núi Việt Bắc gặp các ông Ké, bà Nặm để có được *Người ở nguồn* có được *Bác Hồ trong lòng người Yên Bái, Lào cai*. Các truyện và ký của ông: *Thành phố năm hai nghìn* (1982), *Lá thư gửi mẹ* (1984), *Quà tặng mùa xuân* (1986), *Sống dưới một mặt trời* (1987), *Người khách hàng bí ẩn* (1988), *Món nợ và mùa xuân vỡ cánh* (1989), *Hồi tưởng về rừng* (1990), *Trong giông bão* (1992), *Núi bàn tay* (1992), *Mùa xuân nhớ ngày hành hương* (1994), *Đến với đường nghĩa* (ký - 1996), *Thơm thảo một vùng quê*, *Người nhạc sĩ vô tư* (1998), *Về thăm chiến khu Văn* (bút ký - 1998), *Người nghệ sĩ còn nhiều mơ ước* (1999), *Bác Hồ với cuộc khởi nghĩa Yên Bái* (2002), *Bác Hồ với Quốc hội nước ta* (2002)...

Hoàng Thế Sinh - một nhà văn, một nhà nhiếp ảnh nghệ thuật, từ ngày đầu xuất hiện với tư cách là một tác giả văn chương ông đã vùng vẫy giữa một khoảng trời cao rộng và thoáng đãng. Ông đã đi khắp đó đây, chính vì thế văn cũng như thơ của ông không chịu gò bó trong một thể loại, một mảng đề tài nào nhất định. Với cảm hứng sâu sắc ở mọi nơi, mọi lúc ông đã để nó tuôn trào trong ngòi bút của mình. Vừa sống *Thời hoa đỏ* bỗng nhiên đến *Bụi Hồ*,

vừa đi trong *Cái ngõ hẹp* thoáng cái đã thấy trên *Đường lên Phan Xi Păng*, thuộc *Luật của rừng* ông còn thuộc các luật của tình người mang nặng đê đầu với bao nỗi trớ trêu (*Huyền thoại mẹ*). Truyện và ký của ông tiêu biểu là: *Quả thị của bà* (1990), *Trái tim hóa đá* (1990), *Bà chúa kịch câm* (1991), *Đào chanh đào* (1992), *Huyền thoại mẹ* (1995), *Ngôi sao kim cương* (1996), *Hoa ban cháy* (2002), *Huyền thoại hồ Thác Bà* (ký - 2002), *Hoàng hôn lập thể* (2004), *Hoang thủy* (2004), *Lên Phan si Păng* (ký - 2004), *Rừng thiêng* (2005), *Cái ngõ hẹp* (2005), *Được vàng* (2005).

Thái Sinh (Nguyễn Đình Sinh) gắn bó với văn chương từ khi còn rất trẻ, đến nay ông đã có bề dày hơn 30 năm sáng tác. Ông thiên về đề tài nông nghiệp miền núi đặc biệt là kinh tế rừng. Tác phẩm nào cũng xây dựng trên nền cơ bản là miền núi với các vấn đề tự thân của nó: *Đất nước miền núi* (*Lặng lẽ một vùng rừng*(2001), *Trở lại vùng đất khát*, *Lên Mù Căng Chải*, *Về với mùa hoa lê*, *Đêm trong rừng*, *Sau chiến tranh người ấy không về* (1988), *Nơi xứ sở hoa ban* (Bút ký – 1998), *Miền đất nở hoa* (ký - 1999), *Bảy sắc cầu vồng* (1999), *Ngọc của núi* (2000), *Con gái ma cà rồng* (2000).

Bùi Huy Mai là một tác giả có nhiều đóng góp cho văn học nghệ thuật Yên Bái. Là một hội viên chuyên ngành âm nhạc nhưng ông tham gia vào viết và xuất bản một số tác phẩm văn xuôi như tập truyện *Cay húc Nậm xia* - tập truyện dân gian Văn Chấn - Mường Lò, NXB Văn hóa dân tộc - 1996. Ngoài ra ông còn có nhiều tác phẩm nghiên cứu sưu tầm, truyện, bút ký, ca khúc in trên các báo, tạp chí Văn học dân gian Yên Bái, Báo Yên Bái và tạp chí các văn hóa dân tộc ở trung ương

Hà Lâm Kỳ - một tên tuổi nổi bật trong văn xuôi Yên Bái. Ông từng là bộ đội chiến trường Tây Nguyên thời kỳ chống Mỹ, sau đó ông về làm giáo viên dạy văn tại trường Cao đẳng sư phạm Yên Bái, làm công tác đoàn phụ trách thiếu nhi, làm công tác quản lý và sáng tác văn học, viết báo, sưu tầm văn hóa dân gian...Nhờ đó mà ông có điều kiện tích lũy nguồn sáng tác. Ông

trải nghiệm ngòi bút của mình trên nhiều thể loại, trong đó có 3 thể loại chính là thơ, văn xuôi và nghiên cứu, phê bình, sưu tầm văn hóa văn học dân gian. Những tác phẩm của ông đi cùng năm tháng như: *Người đội trưởng thiếu nhi năm bốn bảy* (1987), *Đi tìm những em bé tặng hoa Bác Hồ* (1987), *Áo chàm chân núi* (1991), *Câu hỏi sau chiến tranh* (1993), *Ngày ấy bạn tôi* (1994), *Suối làng* (1998), *Hoa trạng nguyên* (2000), *Họ ngoại ở làng* (2001), *Câu chuyện giữa nhà thơ Tố Hữu với Bác Hồ* (2002), *Gió Mùa Căng* (truyện dài 2005), *Quả nhạc xòe của mẹ* (tập truyện 2006), *Một góc nhìn* (tập tiểu luận - 2006), *Vượt rừng* (tiểu thuyết - 2007), *Kỷ vật cuối cùng* (tập truyện - 2008), *Làng nhỏ* (2013), *Văn xuôi Hà Lâm Kỳ* (2014), *Gặp và ghi*, (Tập hợp các bài viết - 2014).

Dương Soái được biết đến là một nhà thơ với bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc *Gửi em ở cuối sông Hồng*, nhưng ông cũng không ngần ngại khi cầm bút sáng tác những tác phẩm văn xuôi và những trang ký đầy chất nhân văn. Một số sáng tác của ông: *Chuyện ở làng khai hoang* (1978) *Những mùa xuân không chờ đợi* (1988), *Kỷ niệm bản Trôi* (1996).

Vũ Quý không in nhiều, về văn xuôi chỉ có hai tập chính: *tập truyện Hẻm 98 ngách N* (2004) và tập ký *lúa non Mường Lai*. Nhưng cũng để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc.

Bùi Thị Cúc đã mang đến cho nền văn xuôi Yên Bái một sức sống mới với những sáng tác: *Tìm đến một người cha* (1993), *Nàng là ai* (1994), *Mối tình tội lỗi* (1996), *Chuyện đời* (1997), *Điều không thể chối từ* (1998), *Kẻ không chữ* (1999), *Người đi tìm hạnh phúc* (2000), *Tiếng rao đêm* (2000), *Cam chịu* (2002), *Trăng đáy giếng* (2004), *Thung xanh* (2005) *Đi tìm câu trả lời* (ký - 2010).

Quang Bách là một cây bút viết về vùng cao Yên Bái - Lào Cai (*Từ bỏ lời nguyện, Xuống núi...*) và viết về tình yêu, tình bạn. Một số tác phẩm: *Đêm chuyển mùa* (2001), *Trăn trở vùng quê* (2002), *Giấc mơ* (2003), *Khóm trúc*

(2005), *Sương thu* (tiểu thuyết 2007) *Tâm tình vùng cao* (tập ký - 2007), *Ngọt ngào Mùa Căng Chải* (ký - 2010)

Nguyễn Thị Lũy là một cô giáo dạy môn Văn học trong nhà trường. Cô cầm bút sáng tác những tác phẩm nhẹ nhàng, êm dịu. Những tác phẩm của cô đề cập đến cuộc sống hàng ngày mà qua đó mỗi người như nhìn thấy mình cũng có một phần trong đó. Tác phẩm của cô: *Mơ ước cuối cùng* (1994), *Chiếc Đrim màu mận chín* (1995), *Bến bồi* (1997), *Lá rụng về cội* (1998), *Khoảnh khắc* (1999), *chuyện ở làng Còng* (2000), *Cây thánh giá* (2001), *Cây đa thần* (2004), *Mèo con dũng cảm* (tập truyện - 2006), *Đất quê* (tiểu thuyết 2006) *Hoàng hôn xanh* (ký (2007), *Đi tìm đồng đội* (ký 2010).

Nguyễn Hiền Lương cũng là một tác giả khá tiêu biểu của văn xuôi Yên Bái. Trước đây ông đã từng tham gia bộ đội sau đó về làm giáo viên giảng dạy tại trường Cao đẳng sư phạm Yên Bái. Sau này ông tham gia Hội văn học nghệ thuật và làm phó chủ tịch Hội văn học nghệ thuật tỉnh Yên Bái. Chính vì thế trong sáng tác của ông thường viết về đề tài chiến tranh và giáo dục. với: *Người khôn* (1994), *Người đàn bà điên thổi sáo* (1995) *Chuyện của Hảo* (1994), *Người hát rong* (1996), *Người trồng cây đào trên sân trường Xá Nhù* (1997), *Anh là lính mà em* (1998), *Cái lý của người Mông* (2000), *Lời từ biệt* (2004), *Lời hứa hẹn trong chiến tranh* (2004), *Cái đình* (truyện ngắn - 2007), *Con gái người thương binh* (ký 2007) *Cây hoa cô giáo Thảo* (2009), *Miền rừng thưở ấy* (Tập truyện 2010) và gần đây nhất ông được nhận giải C trung ương với truyện ngắn "*Người về sau cuộc chiến*" (2014).

Hoàng Tương Lai là con trai của nhà văn Hoàng Hạc nên thừa hưởng chất văn của cha cùng vốn văn hóa dân tộc Tày. Là một nghệ nhân lưu truyền văn hóa dân gian nhưng ông cũng sáng tác nhiều tác phẩm văn xuôi như: với *Chén rượu thông gia* (1998), *Rễ người* (1999), *Trăng sáng trong rừng quế* (2000), *Chỗ xôi trưa ấy* (2000), *Lòng người* (2001), *Chiếc lá trung quân* (2002), *Cây sệt trở hoa* (tập truyện 2006) *Lời "tặng cầu"* (2007), *Quả lựu đạn cài hoa* (2007)

Nông Quang Khiêm là một cây bút trẻ đầy triển vọng đã có những trang văn trong sáng, đậm đà bản sắc dân tộc Tày ở vùng Đông hồ Thác Bà qua tập truyện viết cho thiếu nhi *Những ánh sao xanh*. Anh đã sáng tác một tập truyện ngắn dày dặn *Rừng Pha Mơ yêu dấu*, Nxb Kim Đồng, giải B Văn học Nghệ thuật Yên Bái ( 2008) và nhiều tác phẩm thơ, truyện in trên sách, báo, tạp chí trung ương, địa phương. Cũng như ông ngoại của mình -nhà văn Hoàng Hạc và bác ruột là nhà văn Hoàng Tương Lai, Nông Quang Khiêm vẫn giữ được bản sắc dân tộc mình, tình yêu cội nguồn của mình trong từng trang viết. Hiện nay Nông Quang Khiêm đang công tác tại cơ quan thường trực Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Yên Bái, có điều kiện và triển vọng đi xa hơn ông và bác trên con đường văn học. Anh có nhiều truyện ngắn, trong đó có cả truyện viết cho thiếu nhi. Ngòi bút của Nông Quang Khiêm khá chuyên nghiệp và ngày càng thể hiện dấu ấn trong văn học Yên Bái.

Bên cạnh thế hệ trước đã từng trải, vững tay nghề, chúng ta cũng ghi nhận đội ngũ mới tuy sáng tác chưa nhiều nhưng đang hình thành và tự khẳng định mình. Dương Hiền Nga vốn là cô giáo có tập truyện *Ước gì có cánh* đầy sự thương yêu, quý trọng tuổi thơ. Trần Văn Hạc vốn am hiểu chữ Thái và các phong tục, tập quán dân tộc Thái đã cho ra đời cuốn sách sưu tầm - biên soạn *Nhân sinh dưới bóng đại ngàn*, lại công bố được tập truyện và văn *Tiếng ban mai*. Hoàng Xuân Lý là tác giả duy nhất từ trước đến nay phản ánh cuộc sống và con người ở các xã vùng sâu, vùng xa ở phía đông huyện Văn Chấn qua tập truyện và ký *Nghĩa tình phía cổng trời*. Hoàng Kim Yến viết về các em thiếu nhi và tuổi trẻ học đường, để lại ấn tượng nhất là các truyện đồng thoại đầy tính giáo dục qua tập truyện *Một cuộc giải cứu*. Nguyễn Ngọc Yến với tập truyện ngắn *Mùa xa* đầy nữ tính nhưng cũng thể hiện cá tính mạnh mẽ đã tạo những lát cắt tâm lý sắc gọn trong tình yêu. Cách viết truyện ngắn của chị khá chững chạc, hứa hẹn sẽ có những tác phẩm hay hơn.

Nhìn lại nền văn học Yên Bái từ 1975 đến nay ta thấy các cây bút văn xuôi Yên Bái ngày càng đông đảo, tốc độ phát triển khá mạnh. Những năm 80 và 90 của thế kỷ trước, các tác giả văn xuôi của Yên Bái rất ít, với các tên tuổi như Xuân Nguyên, Hoàng Việt Quân, Thế Sinh, Thái Sinh, Trần Cao Đàm, Hoàng Hữu Sang, Nguyễn Hiền Lương, Nguyễn Thị Lũy... Sang đầu thế kỷ này, các tác giả văn xuôi xuất hiện đông hơn, phần lớn là trẻ, trẻ tuổi đời và tuổi nghề. Có thể kể như Nông Quang Khiêm, Nguyễn Ngọc Yến, Kim Yến, Nguyễn Thị Thanh, Dương Hiền Nga, Lương Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thị Tâm, Lò Thị Én Xuân... Một số tác giả vốn từ lĩnh vực khác, gần đây cũng viết truyện ký, phê bình giới thiệu và đã có ngay những tác phẩm tốt như Ngọc Bái, Dương Soái, Ngọc Chấn, Nguyễn Đức Long, Vũ Quang Trung...

Có thể nói văn xuôi Yên Bái sau 1975 đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, Nhiều tác phẩm hay và có giá trị. Có nhiều đóng góp cho công cuộc xây dựng quê hương Yên Bái nói riêng và góp tiếng nói giàu bản sắc dân tộc, miền núi vào sự phát triển chung của văn xuôi Việt Nam hiện đại.

### ***1.2.3. Đời sống thể loại và một số đặc điểm nổi bật***

Văn học Yên Bái có đủ các thể loại và mỗi thể loại đều có những thành tựu nhất định. Do giới hạn của luận văn nên chúng tôi nêu khái quát một số đặc điểm của thể loại, chủ yếu đi sâu vào đặc điểm của văn xuôi Yên Bái.

Thứ nhất nói về lĩnh vực thơ ca, đây là thể loại phát triển mạnh và có nhiều tên tuổi lớn. Điều đó được thể hiện ở số lượng tác giả, tác phẩm, thể hiện ở những đỉnh cao đã giành được các giải thưởng văn học của địa phương và Trung ương. Lực lượng tác giả thơ đông đảo, hùng hậu, ngày càng được bổ sung và lớn mạnh. Các tác giả thơ cao tuổi vẫn miệt mài sáng tác, chất thơ ngày càng lắng đọng. Các tác giả trẻ của thơ ca Yên Bái tuy sáng tác chưa

nhiều nhưng đã để lại nhiều ấn tượng, tạo nên những gương mặt mới cho thơ ca Yên Bái và góp phần làm giàu đẹp cho nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Có nhiều bài thơ Yên Bái được các nhạc sỹ trung ương và địa phương phổ nhạc thành các ca khúc có sức sống với thời gian như “ *Gửi em ở cuối sông Hồng*” của Dương Soái, “ *Anh có vào Nghĩa Lộ với em không*” của Hoàng Hạnh, “ *Đêm Mường Lò*” của Vũ Quý...Nhiều tập thơ có nhiều đóng góp như: *Đất vua Hùng, Mùa hoa phượng* - Vũ Chấn Nam, *Xôn xao rừng lá* - Hà Lâm Kỳ, *Ngàn xanh* - Nguyễn Bá Khánh, *Lê Văn Lộc, Tình thơ Cao Lan* - Lâm Quý, *Tiếng gọi từ trắng núi, Cánh buồm ngọn gió* - Trần Thị Nương, *Nắng trong mưa* - Lê Vân, *Rét riêng hai* - Bích Thư, *Năm tháng trốn tìm* - Lê Anh Quốc, *Gửi về quê mẹ* - Ngọc Loan, *Chiếc khăn thêu* - Văn Kinh, *Lặng lẽ thời gian* - Lê Vân, *Vọng đêm* - Đặng thị Thanh Hương...

Văn xuôi Yên Bái khá đa dạng về thể loại, bao gồm: Truyện, kí, tiểu thuyết. Các mảng đề tài của văn xuôi Yên Bái cũng khá phong phú. Có đề tài lịch sử, thể hiện hình ảnh con người Yên Bái trong hai cuộc kháng chiến, như các tác phẩm: *Ngôi đình Bản Chang* - tiểu thuyết của Địch Ngọc Lâm, *Bến ngòi, Áu Lâu bến lửa* - tiểu thuyết của Trần Cao Đàm, *Kỉ vật cuối cùng, Gió Mù Căng* - truyện dài của Hà Lâm Kỳ, *Người mẹ tuổi Lũng Phô* - tập truyện ngắn của Xuân Nguyên...Có đề tài về lao động sản xuất xây dựng quê hương, về cuộc sống thường nhật của con người Yên Bái, như các tác phẩm: *Huyện trên núi* - tập ký của Hoàng Việt Quân, *Lúa non ở Mường Lai* - tập ký của Vũ Quý, *Khát vọng từ đất, Lên Phan xi phăng* - tập ký của Hoàng Thế Sinh, *Chuyện lạ ở bản Coóc* - tập truyện ngắn của Hoàng Hữu Sang, *Vàng trắng không còn khuyết* - tiểu thuyết của Nguyễn Thị Luỹ.

Điều đáng ghi nhận là các cây bút trẻ ngày càng nhiều, lối viết ngày càng sâu sắc. Lúc đầu chưa mạnh dạn trong sáng tác nhưng dần dần lối viết sắc bén hơn. Khi đọc một kiếp *Ca Nương* (truyện ngắn- Văn nghệ Yên Bái số 157) của Nguyễn Ngọc Yên, ta thấy tác giả viết khá tốt về nghệ thuật hát ả

đào: người hát chuyên nghiệp- kẻ đào, người kép và cả những biến dạng méo mó, lệch lạc trong việc lợi dụng nó ngày nay cả về hai phía- người hầu phục và kẻ hưởng thụ. Nghe kể và miêu tả giọng hát, tiếng đàn, nhịp phách lúc trầm lúc bổng ăn khớp với khước mắt làn môi người đọc cũng cứ tưởng mình đang ngồi trong ca quán. Qua miêu tả của tác giả người đọc nhận thấy một cô đào tài sắc như Sương sớm bị lợi dụng. Á đã tự hủy hoại cuộc đời mình và làm tan vỡ bao cuộc đời người khác. Huy cũng tưởng y là tín đồ ngoan đạo của một môn nghệ thuật bác học, là một nghệ nhân sành điệu, thưởng thức nghệ thuật rất nghệ thuật, ai dè cũng chỉ là một kẻ trác táng tầm thường. Chút tình thương và ân hận muộn màng không vớt lại được một chút phẩm hạnh người ca sỹ.

Nhiều cây bút văn xuôi với nhiều phong cách đáng quý như: Nguyễn Hiền Lương cũng là một cây bút tài hoa. Truyện của ông có cấu tứ như một bài thơ, tự sự pha với chất lãng mạn điệu đà. Hà Lâm Kỳ giàu chất sử, chất dân gian giản dị mộc mạc mà vẫn sáng ngời tâm đức. Quang Bách đã đạt được những kết quả đáng khích lệ với tập truyện *Người cha bất hạnh*, tiểu thuyết *Phía bên kia rừng cọ*, gần đây viết nhiều truyện ngắn và nhất là ký. Đọc sáng tác của Vũ Quang Trung giúp người đọc hiểu về những con người ở những vùng sâu, vùng xa như Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Lục Yên, Đông và Tây hồ Thác Bà...

Còn những cây bút rất đáng trân trọng và quen thuộc như Bùi Thị Kim Cúc, Nguyễn Thị Lữ và mới đây nhất như Nguyễn Thị Thanh, Bùi Thanh Tâm, Dương Hiền Nga... Họ đã mang đến cho văn học tỉnh nhà một sức sống mới. Sáng tác của Nguyễn Thị Lữ mạnh bạo trong cách đặt vấn đề và giải quyết những bức xúc của xã hội con người, lời văn đanh thép, sắc gọn có sức chiến đấu cao. Truyện của Bùi Thị Kim Cúc thường lắm nỗi éo le trắc trở, mỗi truyện ngắn là một thân phận phần lớn là đắng cay, tủi nhục, nhẫn nhịn, bị cuộc đời xô đẩy đến chân tường. Cuộc đời dạy cho họ cần cứng cỏi tự tìm



cách mà đứng lên. Nguyễn Thị Thanh, là một cây bút trẻ có năng lực, nhiều hứa hẹn bởi trong nhiều năm qua đã cho ra mắt nhiều truyện, ký khá ấn tượng về đất nước và con người miền núi, nhất là vùng Nghĩa Lộ, mảnh đất đã trở thành nơi đi về trong tâm khảm nhà văn.

Hoặc như Nông Quang Khiêm. Anh là một tác giả còn trẻ tuổi nghề và cũng rất trẻ tuổi đời, nhưng càng ngày ngòi bút của anh khá nhanh và chắc khỏe. Anh viết rất nhiều, làm báo, viết văn, làm thơ. Riêng về văn, anh viết liền mấy truyện ngắn và ký, trong đó có mấy truyện viết cho thiếu nhi như: truyện ngắn: *Vích*, *Giấc mơ hoá rồng*, *Rừng Pha Mơ yêu dấu*, *Kỷ niệm ngày về*, *Đôi bạn*, *Con khi cụt tay*, *Con căng lạc đàn...* đều có nội dung tư tưởng tốt, phong cách riêng vững vàng. Đặc biệt chú ý hai truyện viết cho thiếu nhi: *Con khi cụt tay* (Văn nghệ Yên Bái số 159) và *Túp và Mốc* (Văn nghệ Yên Bái số 161). Những truyện ngắn này mang được đầy đủ những đặc trưng thể loại và phù hợp với đối tượng phục vụ chính là thiếu nhi nhưng người lớn đọc cũng thấy thú vị, đó là điều Tô Hoài đã từng dạy. Nhân vật thiếu nhi của anh cũng rất sống động, hồn nhiên, tự nhiên, yêu thương loài vật... đậm chất miền núi.. anh rất nhạy bén và tinh tế gắn vào các truyện thiếu nhi ấy những vấn đề của đời sống cộng đồng hiện tại.

Về thể ký, so với truyện phát triển có rầm rộ hơn, số lượng người viết đông hơn và tác phẩm cũng nhiều hơn, Bởi do đặc trưng thể loại dễ viết, dễ ghi. Những trang ký đã phản ánh kịp thời, thậm chí tức thời các sự kiện trong đời sống mọi mặt của địa phương. Chẳng hạn những lần giải phóng Nghĩa Lộ là các tác giả có dịp tha hồ đi chợ Mường Lò, gặp bạn, gặp dân trên đất Nghĩa, về Thanh Lương, Nghĩa An, Nghĩa Lợi, Phù Nham, ăn hạt gạo Mường Lò, uống chè cỏ thụ Suối Giàng, về bản Bon, bản Hóc thả mình bên dòng suối nước nóng ấm tình người, Ngược con suối Thia nô đùa với những cô gái Thái bên dòng nước trong veo, Chiêm ngưỡng những điệu xòe duyên dáng, đặc trưng của đất Mường Lò... và cũng từ đây hàng loạt bài ký ra đời.

Hay mỗi khi có những sự kiện như có cuộc thi viết về mối tình hữu nghị đặc biệt Việt- Lào, chúng ta có kỷ niệm ngày thành lập các trường phổ thông lớn trong tỉnh, ngày Thương binh liệt sỹ... Tất cả đều là đề tài để ký khai thác. Những trang ký nổi bật như: *Trầm mặc đá* (Thế Sinh), *Thú rừng ở Quý Xa*, *Lên Sâu Chuô* (Dương Soái), *Gặp bạn ở làng cam* (Hoàng Xuân Lý), *Rạo rục chợ vui Mường Lò* (Hoàng Việt Quân), *Đầm ám Nghĩa An* (Nguyễn Hiền Lương) *Cựu binh trên đất Nghĩa* (Ngọc Chấn), *Nhớ mãi Bua Xaly* (Hoàng Tương Lai)... Một số tác giả ký đã rất nhạy bén chắc tay, vững vàng ngay từ khâu lựa chọn đề tài, xác định chủ đề và tư tưởng cho tác phẩm. Hoàng Thế Sinh với chiếc cổng tự nhiên hoành tráng- cửa Tân Lĩnh của huyện Lục Yên thật tuyệt vời qua ngòi bút ký họa: Núi thần Áo Đen lưng lững ngang trời châu đầu vào Bạch Mã Sơn uy nghi. Không phải chỉ là cổng, đó còn là hai vị thần trấn giữ cho sự bình yên của châu Lục. *Trầm mặc đá* còn cho thấy sự giàu có tiềm ẩn, vừa sang trọng, cao quý vừa thiêng liêng của Lục Yên. đá bày ra chợ đủ màu, đá rời Lục Yên, Yên Bái sang án Độ, Đài Loan, Bỉ, Thụy Sĩ... Tất cả đang diễn ra trước mắt mọi người. Tác giả bài viết đã có nhận thức và trách nhiệm đầy đủ về giang sơn đất nước trong thời kỳ đổi mới.

#### **1.2.4. Thành tựu, hạn chế**

##### *1.2.4.1. Thành tựu*

Nhìn một cách tổng thể, văn học Yên Bái là một trong những nền văn học địa phương miền núi hình thành và phát triển sớm và có nhiều thành tựu đáng kể. Đội ngũ nhà văn, nhà thơ đông đảo và lớn mạnh, ai nấy có phong cách riêng khá sâu đậm, có lớp trước, lớp sau, có nam có nữ, có người bản địa và người đang trở thành bản địa. Họ tham gia nhiệt tình vào các cuộc thi sáng tác ở các thể loại khác nhau của Trung ương và địa phương. Nhiều tác phẩm thơ và văn xuôi của các tác giả đã đạt giải cao, được đông đảo bạn đọc đón nhận.

Văn xuôi Yên Bái có sự khởi sắc. Mặc dù chưa có những đỉnh cao thực sự nổi bật nhưng nhìn chung về mặt chất lượng khá đồng đều. Có thể nói nhờ mảng văn xuôi Yên Bái đã tái hiện được công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước tại một vùng miền núi Tây Bắc. Qua các tác phẩm ta thấy hiện lên một Yên Bái nói riêng và Tây bắc nói chung anh hùng trong chống Mỹ, trong xây dựng nhà máy, xí nghiệp, xây dựng quê hương, làng bản. Trong những tác phẩm ấy ta bắt gặp những con người luôn có trí hướng phấn đấu vươn lên trong chiến đấu, trong học tập. Họ lạc quan yêu đời hăng say lao động, miệt mài trong nghệ thuật. Trong thời đại đổi mới chính họ là những người quan trọng trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, xóa bỏ tiêu cực, lạc hậu xây dựng cuộc sống mới vững bước đi lên dưới ánh sáng của Đảng.

Thơ là một bộ phận quan trọng của nền văn học Yên Bái. Cùng với sự phát triển của nền văn học địa phương, thơ cũng ngày càng khởi sắc. Ngày càng nhiều nhà thơ xuất hiện, nhiều tập thơ ra đời. Với tình yêu say đắm con người, quê hương, cuộc sống mà các nhà thơ đã tạo cho mình một phong cách riêng và những tập thơ vang danh trong cả nước, được nhận giải thưởng cao của Trung ương và giải thưởng hàng năm của tỉnh.

Trong sự phát triển chung của văn học Yên Bái, mảng văn học thiếu nhi đạt được nhiều thành tựu. Nhiều tác giả viết thơ, truyện cho thiếu nhi, như: Hà Lâm Kỳ với các tập truyện *Kỷ vật cuối cùng*, *Chim ri núi*, *Những đứa con lên núi*; *Ông tướng Bọ ngựa...*; Lê Quốc Hùng với trên 10 tập truyện đồng thoại; Lê Văn Lộc với tập thơ *Lích tích chim xanh*, Hoàng Hữu Sang với tập truyện *Ông nội*; Địch Ngọc Lân với tập truyện *Chú Hành và thằng Boóng*. Bên cạnh sáng tác của người lớn cho thiếu nhi, còn có các sáng tác của chính các em thiếu nhi. Nhiều tác phẩm của các tác giả là học sinh đang sinh hoạt tại các câu lạc bộ văn học tại các nhà trường, như Trường Trung học phổ thông Văn Yên, Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ, trường chuyên Nguyễn Tất Thành... đã được giới thiệu trên tạp chí Văn nghệ Yên Bái. Trong số đó có cây bút đã trưởng thành,

như Nông Quang Khiêm với tập truyện ngắn “*Rừng Pha mơ yêu dấu*” và anh còn là cây bút trẻ có nhiều triển vọng trong nền văn học Yên Bái.

Có được những thành tựu này, chúng ta phải thừa nhận rằng: Yên Bái là mảnh đất giàu truyền thống, thu hút và nuôi dưỡng nhiều nhân tài văn chương nghệ thuật. Bên cạnh đó cảnh sắc thiên nhiên, con người Yên Bái thật đẹp và phong phú khơi nguồn cảm hứng sáng tác. Ngoài ra cũng phải kể đến sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng sâu sát của tỉnh, sự đầu tư của Trung ương và địa phương, sự giúp đỡ và phối kết hợp của các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong tỉnh và điều đáng ghi nhận là bản thân các tác giả đã nỗ lực vận động, hy sinh lớn vì nghệ thuật tỉnh nhà.

#### 1.2.4.2. Hạn chế

Tuy nhiên, cũng cần mạnh dạn nói rằng bên cạnh những thành tựu đã đạt được. Văn học Yên Bái vẫn còn những điểm hạn chế như: Có những tác giả sáng tác rất nhiều nhưng còn ít tác phẩm có giá trị đọng lại trong lòng người đọc. Có những tác giả ẩn chứa trong mình tố chất của một nhà văn, nhà thơ nhưng chưa thật sự tâm huyết, chưa đầu tư, chưa duy trì được sáng tác. Còn một số không ít bài ký sơ sài, sự việc vụn vặt, con người mờ nhạt thấp thoáng, không để lại ấn tượng gì cho người đọc. Vin vào tính chất ghi chép của ký mà thoải mái ghi chép, dường như thấy gì ghi nấy, thiếu lựa chọn còn nói gì đến dụng ý nghệ thuật, gửi gắm vào đó tim óc của người viết. Văn ký khô khan, thô mộc, thiếu gọt rũa, chưa thoát khỏi lối ghi chép lấy tư liệu trước khi xây dựng tác phẩm văn học. Những tác phẩm thực sự xứng tầm với công cuộc đổi mới của tỉnh, của đất nước còn ít. Có những mảng văn học chưa được nở rộ như mảng nghiên cứu - phê bình - lý luận. Bởi đây là mảng nhạy cảm và đầy khó khăn trong cách tiếp cận, thể hiện. Hệ thống các thể loại văn học phát triển không đồng đều: thơ, truyện ngắn phát triển mạnh, tiểu thuyết thành tựu còn khiêm tốn. Lực lượng sáng tác trẻ kế tiếp chưa nhiều, hiếm tài năng nổi trội. Đề tài văn học chưa có nhiều đổi mới...

### **Tiểu kết**

Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc có một nền văn hóa đa dân tộc, giàu bản sắc. Mỗi dân tộc đều lưu giữ bảo tồn nét đẹp truyền thống trong bản sắc văn hóa của mình. Chính vì lẽ đó đã làm nền nuôi dưỡng tâm hồn các nhà văn, nhà thơ của tỉnh Yên Bái. Để từ đó văn học Yên Bái được hình thành, vận động và phát triển qua các giai đoạn, các thời kỳ. Thể loại văn học phong phú và đa dạng và phát triển rục rịch. Số lượng các tác phẩm ngày càng nhiều, chất lượng được nâng lên rõ rệt. Nhiều cây bút tài năng xuất hiện. Bên cạnh những nhà văn có tên tuổi và thuộc thế hệ đi trước thì nhiều cây bút trẻ xuất hiện và ngày càng khẳng định được vị thế sáng tác và những đóng góp của mình trong nền văn học quê nhà nói riêng và nền văn học Việt Nam nói chung.

## Chương 2

### NỘI DUNG VĂN XUÔI YÊN BÁI TỪ 1986 ĐẾN NAY

Nội dung văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay thể hiện ở nhiều phương diện như: khuynh hướng sáng tác, đề tài, cảm hứng, quan niệm sáng tác... Nhưng luận văn chỉ đi sâu vào nghiên cứu khuynh hướng sáng tác, đồng thời tập trung nghiên cứu, trình bày quan niệm sáng tác và cảm hứng chủ đạo của một số gương mặt tiêu biểu để làm nổi bật lên diện mạo của văn xuôi Yên Bái.

#### 2.1. Các khuynh hướng sáng tác của văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay

Văn xuôi Yên Bái được sáng tác theo nhiều khuynh hướng. Nổi bật lên là hai khuynh hướng cơ bản. Đó là khuynh hướng lịch sử - dân tộc; khuynh hướng thế sự, đời tư.

##### 2.1.1. *Khuynh hướng lịch sử dân tộc*

Những tác phẩm văn xuôi sáng tác theo khuynh hướng lịch sử dân tộc viết về đề tài chiến tranh. Đó là những tác phẩm trên cơ sở phản ánh hoặc là sự hồi tưởng về chiến tranh, ở đó là nỗi đau, là hậu quả của chiến tranh để lại cho từng gia đình. Bên cạnh đó còn là những tác phẩm viết về những sự kiện lịch sử lớn tác động đến số phận cá nhân của từng con người, từng gia đình.

Trong những năm qua, truyện, ký Yên Bái đã bắt nguồn từ thiên nhiên, cuộc sống và con người để tìm tòi khai thác, chắt lọc cho mình những chất liệu quý, tự tạo một sức sống mới, mạnh mẽ với nhiều màu sắc hấp dẫn. Bên cạnh đó còn là rất nhiều những tác phẩm nhận được giải thưởng cao và được đăng trên báo chí trung ương, và địa phương, được nhiều bạn đọc đón nhận. Nhiều tác phẩm văn xuôi Yên Bái đã góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, cách mạng, hướng con người tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Chẳng hạn như: Nhà ái quốc Nguyễn Thái Học với cuộc khởi nghĩa Yên Bái 1930 đã đến với người

đọc qua tác phẩm *Ngang trời mây đỏ* của Ngọc Bái (Nxb Dân trí - 2012). Đây là một cuốn tiểu thuyết lịch sử độc đáo bởi độ chín của tình yêu nước được ấp ủ kỹ càng và sự táo bạo trong bút pháp nghệ thuật. *Ngang trời mây đỏ* không chỉ là sự thể hiện chân thực lịch sử Việt Nam thời kỳ hiện đại mà sức mạnh, ảnh hưởng của nó còn góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Tác phẩm đậm đặc chất lịch sử nhưng cũng rất giàu chất trữ tình. Các nhân vật trong đó từ người thủ lĩnh và bộ chỉ huy đến các nhân sỹ, binh sỹ khi bước vào cuộc chiến đều lắm nỗi tâm tư, chứa chan tình cảm, ai cũng thương dân, tình nghĩa bạn bè, thủy chung chồng vợ.

Bên cạnh đó, Ngọc Bái với tập truyện ngắn *Lắm ngã đường đời* đã phản ánh hiện thực cuộc sống qua các thân phận con người, nhất là các mối quan hệ chằng chịt giữa cái xấu, cái ác và cái tốt, cái thiện hiện hữu trong nội bộ cán bộ, sĩ quan, chiến sỹ trong chiến tranh hay trong nội bộ dân chúng, anh em hàng xóm nơi dân sự, ít nhiều có sự đù dỗ, giễu cợt, xa xót.

Hà Lâm Kỳ với tuyển tập “*Văn xuôi Hà Lâm Kỳ*”, “*Gặp và ghi*” vẫn trung thành với đề tài miền Tây và quê hương Đại Lịch, làm sống lại các nhân vật lịch sử vốn là thanh niên, thiếu niên đầy dũng cảm trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Tiêu biểu là truyện dài *Ký vật cuối cùng* và *Chim ri núi*. Đó là câu chuyện lịch sử về Hoàng Văn Thọ, một thiếu niên dân tộc tày đã dũng cảm hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hoàng Văn Thọ đã được Nhà nước truy tặng Huân chương chiến công, bằng Tổ quốc ghi công và sau này là danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang.

Với tập sách biên soạn tái bản *Địa danh Yên Bái sơ khảo*, Hoàng Việt Quân tập trung nhiều công sức cho các công trình nghiên cứu, phê bình *Bạn hữu non ngàn*, *Chút lòng tri ân*, *Nhà giáo - nhà văn Ma Văn Kháng*, *Cầm Hánh đánh giặc Cờ Vàng* (in chung với Lò Văn Biền). Đó là những trang tư liệu và lời bình phẩm về tác giả tác phẩm một thời đã qua, là giới thiệu truyện

thơ lịch sử của dân tộc Thái về nhân vật Cầm Hành đánh giặc Cờ Vàng được lưu truyền trong dân chúng, được chép trong sách cổ.

Gần đây, nhu cầu giáo dục đã quan tâm đến những tác phẩm thể hiện được những chân thực của lịch sử. Nhà văn, người làm nghệ thuật nói chung khai thác thế nào, mối quan hệ giữa tư liệu chính xác và hư cấu nghệ thuật? Bằng *Lời trăng trối bất tử* (Văn nghệ Yên Bái số 160) Nhật Minh vừa đáp ứng nhu cầu giáo dục, nhu cầu thưởng thức của xã hội vừa thể hiện quan điểm và phương pháp sáng tác về đề tài lịch sử của mình. Ông đã tái hiện một cách sinh động cuộc sống hưng thịnh trong thái ấp *Vạn Kiếp của họ Trần*. Ở đó từ gia nô, gia binh đến các thân vương quý tộc ai ấy đều cần mẫn làm việc, lao động cấy cày, ai vào việc nấy, chăm lo vun đắp cho sự giàu mạnh của vương tộc và quốc gia Đại Việt. Mọi sự đố kỵ hẹp hòi vì lợi ích cá nhân phương hại đến sức mạnh của đất nước đều phải gạt bỏ và nghiêm trị. Nhật Minh đã cho bạn đọc sống những giây phút đầm ấm bên cha con, anh em nhà Vương Quốc Công tiết chế, nghe những lời nói hào sảng mà chan chứa nghĩa tình, nhất là khí phách nghiêng trời lệch đất khi Vương rút gươm xử Quốc Tạng và truyền: “Ta căm tên nghịch tử không được giáp mặt ta suốt đời. Sau khi ta chết, đây nắp quan tài rồi mới cho Quốc Tạng vào viếng”. Vẫn những lời nói, những cử chỉ của Vương gia đã ghi trong quốc sử và nhiều sử sách khác, ngay cả trong giáo khoa nơi nhà trường nhiều đời, nhưng giờ nghe lại, sống lại trong văn phẩm vẫn làm xúc động lòng người đọc.

Là một người đã từng gắn bó với vùng quê Mường Lò, am hiểu các phong tục của người dân bản địa Trần Cao Đàm đã trở thành cây bút sâu sắc trung thành với mảng đề tài cách mạng và kháng chiến ở vùng quê Mường Lò - Nghĩa Lộ. Các tác phẩm của ông hầu hết tập trung viết về chiến tranh và những người lính. Khí thế lịch sử hào hùng của các thời kỳ chiến tranh được ông thể hiện qua các tập tiểu thuyết: *Bến ngòi* - Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1999; *Pa Thí mù swong* - Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2000; *Áu Lâu*



*bến lửa* - Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2006. Gần đây nhất ông đã cho ra mắt bạn đọc một tập tiểu thuyết khắc họa đậm nét lịch sử đấu tranh của nhân dân các dân tộc Mường Lò đau thương mà anh dũng trong "*Đất Mường thời đông lữ*" (2014). Cuốn sách tái hiện lại cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc của vùng quê Nghĩa Lộ trong khoảng thời gian từ năm 1947 khi chúng tái chiếm đến khi bộ đội chủ lực mở chiến dịch Tây Bắc đánh tan Phân khu quân sự Nghĩa Lộ, giải phóng Mường Lò, Trạm Tấu vào năm 1952. Với hiện thực mà bản thân đã từng chứng kiến Trần Cao Đàm đã dựng lên khung cảnh đau đớn của người dân. Nhiều gia đình rơi vào cảnh phân ly, cha mẹ mất con, vợ xa chồng bởi bạo loạn. Nhưng nhân dân Nghĩa Lộ không ngại gian khó đã nối tiếp truyền thống cha ông không cam chịu cúi đầu làm nô lệ, vùng đứng dậy kháng chiến đánh đuổi bọn xâm lược giải phóng quê hương. Ở tiểu thuyết *Đất Mường thời đông lữ*, bộ mặt thật của thực dân Pháp cũng được phơi bày.

### **2.1.2. *Khuyh hướng thế sự, đời tư***

Thế sự, đời tư là những vấn đề liên quan đến cuộc sống thường nhật của con người. Ở đó diễn ra nhiều sự việc mà chúng ta cần phải nhìn nhận và suy ngẫm. Cảm hứng thế sự là cảm hứng về cuộc sống đời thường, là bày tỏ những suy nghĩ và tình cảm của người viết về cuộc sống, việc đời, và về những con người thực tại. Cảm hứng đời tư là phản ánh cuộc đời, số phận, hoàn cảnh sống của cá nhân trong sáng tác của các nhà văn.

Những tác phẩm được khơi nguồn từ cảm hứng thế sự, đời tư là tác phẩm hướng đến những sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày của con người để ghi lại những điều đã từng chứng kiến, những điều tốt đẹp, những bất công trong xã hội để từ đó khẳng định giá trị thẩm mỹ của cái đời thường.

Văn xuôi Yên Bái có rất nhiều tác phẩm đã kịp thời phản ánh công cuộc xây dựng quê hương đất nước, khơi dậy niềm tự hào của những người

con sống trên mảnh đất Yên Bái thân yêu, đưa vẻ đẹp thiên nhiên, con người, văn hoá vùng đất phía Tây Bắc Tổ quốc đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Ngọc Bái với những tập truyện viết cho thiếu nhi của ông *Dưới con mắt rừng, Thành bé nghịch cát* là những ký ức về tuổi thơ ở làng Vạn Lâu, làm nổi lên vẻ đẹp của gia đình và bà con thôn xóm vốn hiền lành, chất phác và giàu lòng yêu nước, nhân hậu. Phạm Đức Hảo làm sáng lên vẻ đẹp của cô giáo vùng cao qua tiểu thuyết *Cô giáo tôi*. Nguyễn Đức Long xuất bản tập ký *Những ngày ở Nậm Tu* phản ánh hiện thực cuộc sống trên quê hương Yên Bình. Bá Khánh để lại những nhân vật khá ấn tượng ở vùng đất Văn Yên qua tập truyện ngắn *Điểm đặt của lòng tốt*.

Khi xã hội phát triển, cuộc sống con người khá phức tạp, thôi thúc người cầm bút phản ánh kịp thời những đổi thay. Xuân Nguyên thường đề cập đến những vấn đề xã hội lớn như công cuộc đổi mới toàn diện chuyển rừng và chặt phá rừng, đổi mới tư duy trong làm giàu, xóa đói giảm nghèo...triệt phá cây thuốc phiện (*Lại một mùa hoa anh túc - ký - 5/93*) chống văn hóa đồi trụy, xây dựng nếp sống văn hóa (*Cường tà, cưới...*). Đây cũng là vấn đề không chỉ có trong sáng tác của Xuân Nguyên mà nó trở đi, trở lại trong sáng tác của nhiều nhà văn Yên Bái. Họ trần trở với những gì đã, đang và sẽ diễn ra trong cuộc sống thường nhật của con người.

Những câu chuyện xoay quanh làng bản và viết về các dân tộc ít người được hiện lên trên cây bút của Dịch Ngọc Lân. Từ chuyện *Cây đa và những mùa thu* ấy đến *Bản Khau Lý*, từ chuyện bà mẹ chiến sĩ ở một vùng công giáo đến *Pò éng nuôi khỉ*, chuyện *Bữa tất niên tổng ngựa nghênh dê*, chuyện *Nàng dâu họ Sầm*...Tất cả đều vun đắp cho truyền thống tốt đẹp của dân tộc Tày, Nùng. Hình ảnh một gia đình êm ấm, có ông, bà, cha, mẹ, con, cháu trong ngôi nhà sàn có thịch nước, bếp lửa, ban thờ...Người đi học, đi công tác, người đi chiến đấu, dù đi xa, đi gần ai cũng một lòng một dạ hướng về làng

bản quê hương. Các ông già, bà mẹ chịu thương, chịu khó, vững vàng như cây lim, cây thọ tủa bóng mát che chở cháu con. Sự kết hợp giữa truyền thống sinh hoạt lâu đời với cuộc sống hiện đại, giữa tình cảm, đặc trưng dân tộc với những nhận thức sáng suốt khoa học phổ quát của loài người đã trở thành những nét chủ đạo trong các tác phẩm của Dịch Ngọc Lân.

Trong sáng tác của Thái Sinh không chỉ đơn thuần về sản xuất nông nghiệp, trồng rừng, gác rừng làm giàu cho quê hương mà còn là một chủ nghĩa nhân đạo cao cả đối với những con người sống trên ba phần của mặt trái đất ấy. Truyện và ký của Thái Sinh thường thể hiện những mặt gồ ghề, xù xì, gai góc của cuộc sống, các mặt đối lập, va chạm, đối đầu nhiều khi khốc liệt, đổ lên đầu những số phận mỏng manh nhỏ bé. Một chị San gục khóc bên nấm mộ chồng và sau đó ôm con vượn nhỏ có nốt ruồi son trên bả vai...; một chị gánh nước sông đêm hết nuôi mẹ già mình lại giả vờ nuôi hộ mẹ người... để rồi thành thật, hằng đêm vẫn nghe tiếng lanh canh của những chiếc thuyền đánh cá. Một bé Sơn con gái ma cà rồng dưới đèo Ngam Kha... *Người gánh nước đêm* (2001), *Hoa súng* (2002), *Người nhà quê* (2002). Các nhân vật của Thái Sinh cứ ám ảnh người đọc mãi không thôi.

Bùi Huy Mai chủ yếu kể về phong tục tập quán để qua đó phản ánh mọi mặt đời sống của các dân tộc thuộc vùng Văn Chấn, Mường Lò, đồng thời phê phán đấu tranh với những hủ tục, đề cao các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp nhân dân vùng cao thoát nghèo, có cuộc sống mới ấm no hạnh phúc (*Chuyện của bác Dưa Hà, Con bò vàng của Vàng Súa...*).

Truyện *Người kéo vó bè Sông Cháy* của Nguyễn Hiền Lương (Báo Văn nghệ số 25- 2012; Tạp chí Văn nghệ Yên Bái 161- 2012) đã làm nổi bật một mẫu người lao động nghèo khó nhưng hiếu thảo, giàu lòng thương người, không biết đến thù hận, chan hòa với cộng đồng. Với lối kể chuyện tự nhiên, giản dị, vô tư nhưng khiến người đọc phải suy nghĩ, “liên hệ” giữa tác phẩm và đời thực, giữa ngày ấy và bây giờ, giữa “*Người kéo vó bè Sông Cháy*” với

những con người hiện đại. Truyện còn tái hiện khá chân thực, chính xác một mảng hiện thực cuộc sống vất vả, gian truân nhưng đầm ấm tình người của nhân dân vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ thời kỳ tiền khởi nghĩa và cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp.

Bùi Thị Kim Cúc tiếp nối những bản thảo, trăn trở về tình yêu, về cuộc sống vợ chồng, gia đình và một phần đã hướng về các vấn đề xã hội để phản ánh qua tập truyện ngắn *Người đi tìm hạnh phúc*. Nguyễn Thế Chung vốn là người làm thơ, ít ai có thể tưởng tượng được anh lại ra đời được cuốn tiểu thuyết đầu tay *Nẻo đời sau bão*, tái dựng một tập thể nữ xay xát lương thực ở Yên Bình phục vụ kháng chiến gặp biết bao gian khổ khó khăn, thiếu thốn tình cảm mà vẫn hồn nhiên, hăng say công tác, sau hòa bình lại phải bươn chải kiếm sống, mỗi người một hoàn cảnh, một éo le trong tình đời, nhưng họ vẫn hướng thiện, vươn lên đầy nghị lực

Có thể nói, chiến tranh đã đi qua, để lại nhiều đau thương cho dân tộc. Cuộc sống của con người trong thời chiến đã trải qua nhiều mất mát, hy sinh. Có những nhà văn được sống với thời chiến, nhưng cũng có những nhà văn chỉ được tiếp cận chiến tranh qua lịch sử ghi chép nhưng họ đã để lại những tác phẩm khá sâu sắc về khuynh hướng lịch sử dân tộc, bởi trong họ luôn cồn cào, cháy bỏng lòng yêu nước thiết tha. Bên cạnh đó nhiều nhà văn lựa chọn cho tác phẩm của mình khuynh thế sự đời tư, nhằm ghi lại tình hình diễn ra trong cuộc sống hàng ngày của con người, góp phần tạo nên những chân lý cho cuộc sống. Cả hai khuynh hướng sáng tác này đều có giá trị trong nền văn xuôi Yên Bái.

## **2.2. Một số gương mặt tiêu biểu**

### **2.2.1. Hoàng Hạc (15/2/1932 - 10/1999)**

#### *2.2.1.1. Tiểu sử, những tác phẩm chính, giải thưởng*

Họ và tên khai sinh Hoàng Hạc, dân tộc Tày, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1932. Quê ở Thôn Ca Mác, xã Bình Hanh, huyện Yên Bình, tỉnh Tuyên

Quang (Nay là xã Xuân Lai, Yên Bình, Yên Bái). Trình độ học vấn 10/10 bổ túc. Tốt nghiệp Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, khoá 37, Trường viết văn Nguyễn Du- khoá I.

Ông là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam tháng 1 năm 1980; Hội viên hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; Hội viên Hội văn nghệ dân gian Việt Nam; Hội viên Hội văn học nghệ thuật Tỉnh Yên Bái và Ủy viên Ban chấp hành Trung ương liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.

Tham gia kháng chiến từ năm 14 tuổi. Là cán bộ thông tin xã thoát ly công tác, là cán bộ tài chính của Ty tài chính, cán bộ tổ chức tỉnh uỷ, tỉnh Tuyên Quang. Năm 1957 chuyển về Ty văn hoá Yên Bái. Từ năm 1977 đến năm 1980 là thường trực Ban vận động thành lập Hội văn học nghệ thuật Hoàng liên Sơn. Là phó giám đốc sở văn hoá, chủ tịch Hội văn học nghệ thuật Hoàng Lien Sơn, uỷ viên uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Nghỉ hưu năm 1986. Mất tháng 10 năm 1999 tại quê ở xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ông đã từng được khen thưởng và nhận được nhiều giải thưởng như: Huân chương kháng chiến hạng nhất; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; Huy chương vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật của liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật Việt Nam tháng 11 năm 1997; Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo văn nghệ năm 1963 ( Truyện ngắn *Ké Nàm*); Giải thưởng văn xuôi của Hội đồng văn học thiểu số Hội nhà văn Việt Nam và Ủy ban Trung ương liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 1985 cho tập truyện ký *Hạt giống mới*; Giải thưởng của Ủy ban toàn quốc các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam cho tuyển tập *Văn xuôi Hoàng Hạc* - năm 1998; Giải C của hội đồng giải thưởng hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2000 cho tập truyện thiếu nhi: *Chiếc mành Bay*; Giải B (không có giải A ) cho *Đường lên*

*trả nghĩa tổ* ( Tàng mùa pía lệ đằm) của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2005.

Những tác phẩm của ông đã được xuất bản như:

Về văn học nghệ thuật cổ đại và cận đại: *Hươu và rùa* truyện ngụ ngôn dân tộc Tày, in trong tập Truyện cổ dân gian Việt Nam, Viện văn học Việt Nam xuất bản năm 1961- 1962, in lại nhiều lần trong sách giáo khoa lớp 6 từ 1962 đến nay; *Cái ống cọn* - Tập 2 - Viện văn học xuất bản; Hơn ba chục truyện cổ tích khác in trong các tập sách, báo, tạp chí văn nghệ do Ty văn hoá Yên Bái cũ, Hội văn học Nghệ thuật Hoàng Liên Sơn, Hội Văn học nghệ thuật Tỉnh Yên Bái qua các năm cho đến nay; *Khảm hải ( Vượt biển)* trường ca trong hát Pựt của dân tộc Tày, sưu tầm và dịch. Đã in ở báo văn nghệ số 1- 1962. Tái bản nhiều lần trong các hợp tuyển: “ Văn học các dân tộc thiểu số” Việt Nam; *Then bách điều* tập sách từ thơ nôm Tày, nhà xuất bản văn hoá dân tộc xuất bản năm 1995; Nhiều điệu múa các dân tộc như: *sộc cọng*; *Hai tao sán lồ*; *Lồng lộc lau* (dân tộc Cao Lan) đã thực hiện trong các lần hội diễn nghệ thuật quần chúng tại Tuyên Quang trong những năm 1956 - 1957, cùng nhiều điệu múa khác của dân tộc Tày, Dao. Nhiều bài ca dao, tục ngữ Tày in trong *Hợp tuyển văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam* do nhà xuất bản văn hoá ấn hành.

Về văn học hiện đại có truyện vừa *Ké Nàm* - Nhà xuất bản văn học in năm 1964 trong tập *Ké Nàm* đã được tái bản trong *Hợp tuyển văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, nhà xuất bản văn hoá ấn hành tháng 12 năm 1995; Tập tự truyện: *Xứ lạ mừng trên*. Nhà xuất bản văn hoá dân tộc xuất bản và đã trích đưa vào tuyển tập văn học các dân tộc thiểu số do nhà xuất bản văn học xuất bản tháng 12 năm 1995; Bút ký: *Bắc Hà đêm nay*. Nhà xuất bản Tác phẩm mới xuất bản trong dịp Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V *Đường lên Khau Nghiêng* gồm 5 bút ký in trong tập: *Tiếng hát rừng xa*, NXB văn học xuất bản năm

1969 ( in chung với Triều Ân); *Sông gọi* tập truyện ký (viết về thủy điện Thác Bà. Nxb “ Tác phẩm mới” xuất bản năm 1986; *Hạt giống mới* tập truyện ngắn và bút ký. Nhà xuất bản văn hoá in tháng 3 năm 1983; Truyện vừa: *Chiếc mành bay* (truyện thiếu nhi) Nhà xuất bản Kim đồng ấn hành năm 2000; Nhiều truyện ngắn như: *Một bà mẹ; Mẹ con cái Túp; và các bút ký: Mỹ Lâm - nguồn suối nóng; Cô Pình...* in rải rác trên các báo văn nghệ như văn nghệ Hoàng Liên Sơn, Văn nghệ Tuyên Quang, Văn nghệ Lao Cai, Văn nghệ Yên Bái, Văn nghệ đài tiếng nói Việt Nam. vở kịch bằng tiếng Tày: *Ngò bó Sứn* đã được giải nhì (không có giải nhất) của sở văn hoá Việt Bắc những năm 1956 - 1957 đã được phục vụ đại hội Đảng bộ huyện Hàm Yên (Tuyên Quang). Nhiều ca dao, tục ngữ dịch từ tiếng Tày, nhiều bài thơ sáng tác bằng tiếng Tày, Kinh đã in trong các báo, các tạp chí văn nghệ ở trung ương và địa phương. Những năm 69 - 70 có nhiều sáng thơ Tày như: *Nâu chạ dú Mường Lai* (Buổi sáng ở Mường Lai) được đài phát thanh Việt Bắc, Bắc Thái, Hà Tuyên hát then nhiều lần; Bài thơ Tày: *Chứ Bác Hồ* (Nhớ Bác Hồ). Thơ Tày: *Yên Bái đây chòm* (Yên Bái đẹp thay) được đài phát thanh địa phương như Bắc Thái, Hà Tuyên, Yên Bái phát ở các buổi văn nghệ nhiều lần.

#### 2.2.1.2. *Quan niệm sáng tác*

Là một người con trưởng thành trong cách mạng, gắn bó sâu sắc với cuộc sống miền núi, với dân tộc Tày. Nhà văn Hoàng Hạc đã trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu trong đội ngũ các nhà văn dân tộc ít người thuộc đại gia đình các nhà văn Việt Nam. Những tác phẩm của ông đã ghi lại một cách sinh động hiện thực phong phú và đời sống tâm hồn của nhân dân miền núi trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đối với Hoàng Hạc văn hoá dân gian luôn là đề tài vô tận trong sáng tác. Văn hóa dân gian dưới ngòi bút sáng tác của ông đã trở thành những trang văn học hiện đại mang đậm chất trữ tình, phảng phất hương vị của núi sông cây cỏ, phảng phất cuộc sống lãng mạn của muông thú hoang dã. Có được

như vậy không hoàn toàn do tố chất bẩm sinh mà trước hết nhờ ơn Cách mạng. Lời tự bạch trong cuốn: Nhà văn Việt Nam ( 1997) ông viết: “ *Suốt một đời gắn bó với đề tài miền núi, với dân tộc Tày...Cách mạng tháng tám đã mở mắt, chấp cánh để tôi có dịp cất mình lên tham gia một cách tự nhiên vào các hoạt động của chế độ mới và cũng sáng tác thơ ca từ đấy*”. Đây chính là quan niệm sáng tác của ông - một người gắn bó cả đời viết văn của mình với dân tộc, với vùng quê yêu dấu của ông.

Những tác phẩm của ông như: *Ké Nàm, Hạt giống mới, Sông gọi, Xứ lạ mừng trên...* được bạn đọc cả nước trân trọng và có vị trí xứng đáng trong nền văn học cách mạng của chúng ta. Nhà văn Hoàng Hạc còn là một Nhà văn hoá có nhiều đóng góp trên lĩnh vực sưu tầm, dịch thuật, nghiên cứu, giới thiệu kho tàng văn học dân gian Tày, những giá trị văn hoá của dân tộc Tày, góp phần gìn giữ và phát huy kho tàng văn hoá chung của đất nước.

### 2.2.1.3. Cảm hứng chủ đạo

Bằng tâm huyết và vốn sống của mình, Hoàng Hạc đã mang đến cho người đọc bức tranh sống động về cảnh sắc thiên nhiên, cuộc sống con người các dân tộc miền núi vùng thượng nguồn sông Chảy. Nơi đây là quê hương ông đã từng sinh ra và lớn lên. Đó là những hình tượng quen thuộc đi vào văn học một cách đầy ấn tượng, riêng biệt qua sáng tác của Hoàng Hạc. Từ đó ta thấy được sự gắn bó máu thịt, tình yêu quê hương của tác giả. Các tác phẩm của ông bình dị và trữ tình, sâu lắng và hồn nhiên, chân chất tâm hồn người Tày.

Văn chương Hoàng Hạc ra đời ngay từ những buổi đầu đồng bào các dân tộc quê hương ông cùng nhân dân miền Bắc bắt tay vào công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất nước nhà. Truyện *Ké Nàm* có thể là một trong số không nhiều tác phẩm viết về đề tài công nghiệp hoá ở miền núi. Đây là một câu chuyện viết về công trình xây dựng thủy điện đầu tiên của chủ nghĩa xã hội - công trình thủy điện Thác Bà, mà sau này mới có hàng loạt



công trình quy mô hơn như: Sông Đà, YALY, rồi Na Hang (Tuyên Quang), Sơn La... Đối với nhà văn Hoàng Hạc đề tài này còn được ông trở lại nhiều trong trang viết của ông như với *Sông gọi* (1986) và nhiều truyện ký trong *Hạt giống mới* (1983) trước đó.

Từ truyện *Ké Nàm* năm 1963 đến những sáng tác sau này trong các tập *Tiếng hát rừng xa* (in chung với Triều Ân), *Hạt giống mới*, *Sông gọi*, *Tuyển tập văn xuôi Hoàng Hạc*, nhà văn đã khai phá những giá trị của quê hương. Ông đã gắn bó số phận của mình với niềm vui cùng với những khó khăn trong cuộc những đổi thay của miền núi và dân tộc. Giữa cán bộ và Đảng không có sự phân chia ranh giới. Từ những trang viết về quê hương ông đã nâng lên thành cái nhìn phổ quát, trong bối cảnh chung của đất nước. Aimatôp đã nói rất hay về mối quan hệ gắn bó giữa ngọn nguồn và sáng tạo, giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và quốc tế, “*Văn học cũng như thế. Ngọn nguồn của nó là quê hương là dân tộc, là tiếng mẹ đẻ*”. Và Hoàng Hạc chính là cây bút bắt đầu từ làng quê, ông đã hòa nhập với nền văn học dân tộc của nước nhà.

Cái xuất phát điểm của nhà văn Hoàng Hạc vươn đến cái chung là phấn đấu để đóng góp cho cuộc đời những giá trị trong trang viết, nó xuất phát từ ý thức đấu tranh phá bỏ sự áp bức bóc lột của chế độ phong kiến, đế quốc, xây dựng một đời sống tốt đẹp cho gia đình mình, cho dân tộc mình. Cũng như nhiều nhà văn khác, Hoàng Hạc đã biểu lộ phần nào trong tự truyện *Xứ lạ mừng trên*. Một nét khung cảnh khổ cực của đời sống ngày trước cách mạng được kể qua chuyện của chị gái mình: *Pừn nặm áp vắn seng, Oóc buon*, thể hiện ước muốn của con người, muốn vươn tới cái tốt đẹp bằng sự phấn đấu, đấu tranh. “*Cái đoạn đời trước rặng như đang tối sập lại để rồi bừng sáng*”, như nhà văn đã viết.

Hoàng Hạc là nhà văn mang đậm chất núi từ vóc dáng đến giọng điệu trong từng trang văn. Ông là người sinh ra và lớn lên ở một vùng quê dân tộc,

luôn mang nặng tình cảm quê hương. Đặc trưng nổi bật trong các tác phẩm văn học của Hoàng Hạc là trung thành với mảnh đất quê hương. Là nhà văn dân tộc Tày, suốt đời công tác và viết văn gắn bó với nơi sinh trưởng gốc đất Yên Bình, Yên Bái, nơi có nhà máy thuỷ điện Thác Bà - đứa con đầu lòng của công nghiệp thuỷ điện Việt Nam, đó cũng là nơi tạo nên cảm hứng trong mọi sáng tác văn học của nhà văn Hoàng Hạc nói riêng và các nhà văn Yên Bái nói chung.

Với một tình yêu và sự gắn bó thuỷ chung với một miền quê, cho nên Hoàng Hạc đã rất thông hiểu phong tục tập quán dân gian. Cuộc đời ông đắm chìm trong không gian huyền thoại với thiên nhiên phóng khoáng và con người chất phác. Những sáng tác của ông mang nặng phong vị của làng quê. Ông đã bám vào mảnh đất quê hương để sáng tác. Trước khi trở thành nhà văn hiện đại, ông là người sưu tầm văn hoá. Ông đã dày công tạo nên những công trình: *Khâm hải*, *Then bách điều*, và một số truyền thuyết, truyện nôm khác. Đặc biệt *Khâm hải* là trường ca của dân tộc Tày đã được Hoàng Hạc tái hiện và chuyển ngữ sang tiếng Việt rất có giá trị về dân tộc học và giá trị nhân văn. Tác phẩm là hình thức diễn xướng, người Tày gọi là “*hắt pút*”. “*Vượt biển*” với bộ nhạc gõ và nhạc dây cổ sơ gắn liền với tín ngưỡng dân gian và những tưởng tượng huyền ảo về thế giới thần linh xa xưa đầy cuồng nhiệt, trữ tình và bi tráng.

Trong sáng tác của Hoàng Hạc chất Tày truyền thống đã tạo nên những trang viết mang đậm bản sắc văn hóa, biểu hiện qua phong cách diễn đạt, qua sử dụng ngôn ngữ, trở thành nghệ thuật, trở thành văn chương của chính Hoàng Hạc. Ở *Xứ lạ mừng trên*, Hoàng Hạc đã sử dụng thành công chất Tày thơ mộng, trở thành tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc nhất trong toàn bộ tác phẩm của ông. Âm hưởng chủ đạo của *Xứ lạ mừng trên* là một không gian hoài niệm đậm màu cổ tích. Những đêm trăng trên sàn nứa nồng nàn hương rừng, tiếng suối chảy rì rầm cùng với tiếng côn trùng, tiếng muông thú, tiếng

kể chuyện rì rầm tan nhập vào thiên nhiên biến ảo đầy gợi cảm. *Xứ lạ mừng trên* đã được tạo nên bởi không gian ấy.

Một người suốt đời gắn bó với miền núi và dân tộc nên Hoàng Hạc luôn thể hiện tình cảm và trách nhiệm của một nhà văn với quê hương. Ở đây, luôn có sự thống nhất ý thức công dân và vai trò nghệ sỹ. Những người dân quê mộc mạc chân tình gần gũi đã được Hoàng Hạc đưa vào các tác phẩm của mình, nâng họ lên, biến họ thành những nhân vật có cá tính, dễ cảm mến, rất đáng yêu, đáng trọng. Thế mạnh trong sáng tác của Hoàng Hạc là khai thác chất chữ tình trong trẻo của người dân xứ núi. Trong *Hạt giống mới*, người đọc có thể thấy mọi vui buồn, mọi suy nghĩ, mọi mối quan tâm của người dân ở một vùng nông thôn miền núi được Hoàng Hạc tái hiện sống động trong hàng loạt truyện ký. Đó là sự lo lắng của người dân quê về giống, về phân bón, về thuỷ lợi... Cả việc như giao đất giao rừng cho nông dân cũng được Hoàng Hạc đề cập rất sớm, còn nguyên tính thời sự và cũng là vấn đề lâu dài của công cuộc phát triển kinh tế nông thôn. Với sự nhìn nhận tinh tế và sự thấu hiểu tâm lý của nhân dân đã khiến Hoàng Hạc đã tạo nên những trang viết đầy giá trị. Cũng qua đó làm đẩy lên phong trào thúc đẩy nhân dân tập trung tham gia vào công cuộc xây dựng cuộc sống, xây dựng xã hội lành mạnh và tiến bộ.

Một mảng đề tài khác mà Hoàng Hạc đã không bỏ lỡ cơ hội khai thác, trở thành nhà văn dân tộc thiểu số hiếm hoi đã cổ vũ nhiệt thành cho sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước. Đó là những vấn đề xoay quanh việc xây dựng nhà máy thuỷ điện Thác Bà, liên quan tới mồ mả tổ tiên, ruộng vườn, nương rẫy, làng bản, nhà thờ, đền, miếu, kỷ niệm về dòng sông, con đường và thuyền bến. Có lẽ, để thay đổi một cái đã trở thành hủ tục lâu đời của con người quả là khó, mà ở đây với những con người đã từng sống, gắn bó với mảnh đất thân yêu bao đời, nay phải bỏ nó, rời xa nó thì thật là khó khăn. cũng không tránh khỏi có đôi ba người mang tâm trạng hoài nghi, lo lắng, thậm chí dẫn đến những tính

toán chi ly, quanh quẩn, chật hẹp và nông cạn. Nhưng rồi theo tiếng gọi của Đảng họ hi sinh. Dưới ngòi bút của nhà văn Hoàng Hạc đã hiện lên cuộc vật lộn trần trở về cái được cái mất của người dân trong việc phải rời cả huyện đi khai khẩn quê mới, nhường đất cho xây dựng vùng hồ, cho nguồn điện sáng, cho cả đất nước. Ở mảng đề tài này Hoàng Hạc đã có *Ké Nàm* độc đáo, lại có *Bài ca Thác Bà*, và tiếp là truyện dài *Sông gọi*. Hoàng Hạc đã biểu dương những con người tận tụy với công việc, phân tích thấu đáo cái riêng cái chung, cố gắng để thuyết phục, thực hiện bằng được khát vọng về nguồn điện sáng cho quê hương. Hình ảnh con cá nhỏ trong ao nhà Ké Nàm được ra biển hồ, bơi lội thả sức, cũng là khát vọng rất đẹp đẽ hồn nhiên của người nông dân vốn chất phác thật thà ở vùng quê ông.

Với sự hiểu biết tường tận, tinh tế, với ngòi bút mộc mạc viết ra bằng máu thịt của mình, Hoàng Hạc đã ghi lại, đã ca ngợi chân thành sự đổi mới của quê hương. Mặt khác, ông cũng không né tránh, thờ ơ trước những con người có đôi chút hoài nghi lo lắng ấy. Có điều nếu đã đấu tranh, ông thường dùng lối phê phán nhẹ nhàng, khéo léo, tế nhị, phù hợp với lứa tuổi, tập quán và tâm lý của người dân tộc.

Qua những trang viết của mình, bằng các hình ảnh, chi tiết, sự việc, con người cụ thể, chân thật và sinh động, Hoàng Hạc đã phản ánh và chứng minh "*bước đi ban đầu*" của miền núi. Trong thời điểm bấy giờ, đó là những điều trần trở đối với Đảng và nhà nước. Phải chăng trong bước đi ban đầu ở miền núi, chúng ta bắt đầu bằng những việc cụ thể thiết thực hàng ngày như: cái cày, cái cuốc, con dao, kinh nghiệm làm ruộng nước, kinh nghiệm đóng xe trâu, xe quẹt, rồi dần dần đến hạt giống mới, hệ thống mương máng thủy lợi, máy san ủi đất, lò vôi, lò gạch, ao cá, chăn nuôi... Và lớn hơn nữa là các vùng chuyên canh, các công trình trọng điểm như nhà máy thủy điện Thác Bà hôm nay. Từng bước, từng bước miền núi cứ biến đổi dần dần. Từng bước, từng bước cuộc sống mới và con người đổi mới cứ hình thành, mỗi ngày mỗi hoàn

thiện. Tất nhiên, trong "*bước đi ban đầu*" ấy không thể thiếu yếu tố chi viện giúp đỡ của đồng bào miền xuôi, cũng như sự cố gắng tự vươn mình của bản thân đồng bào miền núi.

Ban đầu thì nhà văn cũng chưa nghĩ đến, nhưng thực tế ngày càng hiện ra và bức tranh đời mới cứ dần dần tuôn trào ra từ ngòi bút của tác giả. Nhà văn cứ vô tình ghi lại được cả một chặng đường đi lên từng bước của quê hương, khiến cho đến một lúc nào đó bỗng phải suy nghĩ, tìm tòi, có ý thức dần dần, cụ thể về "*bước đi ban đầu*" ở miền núi. Ý thức này ngày càng trở nên da diết, cụ thể hơn qua các bài ký như: *Theo dấu máy cày lên biên giới và Việt Nam - Hồ Chí Minh*.

Tác phẩm *Hạt giống mới*, nhà văn Hoàng Hạc làm hiện lên trong lòng người đọc nhiều thế hệ quăng đời tối tăm, khổ nhục của đồng bào các dân tộc dưới chế độ thực dân phong kiến xưa kia. Cũng qua *Hạt giống mới* tác giả đã ca ngợi những người con ưu tú của dân tộc mình đi theo Đảng, chiến đấu, hi sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, giành độc lập tự do cho tổ quốc, cho đồng bào. Đó là những con người có lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc. Họ không ngại gian khổ hy sinh, quyết tâm bảo quê hương đất nước. Ở tập sách, những đoạn văn ôn nghèo kể khổ không nhiều, nhưng cũng đủ cho ta có căn cứ để so sánh giữa hai chế độ. Nó còn mang ý nghĩa truyền thống là: truyền lại cho con cháu biết để nhớ, để ghi lòng tạc dạ công ơn trời biển của Đảng, của Bác đã cứu thoát dân tộc mình, dìu dắt dân tộc mình đi lên trong cuộc đời mới.

Trong mảng đề tài viết về chiến tranh, đáng chú ý là hai truyện viết về anh bộ đội người Tày ở hai thời kỳ kháng chiến khác nhau: thời kỳ chống thực dân Pháp và thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Hình ảnh Tân trong *Anh đồng chí* đã gợi lên trong lòng người đọc những kỷ niệm sâu nặng về "*anh bộ đội cụ Hồ*" đi dân nhớ, ở dân thương, rất mực hiền từ, giản dị, rất mực yêu thương

đồng bào, đồng chí. Anh đến với cách mạng bằng cuộc đời đói nghèo, đau khổ nên gan góc dạn dày và tuyệt đối trung thành với cách mạng. Trên đường tiến về giải phóng quê nhà, anh bị thương nặng bên một bản nhỏ. Rồi anh hi sinh một cách lặng thầm, khiêm tốn, không để lại một kỷ vật gì. Ngay cả đến cái tên, một dòng địa chỉ cũng không nốt. Nhưng anh vẫn sống trong lòng bà con dân bản với cái tên giản dị "*Anh đồng chí*" mà anh tự nhận cho mình. Hình ảnh của anh khá đẹp. Tuy nhiên, truyện vẫn mang lại một chút dư vị chua xót, đắng cay, ngậm ngùi hơi đáng tiếc.

Tiếp theo là truyện *Gương ngọc chân núi*, Hoàng Hạc đã có bước tiến mới. Cũng đề cập đến sự mát mát, hi sinh, nhưng ta thấy nhân vật ở đây có nhiều tiến bộ, mang dáng dấp của người anh hùng thời đại. Nhân vật Páo đẹp trai, yêu đời, có học. Anh là một bí thư đoàn thanh niên xã. Anh có cuộc sống hạnh phúc bên vợ con, bản làng. Anh thuộc lớp người mới, trưởng thành trong cuộc sống xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng đứng trước cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đang lan ra toàn miền Bắc, anh không chịu ngồi yên. Anh tình nguyện nhập ngũ với ý nghĩ cháy bỏng: "*phải đi đến tận sân bay của chúng mà đánh lại*". Là một người con có hiếu, có tinh thần trách nhiệm, trước khi đi Nam, anh tranh thủ mấy ngày nghỉ phép về đào cho bà con dân bản một cái giếng vừa trong vừa mát, để bà con đỡ cái cảnh "*người già, trẻ nhỏ nối đuôi nhau hứng miệng ống báng vào tia nước mạch*". Rồi anh lên đường đi chiến đấu và đã hi sinh trong chiến trường miền Nam. Anh đã hy sinh và tổ quốc và điều đáng quý anh đã để lại một kỷ vật thiêng liêng và thân thương với bà con dân bản. Đó là cái giếng ở quê nhà. Cái giếng được hình tượng hóa biến thành "*Gương ngọc chân núi*". Tác giả muốn gửi gắm ở đó một biểu tượng thật đẹp, anh là một tấm gương ngọc ngà, trong suốt, mát lạnh cho cả làng, cả bản tìm đến soi chung. Hàng ngày "*sau nửa buổi đi làm về, các cô gái bản lại kéo cả về đây người múc nước, rửa mặt soi bóng vuốt tóc, người rửa rau, giặt giũ, cọ rửa đôi tay cho trắng trẻo mịn màng*" và làm cho

"tiếng cười nói lao xao quanh miệng giếng". Từ đó rút ra một triết lý nhân sinh, những ai sống hời hợt, lười biếng, suốt đời "*mãi vui với những bông hoa mùa xuân*" như anh chàng Pu trong truyện thì mỗi lần đến soi mình xuống cái giếng đều phải tự xấu hổ mà "*nhìn lại mình*". Ý nghĩa câu truyện cũng toát ra từ đó. Truyện viết giản dị, lắng đọng mà chứa đựng trong đó ý nghĩa răn dạy người đời.

Đặc biệt, cả hai truyện đều phảng phất hương vị dân gian. Bản thân nhà văn đã mượn hai truyện cổ nằm trong vốn văn học dân gian Tày - Nùng ở vùng hồ Thác Bà để nhào nặn, tái tạo, xây dựng nên những hình tượng văn học mới, phù hợp với thời đại và phù hợp với đặc điểm của quê hương mình. Qua đó ta thấy thêm điều này: dường như nhà văn có chủ ý dân gian hóa con người anh hùng của dân tộc mình, Bởi vậy mà nhân vật lắng đọng, gợi biết bao suy nghĩ.

Tình cảm yêu thương, lòng ngưỡng mộ đối với người chiến sỹ cách mạng còn cở vữ, thôi thúc bao em bé người Tày như nhân vật "*tôi*" trong truyện nói gót cha anh lên đường đi chiến đấu. Và ở đâu, những em bé ấy đều bắt gặp những tình sâu nghĩa nặng đến "*ưa nước mắt*" của nhân dân. Đến một bản nọ, em bé ngày nào đã thành "*anh lính Giơ-ne vợ rất đôi ghen ngào*" "*không thể ăn nổi bát cơm trắng dẻo*" mà gia đình nhà chủ đã nấu riêng cho "*từ một dậu lúa ngô giống để dành cho vụ sau*" trong khi họ ăn củ nâu trừ bữa, và trong khi cả bản "*nhà nhà thiếu đói*".

Nếu ở *Anh đồng chí*, hình ảnh nhân dân mới dừng lại ở chỗ yêu thương, đùm bọc, chăm sóc tận tình người chiến sỹ cách mạng thì đến *Giương ngọc chân núi*, *Theo dấu máy cày lên biên giới*, *Bắc Hà đêm nay*, nhất là truyện *Một bà mẹ*, hình ảnh nhân dân đã khác hơn. Họ là những người trực tiếp tham gia vào cuộc chiến đấu với tư cách là người dân làm chủ đất nước. Họ là hình ảnh của cuộc chiến tranh nhân dân hùng vĩ của dân tộc ta trong thời đại chống

Mỹ cứu nước và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hôm nay. Ta càng thêm tự hào về một quê hương giàu có nhân dân anh hùng. Quả thực, ông là người tích cực trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước, xây dựng những hình tượng người chiến sĩ - nông dân thật đẹp trong con mắt người đọc.

Một trong điểm nổi bật rất đáng kể của Hoàng Hạc là những trang viết về thiên nhiên. Thiên nhiên trong sáng tác của ông không cường điệu. Tất cả là tự nhiên. Ông để cho thiên nhiên nói, thiên nhiên với con người hoà quyện vào nhau. Ẩn đằng sau những câu chữ là một thiên nhiên hồn hậu, con người hồn nhiên trong sáng. Điều nhà văn muốn gửi gắm là một triết lý hiển nhiên, con người cũng là một thực thể tự nhiên không thể tách rời cây cỏ, đất đai. Cho nên Hoàng Hạc đã ít nhiều thành công trong khắc hoạ tính cách các nhân vật, qua lời ăn tiếng nói. Không quá lạm dụng mà vẫn đậm chất dân tộc, đây chính là nghệ thuật, là thành công trong sáng tác của nhà văn.

Như một người lao động chân chính, một người lao động nghiêm túc, trong cuộc hành trình đến với văn chương và di sản văn chương, Hoàng Hạc luôn luôn cần mẫn ghi chép, luôn tự bắt mình phải làm việc. Ngay cả khi đôi mắt của Hoàng Hạc đã không còn nhìn rõ, ông vẫn viết. “Đặt thước kẻ lên trang giấy để dò dẫm viết, có khi dòng nọ đè lên chữ kia, rồi nhờ con cháu chép lại, để vẫn tiếp tục ra đời những trang văn”. Đó chính là cái tâm của người viết. Đối với Hoàng hạc, nhà văn nếu không viết nữa, thì còn lý do gì để tồn tại. Là con người sâu sắc, ông đã gắn những trang văn của mình với quê hương, với những gì thân thương nhất. Quanh cái trục xoay triết lý về đời người, khởi đầu và kết thúc là quy luật nghiệt ngã của thời gian đối với sự sống. Ông đã giành những lời tâm huyết và trân trọng để nói lên tâm sự của mình: “ *Cũng bến nước này, cũng dòng sông xanh chảy ra sông ra biển này, cha đã múc nước lành về đun hoà muối mặn tắm đón con lúc con mới chào đời. Hôm nay cũng vẫn dòng suối trong mát này, tôi đứng giữa dòng, kính cẩn trước bốn phương trời và nơi cao xanh vời vợi trên đỉnh đầu tôi kia, nơi*



*đã ban về dòng suối trong lành cho đời sinh sôi, đơm hoa kết quả đời nới đời, cái dữ tàn lụi, cái lành cái đẹp đầy bản đầy mừng. Tôi xin múc lấy những giọt nước thiêng liêng nơi đất ông bà cha mẹ để đem hoà với muối mặn và mọi hương thơm của quê hương, rửa mặt cho cha, tắm táp cho cha, để cha sinh về với tiên tổ, về cõi hư vô, về với cõi hư vô bất tận được thanh thoi, cái mặn càng mặn đậm, mặn lâu, cái thơm vẫn toả hương ngào ngạt đời con đời cháu. Cũng như mọi người, khi tiễn biệt người thương kính nhất, tôi rất sợ giọt nước mắt của mình vô tình rơi vào chậu nước ấy. Chẳng là gì, chỉ sợ cái dẫu ẩn đau buồn nó làm cho mình nghèo đi về tâm hồn, nghèo đi về sức lực, không cho mình làm ra của cải góp phần với đời mà thôi...” [17, tr 121]*

Đọc những dòng này, đâu chỉ là những dòng văn, mà đây là cuộc đời, là tâm thế của Hoàng Hạc.

Trong cuộc đời sáng tác, Hoàng Hạc luôn gắn bó với hai lĩnh vực chính là Văn học - văn hoá. Nếu ở góc độ chuyên ngành văn học nghệ thuật, ông có nhiều năm đứng cương vị Chủ tịch Hội văn học nghệ thuật, thì ở lĩnh vực văn hoá ông là Phó giám đốc Sở văn hoá thông tin tỉnh. Trong sáng tác, ông có những tiểu thuyết, truyện ký, truyện ngắn, thì trong bảo tồn văn hoá ông miệt mài đi tìm “*những hạt ngọc bị lớp bụi thời gian bao phủ*” (chữ dùng của đồng chí Trường Chinh), tìm rồi, ông chăm chút cho nó ngày càng sáng và đẹp mãi.

Trong sáng tác của ông có nhiều tác phẩm đạt đến đỉnh cao nghệ thuật. Tiêu biểu cho việc sưu tầm phổ biến văn hóa dân gian trong sáng tác của ông. Có một số tác phẩm được đưa vào chương trình sách giáo khoa phổ thông như trường ca tày Khảm Hải, truyện ngụ ngôn của dân tộc Tày: *Hrou và rùa* (Sách giáo khoa lớp 6), rồi truyện nôm Tày: *Then Bách điều* và hàng chục truyện cổ, thơ nôm khác. Hay các làn điệu múa dân gian của người Cao Lan, người Dao quần trắng. Sưu tầm, dịch và khảo cứu về nó, đây là sở thích, sở trường và thói quen lao động nghệ thuật của ông.

Hoàng Hạc, một nhà văn dân tộc Tày, một nhà văn hóa của quê hương Yên Bái đã góp không nhỏ công sức của mình cho nền văn học nghệ thuật của địa phương nói riêng và của nền văn học Dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung. Những sáng tác của ông bắt nguồn từ cảm hứng thiên nhiên, cuộc sống tự nhiên chân chất của con người, cùng với niềm say mê nghệ thuật, con mắt tinh đời và chất Tày trong sáng tác. Ông đã để lại những tác phẩm văn học có giá trị đến muôn đời sau.

### **2.2.2. Hà Lâm Kỳ**

#### *2.2.2.1. Tiểu sử, những tác phẩm chính, giải thưởng*

Nhà văn Hà Lâm Kỳ, bút danh Vi Hà, Hà Lâm. Người dân tộc Tày. Ông sinh ngày 18 tháng 07 năm 1952 tại quê nội làng Khe Liên, xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Trình độ chuyên môn Đại học sư phạm - khoa Ngữ văn, Chuyên ngành sáng tác Văn học.

Hội viên các hội: Hội VHNT tỉnh Yên Bái (1984); Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt nam (1996); Hội VHNT thiểu số Việt Nam (1997).

Tác phẩm chính đã công bố: *Mỗi nét hoa văn* - tập nghiên cứu sưu tầm (2005); *Gió Mùa Căng* - Truyện dài tái bản (2005); *Quả nhạc xòe của mẹ* - tập truyện ngắn viết cho thiếu nhi (2006); *Một góc nhìn* - tập tiểu luận (2006); *Vượt rừng* - tiểu thuyết (2007); *Minh Khương, cuộc đời và tác phẩm* - tập giới thiệu tuyển chọn (2007); *Kỷ vật cuối cùng* - tập truyện (2008); *Lời riêng* - tập thơ (2009).

Giải thưởng đã đạt được (từ 2005 - 2010): Tiểu thuyết *Vượt rừng* giải khuyến khích Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2007. Ông đã được trao tặng Huy chương vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật Việt nam năm 2003.

#### 2.2.2.2. Quan niệm sáng tác

Hà Lâm Kỳ là một cái tên nổi bật trong văn xuôi Yên Bái, là một nhà giáo rất tâm huyết với nghề và yêu nghề. Ông từng là bộ đội chiến trường Tây Nguyên thời chống Mỹ, sau khi ra quân ông trở về làm giáo viên giảng dạy môn Văn ở trường Cao đẳng sư phạm, làm cán bộ đoàn phụ trách thiếu nhi và sang tác văn học, viết báo, sưu tầm văn hóa dân gian... Ông đến với văn chương một cách ngẫu nhiên và như có mối duyên kì ngộ. Ông là thầy giáo dạy Văn, ít nhiều mang trong mình năng khiếu đặc biệt và niềm đam mê văn chương, cùng với công việc và cuộc sống ông đã có điều kiện tích lũy, nhìn nhận, tổng hợp và đánh giá sự việc đã làm cho năng khiếu và niềm đam mê văn chương ấy trong ông thức dậy. Những ám ảnh về thiên nhiên, cuộc sống, con người vùng cao đã thôi thúc ông cầm bút. Trong cuốn Nhà văn Việt Nam hiện đại (1997), trong lời tự bạch, Hà Lâm Kỳ có viết: *“Tôi chắc sẽ suốt đời viết về đề tài miền núi và ước sao tất cả những gì trên đất miền núi kia sẽ trở thành những nhân vật thật sống động, thật hồn nhiên trong mỗi tác phẩm của mình”*. [24, tr 141].

Nhắc đến Hà Lâm Kỳ, người ta nghĩ ngay đến một cái tên đầy thân mật, triu mến: Nhà văn thiếu nhi. Trong cuốn Nhà văn Việt Nam hiện đại (2007), Hà Lâm Kỳ có viết tự bạch: *“Sinh thời, nhà văn Nông Quốc Chân dặn tôi: “Mình là người miền núi, mình nên viết về miền núi, về dân tộc. Viết được nhiều, được ít đều quý, miễn sao những gì làm ra phải giúp ích cho đồng bào mình”. Nghe theo lời ông, tôi học đòi viết cho thiếu nhi, vẫn biết rằng chưa thành công nhưng chắc chắn tôi sẽ không rời bút. Hàng triệu trẻ em vùng cao, dân tộc còn đó”*.

Lời tự bạch của nhà văn Hà Lâm Kỳ đã thể hiện rõ tình yêu, thiên hướng sáng tác, quan điểm sáng tác, một lời hứa và như một lời thề gắn bó của ông với mảng sáng tác tưởng chừng như giản đơn nhưng đầy khó khăn, phức tạp.

Sáng tác cho thiếu nhi - “*Một bộ phận có vị trí đặc biệt trong mỗi nền văn học dân tộc*”.

Với cái nhìn của một người làm văn chương, nhiều cảm hứng với lịch sử và văn hóa, lại có kinh nghiệm và vốn sống thực tế, ông luôn canh cánh với sự kiện, sự việc, con người gắn với chính quê hương mình, mong muốn chuyển tải đến thế hệ sau những sự thật lịch sử đáng trân trọng.

### 2.2.2.3. Cảm hứng chủ đạo

Với Hà Lâm Kỳ cảm hứng bắt nguồn từ ký ức tuổi thơ. Tuổi ấu thơ luôn là nguồn cảm hứng vô tận để các nhà văn khai thác trong quá trình sáng tác của mình. Ngay từ khi mới sáng tác, Hà Lâm Kỳ đã hướng ngòi bút của mình đến với thiếu nhi, đến với thế giới tuổi thơ - thế giới mà ông luôn quan tâm, ở đó các em phải được nâng niu, chăm sóc, được yêu thương và tôn trọng, và tác giả lý giải: “*Con người ai cũng qua thời thơ ấu. Lớn lên dù làm gì, ở đâu ta cũng không bao giờ quên được những kỷ niệm đẹp ấy. Và chính những kỷ niệm đẹp đó đã giúp cho con người ta lớn dậy, trưởng thành. Sáng tác văn học cho thiếu nhi, tôi muốn đạt được phần nào mục đích ấy trong những trang viết của mình*” [32, tr.550]. Có thể kể hàng loạt những tác phẩm của ông viết cho thiếu nhi như: *Kỷ vật cuối cùng* - truyện dài 1991; *Chim ri núi* - truyện dài 1992, đây là câu chuyện tiếp nối *Kỷ vật cuối cùng* của ông; *Những đứa con lên núi* - tập truyện 1994; *Gió Mùa Căng* - truyện dài 1995; *Con trai bà chúa Nả* - tập truyện 1997; *Quả nhạc xòe của mẹ* - tập truyện 2006; *Làng nhỏ* - tập truyện 2013 và rất nhiều các tác phẩm thiếu nhi được chọn lọc in lại trong cuốn *Tuyển tập văn xuôi Hà Lâm Kỳ* (2014). Qua đó thấy được tình cảm và sự quan trọng của mảng đề tài thiếu nhi trong những sáng tác của ông.

Hà Lâm Kỳ sinh ra và lớn lên trên quê hương đất Đại Lịch, thuộc huyện Văn Chân, tỉnh Yên Bái. Một vùng quê yên ả. Nơi đây có những cánh

rừng bạt ngàn, chim chóc ríu rít; có con suối, con khe với dòng nước trong xanh mát rượi; có những ngôi nhà sàn đặc trưng của người dân tộc Tày... Tuổi thơ ông thấm đẫm những câu chuyện cổ tích, những lời du ngọt ngào của bà nội - người đã góp phần nuôi dưỡng hun đúc nên tâm hồn yêu văn chương của ông. Bên cạnh đó Hà Lâm Kỳ lại có người cha hết lòng tạo mọi điều kiện để ông được học hành đến nơi đến chốn. Câu chuyện *Làng nhỏ* là những ký ức tuổi thơ của Hà Lâm Kỳ về Khe Liền thân thương của mình với bao kỷ niệm về những người thân yêu của nhà văn. Trong lời tựa truyện dài *Làng nhỏ*, Hà Minh Sơn có viết *“Một ngôi làng nhỏ bé nơi rẻo cao mà có biết bao chuyện để nói, để viết - viết vì trẻ em - hướng cho những công dân tương lai tự hào, tự tin về quê hương mình, về đất nước mình. Nhà văn Hà Lâm Kỳ, cựu chiến binh chống mỹ và là người con của Làng nhỏ đã làm điều ấy một cách hào hứng, tâm huyết”* [32, tr 581]. Tại nơi này nhà văn đã được trải qua một tuổi thơ vô cùng ngọt ngào và tràn đầy ý nghĩa. Làng là nơi tôi đã được ném vị ngọt của các loại quả rừng (quả bứa, quả dọc, quả dùi, quả vú bò...), vị ngọt ấy đọng mãi trong tâm trí của các tác giả góp phần tạo nên những trang văn ngọt ngào đầy chất trữ tình: *“Mùa tháng năm thi nhau hái quả dùi, quả dùi trắng mọng tua tua trên thân cây mềm mại ven nương. Cứ ra đến ruộng là mấy chị tạt vào ven chặt vài ba cành dùi kéo ra bờ ruộng ngòì nhấm mút rồi mới đi làm”* [32, tr 389]. Rồi tháng bảy là mùa quả bứa, vị thơm và ngọt của quả bứa có lẽ người vùng cao mới cảm nhận được *“Cây bứa nhà thằng Ngư sai rúc riu, tôi tha hồ lần tay chọn những quả vàng sẫm, mềm vỏ ngắt ném xuống. Thằng Ngư đứng dưới chĩa cái rỏ có lót lá té đón lấy từng chùm quả, quả to bằng nắm tay, tròn hơn quả dọc, quả dọc cùi mỏng nên bứa ra ăn ngay được, còn quả bứa cùi dày đến nửa phân phải dùng dao cắt khoanh rồi bứa đôi, hai mảnh vỏ ngã ra để lộ ba bốn múi cùi màu mỡ gà ngọt lịm. Quả dọc có nhót, nhiều hạt, ăn chua chua, quả bứa thì ngược lại”*. [32, tr 390 - 391]. Cũng tại nơi đây, tuổi thơ được hòa quyện trong hương rừng, hoa núi, được

hòa mình với các loài chim và những câu chuyện cổ tích của bà, những trò chơi dân gian, những phong tục đặc trưng của làng bản và cả những ngày đi học vất vả nhưng đầy ý nghĩa. *Làng nhỏ* cũng là nơi tác giả được học những bài học đầu tiên về tình yêu quê hương đất nước, tình yêu với tạo hóa, cảnh vật thiên nhiên nhẹ nhàng mà thật đẹp. Làng khe Liền nhỏ bé trở thành niềm tự hào, niềm nhớ để nhà văn Hà lâm Kỳ viết nên những trang văn thấm đượm yêu thương.

Không chỉ nhà văn mà PGS. TS Hà Minh Sơn cũng cảm thấy tự hào qua *Làng nhỏ* “*Tôi có phần tự hào vì được sinh ra lớn lên ở Làng nhỏ, dù không biết đến chiến tranh, càng xa vời với những chuyện cổ tích bà kể, nhưng nghĩ rằng không uổng phí vì Làng nhỏ, làng Khe Liền yêu dấu ấy, đã nâng đỡ, làm nên mình hôm nay*” [32, tr 581]. Có lẽ Làng nhỏ là niềm tự hào của biết bao người đã được sinh ra, lớn lên và trưởng thành từ nơi đây giống như Hà lâm Kỳ vậy.

Là một người con của núi rừng Tây Bắc, lớn lên trong tình yêu thương của quê hương làng bản, Hà Lâm Kỳ gắn bó với dòng suối, con khe, với hương lúa thơm và những nếp nhà sàn quen thuộc. Đọc những trang viết của ông, bạn đọc sẽ dễ dàng nhận ra một thứ tình cảm rất riêng biệt ông giành cho những con người nơi đây và đặc biệt là thiếu nhi miền núi, đó là *Suối làng, A Ly không xuống chợ, Chuyện làng chuyện bản, hay Những đứa con lên núi...* Nếu như *Làng nhỏ* mãi mãi là niềm tự hào trong lòng tác giả thì *Suối Làng* lại là bài ca của sự ngậm ngùi tiếc nhớ. Một con suối làng Then rào rào bốn mùa chảy dọc làng, khi “*mùa khô dòng suối trong vắt êm đềm trôi rẽ vào các ngõ ngách của ruộng làng, phủ hơi mát vào từng khóm lúa, từng góc cam*”. Còn mùa mưa “*con suối đưa những mùn đất của ao tù vào ruộng, ruộng từ đấy mà màu mỡ, cá nhờ đấy mà lớn nhanh*” [32, tr 491]...*Làng nhỏ* đã đem đến cho con người nơi đây cuộc sống ấm no bên ruộng vườn, nơi có một nền kinh tế tự cung, tự cấp như quê hương của tác giả. Con suối làng gắn bó thân

thương với già trẻ, gái trai trong làng và trở thành một yếu tố tâm linh không thể thiếu trong đời sống tinh thần của họ. Ở đó nhân vật “Tôi” lớn lên bên cạnh suối làng, ngày ngày ăn uống, tắm táp dòng nước mát lành dẫn về từ con suối ấy, dòng suối cũng chứng kiến bao kỷ niệm ngọt ngào của tuổi thơ “Tôi” bên cạnh người chị dâu thương mến, bên cạnh gia đình yêu thương. Nhưng rồi rừng bị chặt phá làm cho “dòng suối khô cạn, teo tóp như một con ngòi”, những máng nước không còn, nhà nhà phải đào giếng lấy nước dùng. Trẻ con - thế hệ thiệt thòi của làng Then đã không được biết suối Then. Chúng bảo: Suối Then là từ thời ông bà!. “Tôi” công tác xa trong một lần về làng đem theo camera với mong muốn ghi lại những hình ảnh đã gắn liền với ký ức tuổi thơ, nhưng đành thất vọng vì mọi thứ đã thay đổi. “Tôi” đau đớn, xót xa, chỉ biết mong ước một ngày nào đó suối làng sẽ trở lại. Câu chuyện gợi cho con người một nỗi buồn, sự tiếc nuối với những gì thật đẹp đẽ thân thương thuở xưa, nay đã mất. Có lẽ do nhu cầu cuộc sống, do lợi ích cá nhân, do sự nhận thức hạn chế đã giết chết một hiện tượng thiên nhiên hùng vĩ đó.

Cảm hứng từ những kỷ niệm tuổi thơ đã đem đến cho Hà Lâm Kỳ những câu chuyện thâm thía, sâu sắc, gợi nên nhiều suy tư cho người đọc. Khác với *Suối Làng*, ở *A Ly không xuống chợ*, *Chuyện làng chuyện bản ...* lại khắc họa hình ảnh về những em bé miền núi nghèo khổ, vất vả, lam lũ, lo toan cuộc sống gia đình nhưng giàu nghị lực, luôn cố gắng tìm mọi cách để vượt lên trên số phận. Nhân vật A Ly mới mười lăm tuổi mà gánh nặng gia đình đã đè chiu đôi vai em. Dù nhỏ tuổi nhưng A Ly đã nhận thức được trách nhiệm và bổn phận của một đứa con, một chị cả trong nhà. Bố mẹ nghiện thuốc phiện cả ngày chỉ nằm chờ thuốc phiện và những bữa ăn mà đứa con gái nhỏ mang về: “*Chưa kịp đặt bát cơm độn chuối xanh xuống sàn nhà, nước mắt đã chảy vòng quanh. Chỉ cần mấy cái lá ngón như thừng A Lữ thôi, từ ngày mai A Ly không còn phải kiếm củi rừng nữa. Không đi kiếm củi thì cả bố, cả mẹ chẳng còn tìm đâu ra thuốc phiện mà hút . Nghĩ vừa thương bố, vừa giận bố,*

vừa thương mẹ, vừa giận mẹ. Dưới A Ly là bảy đứa em, tuổi A Ly mới mười lăm, mỗi ngày hai gùi củ xuống chợ huyện, một gùi đổi lấy gạo, đổi lấy bắp. Còn một gùi đổi thuốc phiện” [32, tr. 467]. Đọc A Ly không xuống chợ có lẽ người đọc không cảm được nước mắt khi cảm nhận được nỗi khổ của một em bé đã từng nghĩ đến cái chết mà không dám chết chỉ vì lòng hiếu thảo với cha mẹ và bản phận đối với các em.

Với truyện ngắn *Kỷ vật cuối cùng*, Hà Lâm Kỳ đã viết về các em thiếu nhi tuy nhỏ tuổi nhưng có những suy nghĩ, những lời nói và những hành động như những người trưởng thành: “*Các bạn ạ - giọng Thọ nghiêm trang - các bạn biết đấy, giặc Tây đã đến làng ta. - Thọ dừng lại, những đôi mắt nhỏ chăm chú - Tây nó định lập đồn ở xã ta; tôi, Lòng và Uyên đã nhìn thấy bọn giặc bắt người. Xã bộ Việt Minh thành lập đội lão du kích, đội nữ du kích, còn ta, ta có nên thành lập đội thiếu nhi du kích không các bạn?*” [24, tr 27]. Nhân vật Hoàng Văn Thọ, một cậu bé chưa đầy mười sáu tuổi mà đã dũng cảm cùng đội du kích đánh giặc. Nhưng trong trận đánh không may cho Thọ bị bọn giặc pháp bắt, chặt đầu rồi treo suốt ngày trên gốc cây Sâng để phục bắt du kích. Hoàng Văn Thọ, một liệt sĩ thiếu niên người dân tộc Tày đã được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và truy tặng Huân chương chiến công và Bằng Tổ quốc ghi công. Có lẽ từ truyện ngắn *Kỷ vật cuối cùng*, Hà Lâm Kỳ mong muốn sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến các thế hệ học sinh, giúp các em rèn luyện nghị lực và bản lĩnh trong cuộc sống.

Tâm hồn của các em thiếu nhi cũng rất nhạy cảm, trong sáng và chứa đựng nhiều ước mơ về mái trường, về tổ ấm gia đình. Hà Lâm Kỳ tâm sự: “*Tôi nghĩ, nếu mỗi người viết được một cái gì đó về quê hương để lại cho trẻ em, thì chắc quê hương sẽ không bao giờ phai nhạt trong tâm trí lớp trẻ cho dù chúng lớn lên, đi xa*” [16, tr 246], và Hà Lâm Kỳ đã làm được điều đó qua con đường văn học nghệ thuật mà ông đã chọn.



Bên cạnh cảm hứng bắt nguồn từ ký ức tuổi thơ, nhà văn Hà Lâm Kỳ sáng tác những tác phẩm từ cảm hứng đề cao những giá trị văn hóa truyền thống, bởi ông sinh ra và lớn lên ở vùng dân tộc miền núi. Nơi đây lưu giữ nhiều phong tục tập quán quý giá. Tuy nhiên trước những biến động của cuộc sống, những phong tục tập quán ấy đang đứng giữa nguy cơ mai một. Bằng tâm huyết và trách nhiệm của người cầm bút và lòng tự hào tự tôn dân tộc ông đã làm sống dậy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Truyền thống uống nước nhớ nguồn đã từ lâu đi vào đời sống người Việt Nam nói chung và đồng bào các dân tộc miền núi nói riêng với những biểu hiện vô cùng phong phú và sinh động. Trong *Làng nhỏ và Con trai bà chúa Nả*, Hà lâm Kỳ đã nhắc đến truyền thống thờ cúng vị Thành Hoàng có công khai hoang khẩn đất, dạy cho dân làng cách trồng lúa nước, cách làm chăn, nhồi đệm...một cách đầy tự hào vì đó là một nét đẹp trong đời sống văn hóa của quê hương mình.

Quả nhạc xòe của mẹ là một bài học ý nghĩa về việc bảo tồn truyền thống văn hóa của dân tộc. Cậu bé vì tin lời bạn mà đưa quả nhạc - bảo vật di truyền của mẹ cho bạn mượn rồi những đứa bạn hư lại đem bán mất. Trong nỗi ân hận day dứt khi mẹ đi xòe không có quả nhạc cậu đã kể lại cho mẹ nghe tất cả câu chuyện xảy ra. Lời mẹ nói với con nhẹ nhàng nhưng sâu sắc: *“Mẹ sẽ chuộc lại quả nhạc, sau này mẹ già quả nhạc sẽ thuộc về con, rồi thuộc về cháu chắt của mẹ, xưa nay nhà mình giữ được hạnh phúc là nhờ nó, cả làng bản này giữ được hạnh phúc cũng một phần là nhờ có nó con ạ”* [ 32, tr. 479]. Cậu bé trong câu chuyện đã tự ý thức được quả nhạc xòe ấy quan trọng đến thế nào khi mẹ đi xòe mà ngón tay không có quả nhạc, Nhìn mẹ buồn lòng cậu cũng thấy buồn và ân hận, cộng với lời mẹ dặn cậu tin rằng khi lớn lên mình sẽ là người có ý thức tích cực trong việc bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc.

Hay trong *Làng nhỏ* là một khung cảnh làng quê miền núi thật thơ mộng, giàu bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử và sâu đậm hơn là tình yêu quê hương hồn hậu, tha thiết của những người con nơi làng quê ấy. Không chỉ vậy *Làng nhỏ* còn đọng lại bao bài học bổ ích và ý nghĩa. Bài học ấy đến từ câu nói giản dị của người chị dặn em “*việc gì cũng vậy, cậu làm chậm mà chắc vẫn hơn*” lời cha dặn hay qua những sự tích bà kể, những câu quán ngữ của người Thái, người Tày như “*Rễ cây ngắn, rễ người dài, anh em xa không bằng anh em trong làng*”... đều ẩn chứa những bài học sâu sắc về nguồn cội, về cách sống, cách đối nhân xử thế, cách làm người.

Trong những tác phẩm của mình, Hà Lâm Kỳ đã tìm cho mình những thông điệp truyền tải trong sáng tác giành cho thiếu nhi. Với *Quả nhạc xòe của mẹ*, giọt nước mắt âm thầm của mẹ chính là sự tiếc nuối, mong muốn những giá trị truyền thống tốt đẹp không bị mất đi trước những trào lưu mới của con trẻ, những trò chơi hiện đại đang diễn ra trong cuộc sống. Trong *Con trai bà chúa Nà*, mười hai trang truyện được kết lại bằng ba từ “*thầy dạy việc*”. Ý nghĩa của câu chuyện cũng toát lên từ đó. Cậu bé Hoàn Thìn với cái tên được tôn vinh “*Sáy bóc vĩa*” (tức thầy dạy việc) đã trở thành hình tượng kết nối cộng đồng, kết nối miền xuôi với miền ngược. *Cánh cam kiêu sa* lại một lời cảnh tỉnh với các em nhỏ: nếu quá tự kiêu, ngạo mạn sẽ gặp tai họa, từ đó răn đe để các em sợ mà tránh, từ bỏ sự kiêu căng, biết khiêm tốn, chan hòa. *A Ly không xuống chợ* là một cách thể hiện tình thương của tác giả đối với các em nhỏ có bố mẹ xa vào cảnh nghiện hút nơi vùng cao, đồng thời cũng thể hiện rõ dự báo “*Sớm muộn những cái cây độc ác trong vườn kia cũng sẽ bị nhổ bỏ đi thôi*”. Đó là những thông điệp mang ý nghĩa và triết lý sâu xa đối với cuộc sống của con trẻ.

Mạch chủ đạo trong các tiểu thuyết, truyện dài của nhà văn Hà Lâm Kỳ là hiện thực xã hội chủ nghĩa, ca ngợi Đảng, Bác, căm thù thực dân, đế quốc phản động. Tiểu thuyết *Vượt rừng* mang không khí chiến tranh với những nét

tươi mới, sinh động của người trong cuộc. Viết về cuộc hành quân vượt trường sơn, đây là đề tài được nhiều cây bút đề cập đến nhưng cái riêng của Hà Lâm Kỳ đó là những người sinh viên dân tộc thiểu số Việt Bắc, xếp bút nghiên lên đường ra trận.

Có thể thấy, ngòi bút của nhà văn Hà Lâm Kỳ đã tỏa sáng trong nền văn học dân tộc Việt nam. “*Thế là trong vòng 40 năm hoạt động của mình, Nhà xuất bản Kim Đồng đã tiến cử được Hà Lâm Kỳ vào đội ngũ tác giả dân tộc thiểu số viết cho thiếu nhi*” [24, tr 143]. Ông đã khẳng định vị thế của mình trong mảng văn học dân tộc viết cho thế hệ tương lai của đất nước.

### **2.2.3. Hoàng Thế Sinh**

#### *2.2.3.1. Tiểu sử, những tác phẩm chính, giải thưởng*

Hoàng Thế Sinh, bút danh Thế Sinh, và còn có một số bút danh khác là Hoàng Tử Sơn, Sim, Hoàng Vũ Kim Thi. Ông sinh ngày 16/9/1952. Nguyên quán Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Là người dân tộc Kinh. Hiện đang thường trú tại phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái. Trình độ chuyên môn Thạc sĩ văn học, chuyên ngành sáng tác văn học.

Là hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Yên Bái (1984); Hội Nhà báo Việt Nam (1992); Hội Văn học nghệ thuật thiểu số Việt Nam (2004); Hội Nhà văn Việt Nam (2006)

Các tác phẩm chính: *Hoang thủy* - tập truyện ngắn (2006); bộ sách tiểu thuyết tự chọn: *Bụi hồng, Xứ mưa, Rừng thiêng* - tiểu thuyết (2007); *Lên Phan Si Păng* - tập bút ký và ghi chép (2008); *Sao tổn khuôn* - tập truyện ngắn (2009); *Sẻnh bông phèn* - tập truyện (2010)

Giải thưởng đã đạt được từ năm 2005 - 2010: Tập truyện ngắn *Hoang thủy* giải A VHNT tỉnh Yên Bái năm (2006); Tập bút ký và ghi chép *Lên Phan Si Păng* Giải A VHNT tỉnh Yên Bái năm 2008; Tập truyện ngắn *Sao tổn khuôn* giải B Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2009, tặng

thưởng của tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam cho tác phẩm xuất sắc thi viết tiểu thuyết năm 2009; Bút ký *Mầm xanh Nậm Búng* giải A viết về chủ đề “Tự hào truyền thống quê hương Yên Bái” năm 2010.

Ông từng đạt Huy chương vì sự nghiệp VHNT Việt Nam năm 1999; Bằng khen của Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt nam năm 2008.

#### 2.2.3.2. Quan niệm sáng tác

Một người lính - một thầy giáo dạy văn - một thạc sĩ văn học rồi chuyển sang làm nghề báo, nhờ sự nhiệt thành với văn và đời Hoàng Thế Sinh đã gắn bó với nghiệp văn chương từ rất sớm. Hoàng Thế Sinh suy nghĩ về nghề văn như sau: *“Tôi cảm nhận viết văn đó là một nghề “Giời đầy” một nghề lao động sáng tạo khắc nghiệt và thật hạnh phúc. Tác phẩm phải gắn với thân phận con người, gắn với vận mệnh đất nước, nếu không chẳng có nghĩa gì cả”*. Điều này đã chi phối tất cả những sáng tác của ông thành phong cách riêng. Mỗi trang viết của ông đều thể hiện tâm huyết của mình với nghề văn và chứa đựng trong đó tinh thần trách nhiệm của người cầm bút đối với cuộc sống, con người và xã hội.

#### 2.2.3.3. Cảm hứng chủ đạo

Hoàng Thế Sinh - một cây bút xuất thân từ thời bao cấp, cái thời khó khăn khổ cực. Chính sự khổ cực đó mà đã sinh ra những con người có dũng khí. Đó là thời kỳ có nhiều bất công, ngang trái. Đầu tiên là họ bất bình trước những thói hư tật xấu của xã hội, rồi tiếp theo là họ sẵn sàng đấu tranh để bài trừ chúng cho dù có thất bại. Những sáng tác của Hoàng Thế Sinh luôn lên tiếng chống cái hư, tật xấu cái ác độc của đời sống thế sự. Nhân vật của ông là những con người nhỏ bé, thấp cổ bé họng. Họ thường bị đàn áp, chà đạp nhưng rồi họ tự đứng lên bằng chính nghị lực của mình. Đó là những con người có dũng khí. Hoàng Thế Sinh luôn tỏ ra yêu quý những người có dũng khí. Điều đó thể hiện rất nhiều trong sáng tác của ông như: Tiểu thuyết *Bụi*

*hồ, Rừng thiêng, Thuốc phiện và lửa, các truyện ngắn như: Người nông dân nhỏ bé, Đào chanh đào, Chim gâu đôi...*

Trong tác phẩm của Hoàng Thế Sinh, nhân vật thường có sự đối lập, một bên là người tử tế thường hay bị vùi dập, oan khuất, hay phải chịu thiệt thòi, còn bên kia là những kẻ không ra gì thì đắc thắng, trâng tráo, mặc sức tác oai tác quái. Nhưng trong cuộc sống nhiều cái có thể đổi thay, cái gì cũng có quy luật đúng đắn. Có thể những người tử tế chưa chắc đã được cuộc đời đền bù, song dứt khoát những kẻ khốn nạn thế nào cũng bị quả báo. Đó chính là triết lý sâu xa tác giả muốn gửi gắm trong tác phẩm của mình. Có lẽ ngòi bút của ông luôn đề cao, tôn vinh những người có dũng khí nên nhân vật của ông được xây dựng và ứng xử theo tinh thần triết lý dân gian “ác giả, ác báo” và cái thiện luôn chiến thắng cái ác. Trong bài *Ở xứ mưa có Hoàng Thế Sinh* (hvnyb.vnweblogs.com) Văn Giá đã viết: “*Tôi vẫn cứ nghĩ, tất cả các tác phẩm mà Hoàng Thế Sinh viết ra, cả trong văn xuôi lẫn thơ, cả trong truyện ngắn lẫn tiểu thuyết, cả ký và truyện cười...đều hiện lên một cái nhìn nhất quán về cuộc đời: sự phân minh của đạo lý và công lý trong tư thế làm người. Chính vì thế mà thế giới nhân vật của anh bao giờ cũng được nhìn nhận và mô tả theo cái nhìn phân tuyến: một bên là những người tử tế, còn bên kia là những kẻ đều cang bất lương*”.

Đúng là cái nhìn về đời sống của Hoàng Thế Sinh bao giờ cũng dứt khoát, rạch ròi. Với ông “ác giả, ác báo”. Đúng như tên một truyện ngắn của anh: *Luật của rừng*, trong đó có nhân vật thằng Lường lợn lòi sống độc ác, táng tận lương tâm, không biết phải trái, sống hung hăng, hống hách. Hấn phá rừng, đánh người quản rừng nhưng cuối cùng hắn bị chính luật rừng trừng trị, bị gấu rừng vả vào mặt suýt chết. Nhân vật thằng Liêng trong *Rừng thiêng* cũng thế, cả đời chuyên làm những điều độc ác, cuối cùng bị lũ cuốn suýt toi mạng...

Văn chương của Thế Sinh là sự lên tiếng nghiêm khắc của công lý và đạo lý. Đây cũng chính là một trong những cảm hứng sáng tác chính của ông. Ngòi bút của ông luôn đề cao con người nhỏ bé nhưng có dũng khí. Nhân vật trong tác phẩm của ông được miêu tả thường là những con người yếu thế, bị chà đạp nhưng đầy khí phách. Họ dũng cảm ra đi tìm công lý. Họ là những con người “thấp cổ, bé họng” trong xã hội nhưng họ lại có một phẩm chất đặc biệt đó là không chịu khuất phục, chùn bước trước những cái xấu, cái ác, cái bất công, ngang trái. Họ có một quyết tâm cao cả trong cuộc sống. Đó là tư thế của những Bảo Châu trong *Xứ mưa*, mặc dù bị trù dập những anh vẫn cố vươn lên, quyết đấu tranh đến cùng để lấy lại danh dự của mình. Đam ở *Rừng thiêng...* Nhân vật người nông dân trong truyện ngắn *Người nông dân nhỏ bé* phải chịu bao nhiêu nỗi tủi nhục trong cuộc sống, anh bị đe dọa, đánh đập, nhốt giam, bị tịch thu đất đai, gia sản, đời sống rơi vào cùng cực, vợ con cũng phải gánh chịu khốn khổ theo nhưng anh vẫn quyết tâm không chùn bước. Hơn trăm lần đi kiện, anh đã nhiều lần bị đánh đập, đe dọa nhưng không vì thế mà anh bỏ cuộc, anh quyết tâm đòi được công lý mới dừng. Hay nhân vật Hoàng trong *Bụi hồng* vốn là anh bộ đội, vì có nhân cách và lòng tự trọng mà đã không chịu buông tha cho thằng Si Ngoác - kẻ đã giết chết vợ anh. Anh quyết truy lùng bằng được, và chính điều đó đã mở đầu cho tấn bi kịch cuộc đời. Anh bị kết án với tội danh bức tử người khác, phải chịu bảy năm tù giam. Trong tù anh cố gắng cải tạo tốt để mong sớm được ra tù. Nhưng cuộc đời lắm bất công ngang trái, lại một lần nữa nhân cách và lòng tự trọng lại kết án anh, sắp đến ngày được tự do, anh đã đánh tên quản ngục vì bị hấn xúc phạm gọi anh là đồ “súc vật”. Sau đó chôn tù không ra đầu thú, anh lang lang sống chui lủi phiêu bạt khắp nơi. Bị dồn vào chân tường, anh ra nhập vào thế giới “*Bụi hồng*”, sống ngoài vòng pháp luật. Có lẽ trong *Bụi hồng* thể hiện rõ nét nhất về thực trạng công lý, lên án những người thực thi pháp luật, thực thi sự công bằng lại không thực hiện hết chức trách của mình khiến cho cuộc sống của

nhiều người bị đảo lộn.

Hệ thống nhân vật của Hoàng Thế Sinh có những kẻ bất tài, thiếu nhân cách nhưng biết lợi dụng, luồn lách, nịnh bợ lại có “ô dù” để dựa dẫm nên đã nhanh chóng tiến thân như nhân vật Tam trong *Xứ mưa*: “hắn có người nhà làm cán bộ có vai vế ở sở Giáo dục, ở tổ chức chính quyền tỉnh và hắn cũng lắm mảnh lời” [46, tr.274] nên hắn được thăng lên chức phó hiệu trưởng. Nhưng hắn là một người không có nhân cách, lợi dụng chức quyền một cách trần trợn và liều lĩnh. Ngay sau khi được đề bạt Tam lập tức đưa những người thân cận, anh em họ hàng vào các vị trí chủ chốt trong trường. Tam đã lợi dụng ông Tào Hiệu trưởng nhu nhược và tham chức, hắn dùng thủ đoạn vừa nử, vừa dọa, vừa lôi kéo ông ta tham dự vào các mưu kế của hắn. Trắng trợn hơn nữa Tam còn lợi dụng chức vụ của mình ép các giáo viên phải làm sai quy định của ngành như nâng điểm, sửa chữa học bạ... vì thành tích. Hắn còn lợi dụng việc Nhà nước đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường để đút lợi lộc vào túi cá nhân. Khi bị Bảo Châu tố cáo những hành vi sai trái lên cấp trên, hắn nịnh bợ cấp trên, trơ trẽn đổ tội cho Bảo Châu đã vu oan hắn, muốn gây mất đoàn kết trong trường. Rồi hắn dùng mọi thủ đoạn châm chọc, cạnh khốe, phê bình Bảo Châu, thậm chí hắn còn ngang nhiên gạt tên Bảo Châu ra khỏi danh sách xét kết nạp Đảng vì mối tư thù. Hắn là một con người rất tinh vi, xảo quyệt.

Hay một số cán bộ là những kẻ dốt nát, quan liêu, không gần gũi với dân, chỉ đứng từ xa để chỉ đạo, sống giả tạo ra vẻ lo cho cuộc sống của nhân dân nhưng thực chất bên trong là lợi dụng để hút máu của dân, khiến cuộc sống của nhân dân điêu đứng. Như trong *Luật rừng*, *Chuyện quanh núi chúa*. Đó là kế hoạch cải tạo rừng nguyên sinh, rừng già để trồng cây bồ đề, keo, bạch đàn... Những cán bộ xã “tử tế” đó đưa ra những lý lẽ dường như rất khoa học, hợp lý khiến người dân nghe xong kế hoạch thì vui mừng và đặt nhiều hy vọng vào sự đổi đời trong tương lai. Nhưng họ đâu biết rằng, phía sau cái vỏ

bề ngoài tâm huyết, từ tế đó là các cán bộ huyện đã cấu kết với cán bộ xã khai thác gỗ quý hiếm để phục vụ lợi ích cá nhân.

Trong sáng tác của Hoàng Thế Sinh, ngoài những vấn đề mang tính chất xã hội, tác phẩm của ông còn đi vào khía cạnh cuộc sống đời tư của con người. Nhiều tác phẩm ông đi sâu vào việc đề cao con người, đề cao ý thức cá nhân, quan tâm đến số phận cá nhân với quyền làm người, quyền được tự do, hạnh phúc. Điều đó thể hiện ý nghĩa nhân văn trong sáng tác của ông. Nhà văn để cho nhân vật của mình tự đi tìm hạnh phúc bằng những hành động mạnh mẽ, quyết liệt, dù vấp phải khó khăn nhưng họ vẫn kiên trì vượt lên. Như Noọng Sim trong *Rừng thiêng* là con gái của thầy lang chữa bệnh giỏi và có uy tín đối với dân bản. Sim thích Đam nhưng từ ngày Đam đi bộ đội, ở nhà Liêng cũng rất thích Sim và muốn lấy Sim làm vợ. Liêng đã tung ra những tin sáo bậy rằng Đam là con của khí vàng núi Đán Khao. Sim bỏ mặc nỗi sợ từ những lời đồn đại, vượt qua những lời dọa dẫm, những trò ma mãnh, những mưu mô, quỷ kế của Liêng, cuối cùng Sim được hạnh phúc bên Đam.

Điều đáng quý ở ngòi bút của Hoàng Thế Sinh là luôn đề cao sự thức tỉnh ý thức cá nhân, bên cạnh đó sáng tác của ông còn thấp lên ngọn lửa sống mãnh liệt của những số phận cá nhân nhỏ bé bị chà đạp. Nhân vật của ông luôn khao khát đi tìm lại quyền làm người, quyền tự do và hạnh phúc. Trong *Bụi hồng* nhân vật Hoàng là một người liều lĩnh nhưng luôn ẩn chứa bên trong con người anh là ước muốn như bao con người bình thường khác, đó là được sống và yêu. Hoàng và Vân là hai con người có số phận bất hạnh, một người phải sống chôn chui chôn lủi, một người thì bị cô đơn yếu thế bị đẩy ra đảo hoang vì môi trường thù cá nhân. Hai người gặp nhau, họ chia sẻ và cảm thông với nhau bằng tình yêu, tình người. Dù gặp bao trắc trở nhưng Hoàng vẫn khẳng định chắc chắn rằng: *“Nhưng ngày mai, bên cạnh tình yêu anh còn có danh dự của một người đàn ông. Có thể chúng ta phải chịu nhiều đau đớn, tủi nhục nữa nhưng chúng ta sẽ thức tỉnh được một điều gì đấy về*



*luong tâm, giá trị con người. Còn trên đời này, anh không cho phép bất cứ ai sỉ nhục chúng ta”* [46, tr.156].

Hoàng Thế Sinh là người miền xuôi, nhưng ông đã sống và gắn bó với mảnh đất vùng cao Yên Bái gần trọn một đời. Ông đã từng đặt chân hầu hết mọi nơi trên mảnh đất Yên Bái. Bởi vậy thế giới thiên nhiên của núi rừng bí ẩn, hoang dã với vẻ đẹp lãng mạn luôn là một đề tài khơi gợi cảm hứng sáng tác của ông. Đó là cả một thế giới ghê rợn của ma quỷ và các loài mãnh thú, một thế giới tối tăm mà trong đó con người thật bé nhỏ. Nơi đây đã từng diễn ra những cuộc xung đột giữa con người với con người để tranh giành sự sống, là nơi chứa đầy hiểm họa không lường trước được.

Trong những tác phẩm của mình, Hoàng Thế Sinh không chỉ viết về một địa danh cụ thể mà thiên nhiên bao trùm toàn thể miền đất Yên Bái. Qua ngòi bút của ông thiên nhiên hiện lên với những nét mới mẻ, đa dạng và phong phú, thậm trí còn dữ dội nhưng không thiếu đi những nét chân thực và lãng mạn. Đó là đảo Mõm sói, một trong hơn một ngàn hòn đảo nổi trên hồ Thác Bà trong *Bụi hồ*. Cảnh sắc thiên nhiên ở đây thật nên thơ và biến hóa vào lúc hoàng hôn “*Chiều xuống, mặt hồ màu ngọc bích giống như một chiếc gương thần kỳ chợt đổi màu trong hoàng hôn phớt tím*” [46, tr.19]. Còn buổi sáng mùa thu đảo được miêu tả với một vẻ đẹp huyền ảo “*Sương mù giăng trắng, biến các hoang đảo thành như những tảng băng lớn ở vùng bắc cực, trôi dập dềnh. Mặt trời chẳng khác gì trái cam hong hanh vàng trôi giữa không gian mông lung...*” [46, tr.82]. Đó còn là một thiên nhiên đầy màu sắc rực rỡ ở dòng Nậm Be, trên núi Đán Khao trong *Rừng thiêng* khi “*Bốn bề núi rừng mờ trong mưa bay, phút chốc những tia nắng ban mai đã biến mưa xuân thành những sợi tơ trời óng ánh, rực rỡ đến lạ kỳ...*” [46, tr.385].

Thiên nhiên núi rừng trong văn xuôi Hoàng Thế Sinh còn là nơi nuôi dưỡng rất nhiều những cây gỗ quý như đinh, sến, lát, pơ mu... xen trong đó là

các loại cây rau, cây vầu, cây nứa, cây giang... Và ở đó có bao nhiêu loài muông thú như: Nai, hoẵng, gấu, lợn lòi, chó sói, hổ, chim... Thiên nhiên rừng núi còn cung cấp rất nhiều loại thuốc quý hiếm dùng để chữa bệnh cho con người như: cây chân vịt, cây lưỡi hái, cây kim ngân... Tất cả hiện lên rất tự nhiên bởi đó là sự sắp đặt của tạo hóa.

Trong văn xuôi Hoàng Thế Sinh Thiên nhiên và con người còn có mối quan hệ hòa hợp với nhau. Thiên nhiên đã đem đến cho con người cuộc sống tốt đẹp. Con người dựa vào thiên nhiên để sinh sống, lao động, tồn tại. Thiên nhiên với con người gắn bó với nhau như những người bạn thân thiết, con người khao khát sống giao cảm với thiên nhiên. Đặc biệt thiên nhiên trong sáng tác của Hoàng Thế Sinh thường được miêu tả gắn liền với những biến cố của cuộc đời nhân vật chính. Đối với nhân vật Hoàng trong *Bụi hồng*, mỗi khi cảm thấy mệt mỏi, lo âu hay những lúc cần sự yên tĩnh để suy nghĩ anh lại đi lang thang dọc các dòng suối, thả hồn mình vào phong cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, và rồi chính thiên nhiên đã nâng đỡ tâm hồn anh, xoa dịu những nỗi buồn trong anh. Hay Sa trong *Sao tồn khuông*, cô coi thiên nhiên như một người mẹ nuôi dưỡng bao thế hệ vùng cao bằng những gì ngọt lành nhất... Đôi khi con người như trải lòng với thiên nhiên như với Mỹ Châu trong *Thuốc phiện và lửa*, bên nước Pàng Chùa vừa như một người bạn tâm tình, vừa như chứng nhân chúng kiến niềm vui cũng như sự đau buồn trong cuộc đời của cô. Thiên nhiên dường như hòa nhịp với tâm hồn con người.

Thiên nhiên đẹp là thế, hiền hòa, đa dạng và phong phú là thế nhưng chỉ vì lợi ích cá nhân mà có những con người sẵn sàng tàn phá thiên nhiên, khai thác gỗ bừa bãi, săn bắn muông thú không thương tiếc dẫn đến hệ lụy. Đây cũng là niềm trăn trở trong sáng tác của Hoàng Thế Sinh. Bằng ngòi bút, bằng những con chữ trong những trang viết của mình ông kêu gọi mọi người hãy tôn trọng thiên nhiên không nên sử dụng, cải tạo thiên nhiên theo chiều

hướng phục vụ lợi ích cá nhân, lợi ích trước mắt mà hủy hoại thiên nhiên, cần phải nhìn vào tương lai để hành động.

Trong sáng tác của ông xuất hiện nhiều đối tượng tàn phá thiên nhiên như bọ lâm tặc, chính quyền địa phương với những quan điểm chủ trương sai trái... và rồi bị quả báo. Trước hết là cuộc sống của người dân, họ phải đối mặt với những cơn lũ đa dữ dội suốt cả chục ngày không ngớt trong *Rừng thiêng*: “Mưa càng ngày càng to, gió thổi ù ù qua các thung lũng như thổi vào hang đá, nghe rợn người... Gió và sấm tung ra mù trời, vò xé, vụn gãy, quật đổ không biết bao nhiêu là cây rừng” [46, tr.689]. Trong *Thuốc phiện lửa* “lúc đầu dân bản tưởng mưa bão, mưa đá vội chạy tụt vào trong nhà. Mãi bình tĩnh nhìn ra, mọi người hết hoảng vì không thấy đá mà thấy toàn chim là chim” [48, tr.602]. Chuyện kỳ lạ khủng khiếp này chưa từng thấy ở vùng núi Xu Phin, núi Lũng Cung, núi Pú Song Sung, sự việc khiến cho mọi người lo sợ và phân nào nhận ra rằng “đến lúc trời trừng phạt con người” “trời đất đổi tính nét rồi” [46, tr.650]. Bản chất của thiên nhiên hiền hòa, nhưng chính con người đã làm cho nó trở nên dữ dội là thế. Ông cảm thấy xót xa, đau đớn trước sự thiếu hiểu biết của một số bộ phận, một số người trong xã hội.

Có thể nói, Hoàng Thế Sinh là cây bút văn chương hiện đại khỏe khoắn và vạm vỡ. Những sáng tác của ông có nhiều đóng góp cho nền văn học Yên Bái nói riêng và cho nền văn học Việt Nam nói chung. Như Văn giá đã từng khái quát trong bài *Ở xứ mưa có Hoàng Thế Sinh* (hvnyb.vnweblogs.com): “Mảnh đất văn chương Yên Bái đương đại đã có một nhà thơ Ngọc Bái, một nhà văn Hà Lâm Kỳ quen thuộc với bạn đọc cả nước, và có không ít các cây bút sung sức khác. Các sáng tạo của nhà văn Hoàng Thế Sinh là một giọng điệu vạm vỡ góp phần làm cho văn chương xứ sở Yên Bái có sức lan xa, tỏa sức sống cùng với văn chương cả nước”.

### Tiểu kết

Từ năm 1986 đến nay, Văn xuôi Yên Bái phát triển mạnh mẽ. Đội ngũ tác giả, tác phẩm đông đảo và phong phú. Các tác giả thành danh của văn xuôi chủ yếu là những tác giả trẻ và có sức viết dồi dào. Những sáng tác của họ với nhiều khuynh hướng khác nhau như khuynh hướng lịch sử, dân tộc; khuynh hướng thế sự, đời tư. Những gương mặt tiêu biểu của văn xuôi Yên Bái mà chúng tôi chọn giới thiệu là nhà văn Hoàng Hạc - một con chim đầu đàn trong làng văn xuôi; nhà văn Hà Lâm Kỳ, Hoàng Thế Sinh - những cây bút viết “rất khỏe” của nền văn xuôi Yên Bái. Họ đã đạt được những giải thưởng lớn của Trung ương và địa phương. Cảm hứng chủ đạo của họ chủ yếu viết về miền núi, về vùng cao tuy nhiên mỗi nhà văn lại tập trung vào một mảng đề tài nhất định. Cụ thể cảm hứng chủ đạo của Hoàng Hạc ngợi ca cảnh sắc thiên nhiên, cuộc sống con người các dân tộc miền núi vùng thượng nguồn sông Chảy. Từ đó ta thấy được sự gắn bó máu thịt, tình yêu quê hương của tác giả. Các tác phẩm của ông bình dị và trữ tình, sâu lắng và hồn nhiên, chân chất tâm hồn người Tày. Hà Lâm Kỳ lấy cảm hứng từ ký ức tuổi thơ. Ngay từ khi mới sáng tác, Hà Lâm Kỳ đã hướng ngòi bút của mình đến với thiếu nhi, đến với thế giới tuổi thơ. Còn Hoàng Thế Sinh, những sáng tác của ông luôn lên tiếng chống thói hư, tật xấu, cái ác độc trong đời sống thế sự. Đây là cảm hứng lớn của Văn học Việt Nam nói chung và với Hoàng Thế Sinh từ khi xuất hiện đến nay vẫn bền bỉ nằm trong mạch cảm hứng nóng bỏng đó với hệ thống những nhân vật bé nhỏ, yếu thế nhưng đầy dũng khí. Nhà văn Hoàng Hạc, Hà Lâm Kỳ, Hoàng Thế Sinh xứng đáng là những nhà văn giàu tâm huyết và tài năng trong nền văn học Yên Bái nói riêng đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng nền văn học Việt Nam hiện đại. Qua hai khuynh hướng sáng tác, cùng với quan niệm sáng tác, cảm hứng chủ đạo của ba cây bút tiêu biểu đã làm nổi bật lên nội dung của văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay.

### Chương 3

## NGHỆ THUẬT VĂN XUÔI YÊN BÁI TỪ 1986 ĐẾN NAY

### 3.1. Cốt truyện

Có thể nói, văn xuôi Yên Bái đã có nhiều khởi sắc. Tuy chưa có những đỉnh cao vượt trội nhưng nhìn chung, chất lượng khá đồng đều, người đọc thấy rõ các cây bút có tay nghề vững vàng, truyện đều có chuyện, đậm chất văn chương, một số truyện có phong cách riêng, hấp dẫn.

Cốt truyện là một hệ thống cụ thể những sự kiện, biến cố, hành động trong tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch, thể hiện mối quan hệ qua lại giữa các tính cách trong một hoàn cảnh xã hội nhất định nhằm thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Nói như Lại Nguyên Ân cốt truyện là *“một phẩm chất có giá trị của văn học... Trong các thể loại văn học, các cốt truyện là thành phần quan trọng thiết yếu của tự sự và kịch”* [1, tr. 114]. Như vậy, có thể thấy, cốt truyện là bộ khung xương của một tác phẩm văn xuôi. Nó bao gồm toàn bộ diễn biến của câu chuyện từ khởi đầu cho đến kết thúc.

Trong văn xuôi Yên Bái các tác giả chú ý xây dựng trên cơ sở cốt truyện truyền thống và cốt truyện mang tính hiện đại.

#### 3.1.1. Cốt truyện truyền thống

Cốt truyện đơn tuyến là kiểu cốt truyện truyền thống. Nhà văn khi sáng tác với những đặc điểm như: dung lượng các sự kiện ít, không có sự chông chéo. Xung đột giữa các sự kiện, thời gian tuyến tính, kết thúc tác phẩm theo tư duy nhân quả truyền thống. Đó là kết thúc đóng, với kết quả có hậu. Loại cốt truyện này phổ biến với sự xuất hiện của những sự kiện đơn giản, các mảng sự kiện luôn gắn với hành trình số phận của nhân vật. Nhiều khi tác giả quá chú ý đến sự kiện làm cho sự kiện che lấp nhân vật, hoặc chỉ chăm chú

đến việc thể hiện nội dung tư tưởng hay chủ đề của tác phẩm mà quên đi các yếu tố khác cấu thành nên tác phẩm. Có lúc tác phẩm hiện lên chỉ còn theo một công thức: liệt kê các sự kiện theo một trình tự nhất định.

Trong *Đất Mùong thời đông lũ* tác giả Trần Cao Đàm chọn kết cấu chương hồi theo trục thời gian tuyến tính để tái hiện lịch sử, giúp cho bạn đọc dễ dàng được hòa trong không gian của vùng đất vốn có nhiều truyện thơ cổ về truyền thống đánh giặc cứu bản mường: *Quả tổ mường* (Truyện bản mường), *Quả tay pú sắc* (Truyện người Thái đánh Tây), *Cầm Hành tập sóc Cờ Lương* (Cầm Hành đánh giặc Cờ Vàng).

### **3.1.2. Cốt truyện mang dấu ấn tư duy nghệ thuật hiện đại**

Văn xuôi Yên Bái có những cách tân nhất định trong quá trình phát triển, đặc biệt là cốt truyện đã ít nhiều mang dấu ấn hiện đại. Với cái nhìn tinh tế, với ngòi bút sắc xảo của mình, các tác giả đã, đang không ngừng đổi mới lối viết, cách viết cho phù hợp với quy luật phát triển của văn học cả nước nhằm đáp ứng tầm đón đợi của người đọc ngày một đông đảo, rộng rãi và cao hơn. Khi sáng tác các nhà văn vẫn kế thừa những ưu điểm của cốt truyện truyền thống, nhưng bên cạnh đó lại xây dựng được cốt truyện hiện đại với nhiều xung đột được nảy sinh, nhân vật đa chiều, đa diện, thời gian có sự đảo lộn, tác phẩm có kết thúc mở. Những dấu hiệu hiện đại này đã góp phần làm tăng tính hiện thực cho tác phẩm.

Vào thời kì đổi mới, nhiều tình huống truyện đã có sự khơi sâu mài sắc nhiều hơn, với những xung đột thiện - ác, người - thú, xung đột đạo đức ngay trong chính nội tâm mỗi người. Chẳng hạn một cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa cái thiện và cái ác, giữa hủ tục lạc hậu và cách làm ăn kinh tế mới trong "*Thuốc phiện và lửa*"- Hoàng Thế Sinh.

Do ảnh hưởng của phương pháp sáng tác hiện thực cùng sự đổi mới trong tư duy nghệ thuật, nhiều nhà văn đã dần thoát khỏi cách viết truyền

thống như trong cổ tích khi tạo được sự đan xen giữa các dòng thời gian. Câu chuyện không còn được kể lại theo một trật tự thời gian tuyến tính nữa mà đã có sự đảo lộn thời gian, miêu tả gấp khúc, nhảy cóc tự sự. Trong những giai đoạn đầu của văn xuôi dân tộc thiểu số, kiểu cốt truyện hiện đại cũng đã bắt đầu xuất hiện ở một vài tác phẩm, tuy nhiên sự biểu hiện vẫn còn khá mờ nhạt. Thời gian, không gian trong *Sông gọi* (Hoàng Hạc) phần nào đã thể hiện dấu ấn hiện đại trong cốt truyện khi tác giả tập trung miêu tả ngày hội lấp sông chỉ trong hai tiếng đồng hồ với những sự kiện lớn, nhỏ đang diễn ra. Hay *Chuyện về một giấc mơ* của (Nguyễn Hiền Lương) thời gian câu chuyện bắt đầu từ việc nghe mẩu tin trên ti vi về việc tìm liệt sĩ đã làm cho nhân vật hồi tưởng lại câu chuyện trong thời kỳ chiến tranh.

Các tác giả khai thác triệt để các đề tài, từ nông thôn đến thành thị, từ cuộc sống vùng cao đến văn minh nơi đô thị, từ đối tượng tri thức đến nông dân, từ đề tài chiến tranh đến cuộc sống đời thường với bao dẫn vật, trần trở... Nghệ thuật trình bày được các tác giả thể hiện khá đa dạng: Có cốt truyện hoặc không có cốt truyện, đa nhân vật hay chỉ xoay quanh một nhân vật chính, một tình huống hay đa tình huống, văn phong hiện đại hay giữ theo lối cổ điển... Điều này đã tạo nên một bức tranh đa sắc mà trong đó một số tác giả đã tạo được gam màu riêng cho mình, thể hiện phong cách cá nhân đậm nét

Điều nổi bật dễ nhận thấy trong tác phẩm của Xuân Nguyên là xây dựng một cốt truyện có tình huống, có thắt buộc, có cởi mở. Trong *Cánh chim trời*, Xuân Nguyên đã tạo tình huống đầy kịch tính để cho Mai Linh - một thầy giáo dạy văn trường sư phạm với Mỹ Say - cô gái ở trường vùng cao về Sư phạm học bổ túc văn hóa gặp nhau. Mỹ Say lần đầu tiên về tỉnh đã bị bọn lưu manh lừa gạt đưa lên đồi bỏ đề thực hiện ý định làm bậy. Mai Linh đã xuất hiện và cứu thoát cho cô. Rồi Mỹ Say đăng ký vào học trường sư phạm và trở thành cô giáo. Hai người âm thầm yêu nhau. Kết thúc khóa học Mỹ Say

trở về quê nhà dạy học. Để giữ tình yêu cháy bỏng của mình, Mai Linh quyết định theo Mỹ Say lên vùng cao dạy học. Nhưng do hoàn cảnh, để chăm sóc cho người mẹ bị tâm thần nên Mỹ Say đã quyết định lấy một y sỹ người Mông và chia tay với Mai Linh. Câu chuyện kết thúc bằng sự đau khổ của Mai Linh nhưng tác giả đã lựa chọn cho Mỹ Say một con đường báo hiếu. Bên cạnh đó, nhiều truyện của Xuân Nguyên thường là sự đan cài giữa quá khứ và hiện tại làm nổi bật lên cuộc sống tối tăm, cơ cực của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao dưới chế độ cũ như tác phẩm *Rừng ma*, *Hoa đào tháng chín*...

Nguyễn Hiền Lương nổi lên như một đạo diễn tài hoa. Truyện của ông có lời kể và cách kể khéo léo, hấp dẫn. Câu chuyện éo le, ly kỳ, nhiều tầng, nhiều lớp, tương thế này lại hóa ra thế kia...để rồi dẫn đến một kết cục không mong muốn. Đó là những câu chuyện có tâm lực. Như *Chuyện của Hào*, nếu không có chiến tranh thì anh bộ đội Hào việc gì phải vướng vào một câu chuyện tình éo le, rắc rối như vậy. Đúng như tác giả viết:... “*hai tiếng đánh giặc quả có hiệu nghiệm*” trong mọi nỗi vui buồn. Vì nó mà anh dựng vợ kịch cưới vợ thành công, vì cưới vợ thành công nên anh vẫn không có đám cưới nào! Hào đã phân trần với bạn sau hàng chục năm... “*đã cưới xin gì đâu*”. Tất nhiên ở truyện này tác giả còn chĩa mũi tên vào một đối tượng khác ngoài chiến tranh.

Truyện của Vũ Quý hay, thường có những xung đột mãnh liệt, có những mảng màu sáng, tối đan xen. Truyện *Ngày xưa sông Đuống* và *Chuyện của người khảo cổ*. Lướt qua tên truyện ta có cảm giác đã gặp ở đây những gì thuộc về quá khứ xa xăm. Ông lấy bốn câu thơ của bài “*Bên kia sông Đuống*” làm đề từ cho truyện ngắn của mình nhưng *Ngày xưa sông Đuống* của ông chứa đựng nhiều uẩn khúc nỗi niềm, có phần nghiệt ngã số phận, thời cuộc đâu có thênh thênh như dải lụa bay lên một dòng lấp lánh. Ở *Chuyện của người khảo cổ* từ ánh trăng đến cây đàn, từ con chim đến con hổ, đồng tiền,



mừng thóc...và nhất là con người đều không “như thực” chút nào. Theo đó, cách ăn nói, cách miêu tả về kể đều thực thực, hư hư, lãng đãng...đó là chỗ lãng tử công phu của Vũ Quý để làm nên một phong cách, đặc sắc riêng.

Phải nói, cốt truyện trong sáng tác của các tác giả văn xuôi Yên Bái đã khẳng định được phong cách và thành công của mình. Tùy thuộc vào đề tài, thể loại mà nhà văn đã xây dựng cho mình một ý tưởng, một lối viết và một cách chọn lựa cốt truyện riêng để tạo nên những tác phẩm văn xuôi độc đáo và hấp dẫn.

### **3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật**

Nhân vật văn học theo *Từ điển thuật ngữ văn học* là “con người cụ thể được miêu tả trong tác phẩm văn học. Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật đầy tính ước lệ, không thể đồng nhất nó với con người có thật trong đời sống” (Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi 2007) [19, tr 235].

Nhân vật văn học là một phương thức nghệ thuật nhằm khai thác những nét thuộc tính của con người, trong một tác phẩm văn học không thể thiếu nhân vật. Nhân vật là con người hoặc có thể là con vật, loài cây, các sinh thể mang tính chất hoang đường được gán những đặc điểm của con người.

Theo Giáo trình Lý luận văn học (Phương Lưu chủ biên) thì “*nhân vật văn học là con người được miêu tả thể hiện trong các tác phẩm bằng các phương pháp văn học*” [37, tr. 177]

Nghệ thuật xây dựng nhân vật là những thủ pháp để miêu tả, khắc họa hình ảnh con người với đầy đủ các phương diện từ ngoại hình đến tính cách và nội tâm của nhân vật.

#### **3.2.1. Xây dựng nhân vật thông qua miêu tả ngoại hình**

Ngoại hình là một trong những phương diện cơ bản để khắc họa nhân vật. Qua miêu tả ngoại hình, nhà văn đã dựng lên chân dung một con người.

Trong sáng tác của Hoàng Thế Sinh, các nhân vật được miêu tả chi tiết, cụ thể về ngoại hình, nhất là những người phụ nữ. Mỗi nhân vật được khắc họa với một vẻ đẹp khác nhau nhưng vẫn mang đậm đặc trưng của người phụ nữ vùng cao. Thông qua miêu tả ngoại hình phần nào làm nổi bật lên tính cách và số phận của nhân vật. Mỹ Châu trong *Thuốc phiện và lừa* được miêu tả “*Xinh đẹp như tiên nữ trong cổ tích. Mỹ Châu cao dong dỏng. Nước da nâu. Gương mặt trái xoan tươi sáng. Mũi thẳng. Môi trái đào hơi dày và ướt. Mắt đen thắm hút hồn...*” [48, tr. 60]. Hay bằng sự tưởng tượng cùng với việc sử dụng bút pháp ước lệ, tượng trưng của truyện cổ dân gian và văn học trung đại tác giả đã phác họa chân dung nhân vật thật đẹp - một vẻ đẹp rất riêng của núi rừng Tây Bắc: “*Cô bước đi uyển chuyển, mềm mại như ngọn gió thổi qua rừng cây trúc. Giọng nói của cô trong như tiếng suối mây chảy mùa thu. Người trong bản còn bảo, cô đẹp đến nỗi khi lên nương thì cây cỏ ngã xuống nâng bước chân. Cô ra vườn thì bướm bay theo từng đàn. Cô lội xuống suối thì cá bơi lượn quanh chân. Cô vào rừng thì hoa rừng nở thơm ngát và chim sơn ca thi nhau hát cho cô nghe*” [48, tr. 90].

Qua việc miêu tả ngoại hình nhân vật trong truyện ngắn *Hai ông bố* của Ngọc Bái, người đọc tưởng tượng ra một ông bố khác khổ, thô kệch và xấu xí: “*Bố tôi mặt xương xương khác khổ. Mũi to như kiếu mũi sư tử. Miệng lại nhỏ, chẳng hề cân xứng chút nào*” [42, tr 34]. Một ông bố suốt đời phải gánh chịu nỗi vất vả nhưng rất mực thương con.

Có những nhân vật mới nghe tên tưởng chừng như xấu xí, nhưng ngược lại, tác giả luôn thể hiện sự cân bằng trong cách miêu tả nhân vật. Đó là nhân vật trong truyện ngắn *Sự thật và sự thể* của Bá Khánh: “*Năm ấy ở đội sản xuất nọ có một cô nuôi dậu trẻ tên là Trần Thị Tọ. Nghe tên gọi, một số người ưa nhan sắc làm tưởng rằng: đây là một cô gái xấu xí. Nhưng thực tế hoàn toàn ngược lại. Cô Tọ nước da trắng ngần, đôi mắt đen, dáng người cao vừa phải...*” [42, tr 207].

### 3.2.2. Xây dựng nhân vật thông qua khắc họa tính cách và nội tâm

Bên cạnh việc miêu tả ngoại hình, các nhà văn đã chú ý khắc họa tính cách và nội tâm nhân vật. Những tâm trạng, suy nghĩ, những nỗi niềm của nhân vật được tác giả khai thác khá tinh tế, tạo nên sự hấp dẫn của trang văn

Nhân vật nữ trong sáng tác của Địch Ngọc Lân lại được miêu tả với những nét tính cách mang bản chất của những người phụ nữ trong thời kỳ kháng chiến. Đó là bản chất của những “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” như nhân vật chị hàng cám trong đoạn trích *Ngôi mả “người ngựa”* (trích tiểu thuyết *Ngôi đình bản Chang*). Một người phụ nữ thông minh, sắc sảo, biết cách đối đáp khi chứng kiến bọn Nhật sỉ nhục người An Nam: “Chúng tôi đói là vì người ta đến đây bắt trồng thầu dầu, trồng đay, không cho cấy lúa nên đói chứ” [21, tr. 90]. Một người phụ nữ có lòng căm thù giặc, dũng cảm dám chống lại tên quan Nhật: “Mày là đồ chó má, Đúng người ta bảo chúng mày là phát xít, chắc phát xít là như vậy” [21, tr. 93], “Lập tức chị hàng cám bằng động tác rất nhanh, gạt hất tung thúng cám ra, hai tay bốc vốc cám thật to và thẳng vào mặt thằng Ki - si - mô - nô, chị dùng tay phải guồng xuống đám móc lên cầm nó, nghiêng quay người dùng chân phải đá thốc vào háng nó...” [21, tr. 94]. Chị vẫn biết với cách xử lý đó thì tính mạng khó vẹn toàn nhưng vì lòng căm thù giặc chị đã quyết không chịu khuất phục trước kẻ thù. Để rồi cuối cùng chị bị chúng nhét vào trong bụng ngựa khâu lại rồi lăn xuống hố lấp đất chôn: “một ngôi mộ người - ngựa chôn chung lù lù, đất đỏ quạch giữa chợ phủ” [21, tr. 97].

Các nhân vật trong *Kỷ vật cuối cùng* và *Chim ri núi* của Hà Lâm Kỳ mang trong lòng quyết tâm đấu tranh dân tộc, giải phóng đất nước. Giặc vào làng mà vẫn chưa có ai đánh mõ báo động, Lòng không suy nghĩ được gì khác là phải làm thế nào để báo động cho mọi người biết: “Cái mõ làng vẫn treo lơ lửng trên cây dọc. Chúng nó đi đâu để giặc vào làng mà không biết? Trời ơi!

*Lòng như muốn nhắm mắt lao đến. Quãng chiếc nỏ xuống đất, Lòng dùng tất cả sức lực ôm ghì lấy cây dọc to, leo lên”* [32, tr. 37]. Với đoạn độc thoại nội tâm cho ta thấy lòng yêu nước nồng nàn của cậu thiếu niên dũng cảm. Một lòng, một dạ hướng về cách mạng, Lòng đã đặt lợi ích chung lên trên sự an toàn của bản thân. Hay khi bị địch bắt Lòng rất bình tĩnh, kiên trì tìm cách thuận lợi nhất để thoát ra khỏi sự giam cầm của chúng.

Trong những tác phẩm của Xuân Nguyên tính cách nhân vật thường được bộc lộ bằng ngôn ngữ và đối thoại, truyện giàu chất hài, do đó khi vui thì nở trời, khi buồn thì nẫu ruột, đau đớn, mang đến cho người đọc những nhận thức sâu sắc (lão Tuất, Cường tà, Kẻ bị trăn lột). Hay cô gái người Mông trong *Cánh chim trời* với một tình yêu mãnh liệt với thầy giáo dạy văn ở trường sư phạm - nơi Mỹ Say theo học, cô đã sẵn sàng “*giờ đây em muốn dâng hiến bông hoa rừng còn nguyên hương sắc cho mối tình của chúng mình*” [42, tr. 302]. “*thoáng một giây ngỡ ngàng, hai tâm hồn khô khát cùng ào đến nhau. Cái giá lạnh từ sương đêm từ Mỹ Say hòa tan trong vòng tay hùng hực hơi ấm của Mai Linh. Họ đứng sững như thế rất lâu, không một lời, chỉ có bốn cánh tay mỗi lúc càng xiết chặt thêm và hai con tim thổn thức càng lúc càng đập hồi hả*” [42, tr. 304]. Nhưng cô đau đớn hy sinh tình yêu để làm tròn bổn phận của một người con với mẹ và vì sự nghiệp của mình “*Anh yêu, em đau đớn báo tin để anh biết: chợ sau em sẽ lấy chồng. Chồng em là một y sĩ người Mông tốt bụng. Anh ấy sẽ giúp em chăm sóc bà mẹ tâm thần để em yên tâm dạy học*” [42, tr. 306].

Truyện của Vũ Quý hay, khá sắc sảo trong cách phân tích tâm lý nhân vật một cách sâu sắc, tế nhị nhưng chứa đựng trong đó sự mạnh mẽ, táo bạo. Văn của ông hay tìm đến những con người và sự vật, sự việc độc đáo (xu thế của văn chương hiện đại): “*Đêm đó trời càng khuya càng ám. Ánh trăng quàng lò mờ hư ảo. Mây không tài nào ngủ được. Nàng như mơ hồ nghe thấy tiếng sáo. Không! Mà tiếng sáo thật. Mây bật dậy gói tất cả bạc trắng chạy*

*theo tiếng sáo cô đơn. Vượt ba con suối nàng gặp Núng. Nàng không còn then thùng chạy tới ôm chặt lấy chàng. Họ quấn chặt lấy nhau trong cơn xoáy lốc khát khao mong đợi”* [20, tr. 203].

### **3.2.3. Sự phân tuyến nhân vật**

Trong các tiểu thuyết, truyện dài còn xuất hiện các nhân vật tương phản, tuyến tính. Nhiều nhà văn khi xây dựng nhân vật vẫn chịu ảnh hưởng của văn học dân gian với quan niệm: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Các nhân vật có sự va chạm, mâu thuẫn, xung đột với nhau nhưng cuối cùng cái thiện sẽ chiến thắng cái ác.

Mạch cảm xúc của nhà văn Hà Lâm Kỳ còn là hiện thực xã hội chủ nghĩa, ca ngợi Đảng, Bác, căm thù thực dân, đế quốc phản động. Nhân vật phân làm hai tuyến địch - ta rõ ràng. Đó là nhân vật chính diện với những cán bộ chiến khu Vân, Việt Minh hoạt động tại xã Đại Lịch (Dũng, Hùng, thầy giáo Quý) bộ đội vượt trường sơn vào Nam đánh Mỹ (Hà, Bắc, Tâm), nhân vật phản diện là quân Pháp (Sooc - xăng, Sô nhe), bọn thống lý người Mông (Vàng Sóng Chua), quan lại vùng Tây (Lý bùi, Chánh Lự), mật thám vùng Thái (Quánh)...Tiểu thuyết *Gió Mùa Căng* mở ra không gian rộng lớn vùng Tây Bắc, với bối cảnh thiên nhiên hùng vĩ, nhân vật vạm vỡ như Lý Nữ Chua, Vàng Sáy Tu, Vàng Seo May, Quánh, Vàng Sóng Chua...trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Với Hoàng Thế sinh, hệ thống nhân vật cũng được nhìn nhận miêu tả theo cái nhìn phân tuyến: một bên là người tử tế, còn bên kia là những người đều cáng, bất lương. Ở đó những người tử tế bị vùi dập, phải chịu nhiều thiệt thòi như ông Đức trong *Luật của rừng* vì tình yêu với rừng mà phải nhận lấy bao nhiêu thiệt thòi, vì thẳng thắn, trung thực mà bị điều chuyển công tác đến nơi hẻo lánh, vì bảo vệ rừng mà bị người ta đốt nhà, con gái bị làm nhục... nhưng ông vẫn quyết tâm bám rừng vì ông tin vào luật nhân quả ở đời. còn

những kẻ xấu lại đắc thắng, tác oai tác quái như nhân vật Liêng trong *Rừng thiêng*, cả đời chuyên làm chuyện độc ác, khi Sim chưa lấy chồng thì hắn tìm mọi cách để chiếm đoạt cô, khi Sim có chồng hắn tìm mọi cách phá hoại hạnh phúc gia đình họ. Rồi hắn còn buôn gỗ lậu, thả rắn độc vào nhà để giết người...nhưng cuối cùng hắn suýt bị lũ cuốn trôi mất mạng. Hay Lường “lợn lòi” phá rừng lấy gỗ bị ông Đức bắt quả tang. Hắn đã thuê người đốt nhà ông Đức, đánh trộm ông để dấn mặt, đe dọa và làm hại đời con gái của ông. Nhưng cuối cùng hắn đã bị quả báo khi đi rừng gặp gấu và bị gấu cào xé trọng thương.

Phải nói, nhân vật trong văn xuôi Yên Bái dưới ngòi bút của tác giả hiện lên rất đa dạng và phong phú. Qua việc miêu tả ngoại hình và nội tâm, tính cách nhân vật, các nhà văn đã cho người đọc thấy được đời sống của họ. Qua việc phân tuyền nhân vật làm hiện lên rõ nét các loại người trong xã hội.

### **3.3. Ngôn ngữ nghệ thuật**

Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương. Nó không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Đó là thứ ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật - thẩm mỹ rất cao. Nó tác động đến cảm xúc của người đọc, biểu hiện cái đẹp, khơi gợi, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ cho con người.

Ngôn ngữ nghệ thuật có vai trò đặc biệt quan trọng bởi nó là yếu tố vật chất duy nhất trong tác phẩm văn học. Qua đó người đọc khám phá được thế giới hình tượng, tư tưởng, quan niệm, tình cảm... mà nhà văn gửi gắm.

#### **3.3.1. Ngôn ngữ giàu chất trữ tình**

Chất trữ tình được xuất hiện từ sự hòa quyện giữa cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật, tạo nên giá trị thẩm mỹ và nhân văn trong sáng tác. Trong văn xuôi Yên Bái yếu tố trữ tình khá đa dạng và phong phú. Có khi là

những đoạn thơ, bài thơ, câu ca dao, có khi là những dòng cảm xúc, dòng tâm trạng của nhân vật trước thiên nhiên, cảnh sinh hoạt hay những lời thổ lộ tâm tình... Ngoài việc truyền tải nội dung còn làm đậm thêm chất trữ tình, chất thơ trong truyện.

Trong bài ký *Trong tôi mùa hoa sở*, Hán Trung Châu đã nhớ lại đôi câu lục bát mà người thầy giáo đã mượn để nhắc nhở các trò hãy biết quý thời gian, bởi thời gian quá lạnh lùng với con người, cứ thế trôi đi không nấn ná, chờ đợi ai. Từ đó khuyên nhủ con người hãy biết quý trọng thời gian: “*Thời giờ thấm thoát thoi đưa/Nó đi đi mãi không chờ đợi ai*” [42, tr. 55].

Hoàng Thế Sinh đã đưa vào tác phẩm của mình những bài thơ dài. Ở tiểu thuyết *Xứ mưa* có rất nhiều bài thơ, đoạn thơ do chính các nhân vật tự sáng tác. Đó là những bài thơ tình yêu của Hoàng - một giáo viên dạy sử, một người rất hay làm thơ tình mà gần bốn mươi tuổi mà “chả biết yêu ai”. Hay những đoạn văn miêu tả tâm trạng buồn man mác của Hoàng trong *Bụi Hồ* khi anh quyết định ra đầu thú: “*Hoàng quỳ xuống nhặt một cánh hoa chanh đặt vào lòng tay con trai, đứng lặng. Hai cánh tay Hoàng cứ rung lên. Nắng xuân rực rỡ, hoa chanh tỏa hương ngào ngạt. Hôm nay Hoàng thật sự làm một cuộc lựa chọn dũng cảm. Trái tim Hoàng thẳm thì: Em biết không, anh khao khát tìm ra ánh sáng, như khao khát tìm đến với nguồn nước trong lành. Em trở thành niềm yêu thương. Nơi ấy anh vui sướng tìm lại được chính mình: trong sáng, chân thật, dũng cảm. Nơi ấy anh sung sướng được gieo hạt mầm tương lai. Tình yêu của em đang làm cho anh hồi sinh...*” [46, tr. 179]. Trong *Trâm mặc đá*, Hoàng Thế Sinh mơ màng trước cảnh vật với tâm trạng lâng lâng trong một buổi sớm mai qua những lời văn giàu chất trữ tình: “*Tôi mơ màng theo câu hát của nhạc sĩ Thanh Tùng mà em Phương hát hôm nào...và ngược nhìn! Ô kìa! Hoa ngô và hoa keo phết rịm màu vàng nâu tận chân nhà sàn. Gió vờn mây. Mây vờn núi. Sương như tuyết bay trắng mờ thung lũng. Nắng mai vàng hừng lên hòa quyện vào màn sương khiến cho không gian trở nên huyền ảo*” [43, tr. 379].

Hà Lâm Kỳ rất thông thuộc cảnh trí, sinh hoạt, tâm lý con người vùng quê Đại Lịch. Có cảm giác ông viết thật thoải mái. Câu chuyện liền mạch, sự việc nối tiếp sự việc, không ngưng nghỉ, trong một dòng chảy thật tự nhiên, tạo nên một lực hấp dẫn rất đáng kể. Nhiều đoạn văn, câu viết rất hay. Chẳng hạn “*Tháng mười hoa dổi nở thơm nức, những chuỗi hạt tròn đỏ như mắt cá chày rơi vương vãi quanh gốc cây*”. “*Những cây dổi cổ thụ có từ bao giờ chẳng ai biết, một đồi, một rừng rồi một vùng*”. “*Trời nhập nhoạng tối khu Gốc Hồng vắng tanh, chỉ có mấy chú gà rừng đã dạn người thấy động không thèm chạy*”. Đó là cảnh thiên nhiên. Còn đây là một cảnh sinh hoạt “*mâm cơm dọn giữa nhà, có bốn năm người, tóc đã đốm bạc, khăn chít, ngồi xếp vòng tròn, lọ sành rượu gạo vừa thơm vừa ngọt để cạnh*”. “*Hai anh em lật lá rừng đi tắt sang nhà Vệ Đông. Mặt trời đã quá đỉnh đầu hai tâm sào*”. Ít lời thôi, nhưng ý tứ đầy đủ và dư vang và ta bắt gặp ở đó ngôn ngữ chứa đầy chất thơ - chất trữ tình. Hay trong tiểu thuyết *Gió Mùa Căng*, Hà Lâm Kỳ miêu tả những tiếng hát của cô gái Mông Vừ Mỹ Say - cô gái Pú Luông đẹp người lại thêu ren khéo, cất lên làm rung động lòng hai chàng trai Lý Nữ Chu và Vàng Sóng Chua:

*“Em chọn chàng trai có tiếng khèn xôn xao núi đá.*

*Cầm cái bút, bút thành hoa, cầm cái cuốc, cuốc thành lá*

*Cây súng kíp biết nhằm vào bọn người cướp lúa*

*Chàng trai có tấm lưng như đèo Khau Phạ em chờ”*

[32, tr. 104]

Hay trong truyện dài *Làng nhỏ*, Hà Lâm Kỳ giới thiệu những thức ngon vật lạ của quê mình qua hai câu thơ đầy chất trữ tình:

*“ Măng sặt thiết khách vào chơi*

*Gạo lam nửa đáy, cơm xôi thịt gà”*

[32, tr. 385]



Với nhà văn Hoàng Tương Lai, bằng những điệu hát then quen thuộc của vùng quê, bằng những câu văn mang đầy tính nhạc đã làm hiện ra trước mắt người đọc một khung cảnh lao động nhưng lại giống như một buổi vui chơi trên hồ Thác trong tản văn *Quê núi*: “Chiều buông xuống. Trong ánh hoàng hôn còn vương lại trên đỉnh núi Mông Sơn, từng đoàn thuyền lách qua các đảo trên hồ Thác Bà đi thả rọ tôm, đánh cá. Họ vừa đạp thuyền lướt sóng ì - oạp vừa hát điệu “Khấp” của quê mình: “Con đường ba mươi ngã/ bản người chín mươi lối/ba mươi lối về vòng/ chín mươi lối về chụm/ lối nào lối Thác Bà/ ngã nào ngã thủy điện”...Người bên này hát chưa dứt. Chiếc thuyền đang ghé vào đảo Dưa có tiếng con gái hát đối lại: “Anh ơi thủy điện ở xa kia/ Nơi đây nơi quê em bản mới/ có đến em chỉ lối/ có tới em dẫn đường/ có thương em đến giúp bản dựng mường/ hai người một nhà sàn ta ở anh ơi...” Trong tiếng sóng vỗ mạn thuyền ì oạp, tiếng tôm búng càng lách tách, tiếng cá quẫy. Lòng tôi lâng lâng như đang bơi tới một miền mơ ước mới” [43, tr. 218-219].

Với cách viết độc đáo, những lời văn đan xen những câu thơ, câu ca dao...những câu văn như chứa đựng nhạc điệu tạo cho người đọc một cảm giác nhẹ nhàng, lâng lâng và cảm nhận được cảm xúc đang tuôn trào từ ngòi bút của các tác giả.

### **3.3.2. Ngôn ngữ đậm chất ký**

Nhà văn tài năng là người biết lựa chọn, sắp xếp và sử dụng ngôn ngữ. Chính vì vậy, khi đặt bút viết mỗi nhà văn phải lựa chọn thật kỹ để có thể viết đúng và viết hay. Trong mỗi tác phẩm, qua cách sử dụng ngôn từ, ta cũng phần nào nhận ra phong cách riêng của từng tác giả. Trong các sáng tác về đề tài miền núi, các nhà văn không chỉ sử dụng một loại ngôn ngữ mà có rất nhiều loại đa dạng, phong phú: có ngôn ngữ kể chuyện của nhà văn, ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại nội tâm, đặc biệt là ngôn ngữ giàu tính tạo hình

và mang đậm tính dân tộc - ngôn ngữ của đồng bào vùng cao. Chính cách sử dụng đa dạng các kiểu ngôn ngữ này đã góp phần đem lại cho tác phẩm nhiều màu sắc khác nhau, thể hiện sâu sắc, chân thực nội dung ý nghĩa của các tác phẩm. Người miền núi vốn chân thật, mộc mạc, giản dị song cách nói của họ không hề ngắn ngủi, khô khan. Trái lại, trong đời sống hàng ngày, họ thường nói những câu bóng bẩy, trau chuốt, giàu hình ảnh và đầy gợi cảm theo cách tư duy, cách nghĩ của người miền núi. Muốn người nghe hiểu cặn kẽ những điều mình nói, họ thường dẫn dắt, miêu tả kỹ lưỡng, tỉ mỉ. Chính thói quen ấy đã tạo nên lối phô diễn giàu hình ảnh trong lối nói của người dân tộc.

Hoàng Hạc có lối kể chuyện thủ thi, chậm rãi, lời văn giản dị như ngôn ngữ đời thường, làm cho người nghe say mê, không dứt ra được. về hình thức biểu hiện của tập *Hạt giống mới* là lối kể chuyện kết hợp với miêu tả tâm trạng, xen vào đó là những cảm nghĩ của tác giả cùng với các chất liệu thu thập trong cuộc sống do tác giả ghi chép được. Đặc điểm này đều khiến cả ký lẫn truyện đều mang vẻ "có thật". Tác giả cứ kể ra những gì mình biết, mình nghĩ, mình nhìn cho đến khi kết thúc. Do vậy, đọc truyện ta thấy có chất ký, ngược lại, đọc ký lại thấy có truyện.

Trong tiểu thuyết *Xứ mưa* của Hoàng Thế Sinh ngôn ngữ đậm chất khoa học quân sự “ *Cả trung đoàn 165 do trung đoàn trưởng Nguyễn Chuộng chỉ huy cùng với bộ đội Pa Thét Lào đánh vào điểm cao 1660 trên núi Phu Theng Leng nằm kề ngay Cánh đồng Chum. Sau khi phá tung hai cửa mở, quân ta nã pháo từng chập vào đồn địch. Đạn pháo 130, cối 120, ĐK 2, cối 80... Cuối cùng quân ta đánh cường tập, tấn công như vũ bão lên đồn. Hai mũi đột phải mở tới ba đợt tấn công, các chiến sĩ hy sinh quá nửa...*” [46, tr. 475]. Với cách miêu tả đậm chất ký, tác giả giúp người đọc thấy được sự dữ dội, khó khăn, mất mát, hy sinh gian khổ trong chiến tranh một cách chân thực như chính mình đang chứng kiến trực tiếp trận đánh.

Hoàng Việt Quân Bằng lối văn mạch lạc, khúc triết, ngôn ngữ giản dị và trong sáng, ông đã trao gửi cho bạn đọc những trang ký hiện thực, dồi dào chất liệu, còn nóng hổi sức sống trong công cuộc xây dựng đất nước quê hương như các tác phẩm ký: *Người ở nguồn; Bác Hồ trong lòng người dân Yên Bái, Lào Cai; Huyện trên núi...Hay Sơn A xưa và nay* (Văn nghệ Yên Bái số 193, năm 2015) ông đã dẫn người đọc đến với một vùng đất thuộc huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Tuy không thật sự nổi tiếng nhưng qua trang viết của ông cho ta thấy những dấu tích lịch sử và huyền thoại như Thảm Han - dấu tích cội nguồn và truyền thuyết về nàng Han; Ao Luông - vùng quê có nhiều truyền thuyết của các tộc người Thái - Mường đó là một cái “Ao to” được lưu truyền qua các huyền thoại “*Ái lạc cặc*” (ông không lò), “*Tạo Mù và nàng Han*”, “*Sự tích Ao Luông*”; Nơi đây còn có suối nước nóng Cò Cọi và Ngòi Thia mát lành...

Ngôn ngữ trong sáng tác của Vũ Quý ngắn gọn, khúc triết. Ông đặt tên cho một truyện ngắn hay một bài ký cũng đã là một nét nghệ thuật, chẳng hạn *Hẻm 98 ngách N* hoặc *Huyền cảm Văn Yên, Bây giờ cầu đã sang sông, Lúa non ở Mường Lai, Trẻ em chưa có nổi niêm*. Ông thường phát hiện ở con người hay sự vật, sự việc những “vấn đề” mà không phải ai cũng quan tâm và nhận thấy, tưởng như rất đơn giản, nhãn tiền. Văn Vũ Quý là sự hòa hợp giữa dân gian và bác học.

Trong Văn học Yên Bái ta còn bắt gặp một Bá Khánh độc đáo. Trong tác phẩm của ông bao giờ cũng kiệm chữ, kiệm lời, kiệm đến tối đa, chỉ còn tối thiểu, giọng điệu khẽ khàng, nhỏ nhẹ nhưng khi đọc vào lại cất tiếng vang xa. Tên các truyện của ông là như thế, dung lượng mỗi truyện cũng thế, thật ngắn: *Thừa chữ, Thử hỏi, Người già, Hoa tay, Hoa cỏ may, Chiếc cột nhà* hoặc bốn chữ: *Kẻ vô tích sự, đồ tể đi tu...*cùng lắm là *Anh nào chẳng sợ anh nào!* Hay *Sự thật và sự thể, Bệnh nghề nghiệp...*Nhưng có lúc văn ông khá hàm ngôn do ông vận dụng cả truyện cổ tân trang, truyện ngụ ngôn về loài vật

như *Phát minh của thằng nhất*, *Nỗi niềm chúa sơn lâm* hay thần thoại *Chi là cái tên gọi* để bàn chuyện đời, chuyện người.

Với Hà Lâm Kỳ văn chương đã tồn tại vì sứ mệnh riêng của nó. Cuộc sống đa dạng và phong phú nhưng còn những mảng tối mà ngoài văn chương không có một phương tiện nào có thể khám phá được. Thông tin chỉ là một mặt đơn giản của ngôn ngữ. Văn chương, chỉ là văn chương, với ngôn ngữ và các thủ pháp nghệ thuật của nó mới có được cái khả năng kỳ diệu là khai mở cái phần còn chìm lấp, cái thế giới bên trong của con người và trình bày chúng dưới hình thức văn tự một cách trực tiếp; và nhờ vậy mới có thể thoả mãn được một nhu cầu thẩm mỹ vô cùng quan trọng của người đọc hôm nay là được nhìn thấy nguyên hình cuộc sống ở dạng nguyên bản của nó. Ông đã sáng tạo nên nhân vật Hoàng Văn Thọ và đã tạo nên một nhân vật đầy ấn tượng trong cuốn sách của mình (*Kỷ vật cuối cùng*)

### ***3.3.3. Ngôn ngữ mang đậm sắc thái dân tộc***

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là nỗi niềm trăn trở của những người con yêu quê hương, tổ quốc. Cũng chính từ điều đó mà trong sáng tác của các nhà văn Yên Bái mang đậm sắc thái dân tộc.

Với Hoàng Hạc ta thấy ông luôn bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc. Trong sáng tác của ông, ngôn ngữ mang tính chất dân tộc, cũng bởi vì: quá trình tiếp xúc và giao lưu ngôn ngữ, văn hóa, là một quá trình tất yếu trong lịch sử, trong hiện tại, kể cả trong tương lai nữa, vốn thể hiện thành tích kế thừa và phát triển ngôn ngữ của mỗi tộc người. Mà bản thân Hoàng Hạc là người dân tộc Tày, cư trú ở bản địa nên Hoàng Hạc đã có tiếng nói riêng phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ, tâm lý, tính cách của nhóm người Tày - Nùng cũng như nhiều dân tộc khác sống ở vùng hồ Thác Bà. Do vậy, tác phẩm của ông giữ được bản sắc dân tộc riêng biệt. Mà nói như Nông Quốc Chấn thì: *"Tính dân tộc độc đáo trong nghệ thuật phải là sự sáng tạo của riêng mình"*

qua sự tiếp thu vốn dân tộc" (Chuyện trò với những người bạn văn nghệ trên Yên Bái, tr.65).

Đọc *Hạt giống mới*, rõ ràng ta nhận ra Hoàng Hạc có vốn từ khá phong phú, chứng tỏ sự hiểu biết về các dân tộc khác nhau trong một địa bàn dân cư. Những từ này nằm trong vốn từ loại của người Tày - Nùng Việt Bắc và Tây Bắc, hoặc nằm trong vốn từ loại của người Dao, Kinh, Mông ở tỉnh Hoàng Liên Sơn... Ví dụ: *Ké, mí, mé, noọng, noọng thao, tổng khóa, a, chài, chài ền, quan báo, quan quản, thống lý, sài lang, anh đồng chí, cán bộ... hoa bjoóc, chim queng quý lọt, chọc pật, chiếc cong, cây lý, túi pác mạ, lúa lào chạng, ống báng, ống nước lằn, thích, bung, thát, ruộng pó mén, cột lõi, cột ngoãm, chũa vầu, cái vạy trâu, chè tuyết, guì trứng, xâu men Bắc Hà, lù cỏ, thắng cố, đầu, đất đạn ghém... phong slur, hát lượn, hát coóc, hát quan làng, hát khắp, hát phơn, tiếng hát páo dung, múa xòe, múa nhật trám ...* Ngoài ra ta có thể thống kê hàng loạt các từ hoặc ngữ vốn lấy ra từ lời ăn tiếng nói của nhân dân được đưa vào trong tác phẩm như: *miệng ngoảng, miệng ngọt, hoài miệng, ngoảnh miệng, giận dài cả miệng, giữa cổ, cổ ngén, phơi mặt, lấy vai, cái bụng cả bản, bụng lật ngược, nói nên thuốc, loảng ngoảng bước ...*

Bản thân các từ trên nếu đem tách ra khỏi hoàn cảnh câu văn thì nó không mang ý nghĩa văn học. Nhưng khi nó được kết hợp với các đơn vị ngữ nghĩa khác dưới bàn tay sáng tạo của nhà văn thì sẽ lại khác. Các từ, ngữ đó đã tạo nên bản sắc dân tộc trong sáng tác của Hoàng Hạc. Một số câu văn, đoạn văn trong *Hạt giống mới* tác giả đã biết sử dụng nó để miêu tả thành công một tâm trạng, một cá tính, hình dáng của con người, một đặc điểm nào đó của miền núi hay một suy nghĩ của chính bản thân mình vốn là người dân tộc. Do đó, ta thấy cách diễn đạt mang màu sắc dân tộc khá thuần thực, tự nhiên, không thấy có bàn tay "bố trí", "sắp xếp" gượng ép trong đó. Chẳng hạn như: đoạn văn miêu tả anh đội trưởng sau khi đi đám cưới ở nhà Tổng Khóa về. Ta thấy các từ ngữ "sào rau vào bản", "đào như cây cau đảo gió"

làm nổi bật hình ảnh một ông Pám nửa tỉnh nửa say bước đi không vững trên đường về bản và sốt ruột khi phải đứng nói chuyện với ai quá lâu. Đặc biệt, tác giả hay vận dụng các biện pháp tu từ như: so sánh, ví von, nhân cách hóa nhưng cụ thể, gần gũi với đời sống thực tế. Nó mang cách cảm, cách nghĩ, cách nói của đồng bào các dân tộc. Ví dụ: "*Mặt ông đỏ sẫm như hoa chuối rừng*". Hoa chuối rừng là một thứ rất gần gũi với người miền núi.

Trong sáng tác của Địch Ngọc Lân ngôn ngữ phong phú, linh hoạt vẫn giữ được ngôn từ và cách nói ngàn đời của cộng đồng mình nhưng không xa với ngôn từ và cách nói năng phổ biến hiện đại. Những *cái, con, tao, mà, thôi, mà, hả, hử...* dưới ngòi bút ông trở thành những câu văn có màu sắc đặc trưng, trong sáng và gần gũi thân thương: *Ngôi đình bản Chang; Cùng loài sát chuột; Bữa tất niên tổng ngựa, nghênh dê*. Có thể nói ông là một trong những cây bút văn xuôi làm nên hương sắc riêng của Yên Bái.

Hà Lâm Kỳ luôn sử dụng những từ ngữ đậm chất dân tộc trong sáng tác của mình. Trong truyện ngắn Suối làng, có nhiều câu tác giả sử dụng ngôn ngữ của làng quê mình như: "*Nặm mạch cốp kin*" (*Nước mạch vốc lên uống*) [42, tr. 199]; "*Các noọng nhìn à, noọng nhìn*" (*em gái*) [42, tr. 201]; "*Nặm hành mật kin pa lạy*" (*Suối cạn kiến ăn cá ròi*) [42, tr. 203]...

Có những tác phẩm tác giả sử dụng ngôn ngữ của tộc mình đặt cho tiêu đề như *Lời "Tặng cầu"* của Hoàng Tương Lai. "*Tặng cầu*" là phong tục của dân tộc Thái, khi phụ nữ đi lấy chồng mái tóc phải được búi cao trên đỉnh đầu: "*Òi ì òi ơi...! mái tóc dài/ chải cho mượt/ búi lên thành tặng cầu/ từ nay về sau người đã có chồng/ vợ chồng con đã thành đôi/ theo nhau như đôi gà đôi vịt/ yêu nhau cho đến trọn đời/ nước không đổi dòng/ lòng không đổi hướng/ đừng bao giờ để tóc buông xuôi...*" [42, tr. 230]. Đó là những câu hát của bà mối trong lúc cô dâu đang thực hiện việc "tặng cầu" trước giờ phút rước dâu về nhà chồng.

Hay *Bi oóc tảng* - truyện ngắn của Trần Cao Đàm. “bi oóc tảng” là tên một loài hoa theo tiếng dân tộc Tày: “*Đọc đường vào bản, tôi suy nghĩ, hình dung ra “bi oóc tảng”, một loài hoa của núi rừng. Đồng bào Tày gọi “bi oóc” là hoa, “va” là nụ, “mạy” là cây...*” [42, tr. 77].

Chính những trang viết sử dụng ngôn ngữ dân tộc của các nhà văn đã giúp cho người đọc cảm thấy gần gũi, yêu quý, tôn trọng và luôn có ý thức gìn giữ bản sắc dân tộc mình.

### **3.4. Giọng điệu nghệ thuật**

Các nhà nghiên cứu Việt Nam cho rằng: “*Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc*” (Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi) [19, tr.112]. Như vậy, điểm nổi bật của giọng điệu là qua nó, nhà văn thể hiện thái độ, tư tưởng, tình cảm của chính mình.

Trong văn xuôi Yên Bái, mỗi nhà văn thể hiện một phong cách riêng, giọng điệu riêng trong quá trình sáng tác, tạo nên cá tính sáng tạo, phong cách đặc thù.

#### **3.4.1. Giọng điệu tâm tình**

Xuất phát từ điểm nhìn bên trong, các tác giả văn xuôi kể chuyện như giải bày và phân tích tâm trạng, cảm xúc của mình với người xung quanh.

Với sáng tác của Trần Cao Đàm, văn ông nhẹ nhàng, giản dị, cứ tí tách rơi, len lỏi thấm vào tâm hồn người đọc bền bỉ như thời gian. Trong *Bi oóc tảng* hình ảnh một người phụ nữ được hiện lên dưới ngòi bút của ông từ ngoại hình nội tâm và hoàn cảnh cuộc đời thật rõ nét: “*Chị Thương có khuôn mặt phúc hậu, xinh xắn, pha sự khổ đau, nhẫn nại. Tôi cho chị, ngồi trong nhà sàn cũ nát, cùng ba đứa con tật nguyền, đứa nằm, đứa bé. Mắt chị đờ đẫn nhìn vào khoảng tối nơi cuối nhà. Căn nhà mấy mẹ con chị ở chênh vênh bên sườn*

*dốc. Con đường dẫn vào nhà nhỏ hẹp, vừa dốc, vừa rậm cỏ, thực bùn đất. Con đường ấy chị mới phải đưa người chồng thương nhớ, đặng đặng bao năm chờ đợi ra đi... ” [42, tr. 80].*

Với Hà Lâm Kỳ, bằng giọng văn nhẹ nhàng, ngọt ngào như những kỷ niệm êm dịu trong lòng, tác giả đã làm sống dậy những ký ức về tuổi thơ như còn nguyên vẹn trong tâm trí: *“Bà nội tôi lòa cả hai mắt sau một trận vây bắt của giặc Pháp hồi đầu kháng chiến, nên bà trở thành cây chuyện cổ tích tại chỗ cho đám trẻ con ở bản. Mà đúng thật, ở bà có cả một kho truyện, truyện nào cũng so sánh như trăng giữa rừng, cũng ngọt như quả ngõa chín, cũng thơm như cơm lam đầu mùa vậy” [32, tr. 368].*

Giọng điệu thủ thi tâm tình của các nhà văn trong sáng tác làm cho các trang văn giống như một lời tâm sự. Dường như các tác giả đang thủ thi với độc giả về cuộc sống, thiên nhiên, con người. Những trang sách dần đi vào trí nhớ và làm sống dậy cảm xúc trong tâm hồn người đọc.

### **3.4.2. Giọng điệu xót xa, thương cảm**

Trong sáng tác của các nhà văn, có nhiều trang viết về những số phận éo le. ở đó tác giả thường sử dụng giọng điệu xót xa, thương cảm để cảm thông, chia sẻ với những khổ đau, bất hạnh của nhân vật. Cũng bằng giọng điệu xót xa mà các nhà văn đã thể hiện được tình cảm của mình với người thân yêu.

Với giọng điệu xót xa, đau đớn, Hà Lâm Kỳ đã diễn tả được những mất mát, đau thương khi kể về việc Hoàng Văn Thọ - người đội trưởng đầu tiên của đội thiếu nhi trung kiên xã Đại Lịch đã hy sinh anh dũng. Tác giả không dấu được nỗi tiếc thương: *“Sáng hôm ấy, 20 tháng mười một năm 1947, một sáng trong lành mà ảm đạm, Hoàng Văn Thọ đã ngã xuống ngay trên mảnh đất quê hương lúc anh chưa đầy mười sáu tuổi” [32, tr. 69].*

Hay trong *Đau thương chấp cánh*, Hoàng Tương Lai - con trai của nhà văn Hoàng Hạc đau đớn trước sự ra đi của người cha yêu dấu. Với giọng xót



xa như rút ra từ trong cõi lòng của mình ông đã làm xúc động người đọc: *“Cha mất thật rồi sao! Tôi bàng hoàng nhìn cha nằm dài bất động, người teo nhỏ lại. Tám giấy bản cắt hình hai con mắt, lỗ mũi, miệng phủ lên mặt. Tôi giật phắt tám giấy ấy ra: khuôn mặt cha xanh xám, mắt nhắm nghiền. Hai bàn tay tôi ôm lấy khuôn mặt cha lay đánh thức cha dậy. Đáp lại: mặt cha lạnh ngắt, người cha cứng đờ, ”cha ơi, cha!” tôi gào lên nức nở gọi cha, nhưng cha không hề thừa đáp. Cha mất thật rồi”* [17, tr. 120].

Những cảm nhận từ trái tim nhân hậu đã được các nhà văn thể hiện qua những trang viết của mình bằng giọng điệu xót xa thương cảm. Thương cho những cảnh đời lầm than, xót xa đau đớn vì những mất mát, hy sinh. Từ đó làm sống dậy tình yêu thương trong cuộc sống của mỗi con người.

### **3.4.3. Giọng điệu bi hài**

Ngoài ra ta còn bắt gặp ở văn xuôi Yên Bái giọng khôi hài, hóm hình. Với chất dí dỏm, hài hước đã tạo nên sự hấp dẫn thu hút độc giả.

Với sự tưởng tượng hư cấu, bằng giọng văn hóm hình Vũ Quý đã tạo nên một đoạn văn khá xuất sắc để cổ động cho cây ngô vụ đông: *“Cả cánh đồng ngô xanh bạt ngàn dưới cái nắng hoe vàng của tiết đông đang nhất loạt trở hoa. Hoa đực vảnh vót, rung rung ra vẻ rất ta đây. Còn hoa cái e lệ, thẹn thò chóp đở nón cô dâu. Một đàn chim sẻ bay qua cánh đồng riu rít, chúng nói với nhau rằng: còn lạ gì! Rồi tất cả sẽ con bông, con bé cho mà xem”* [42, tr. 348]. Còn ngày kỷ niệm ngành Y, cũng với giọng văn hài hước, hóm hình nhân vật Hoạt đã đề cho ngành Y tuyệt vời làm cho bệnh viện vui như hội, bệnh nhân không muốn về nhà: *“Buổi chiều các bệnh nhân bại liệt rủ nhau tập tễnh ra sân đánh cầu lông, mấy bệnh nhân thần kinh tím tím đầu vào dưới góc cây quanh chiếc bàn cờ tướng. Trong nhà một ông bệnh nhân thần kinh đang hí hoáy viết vẽ rất lén lút, tôi ghé mắt nhìn trộm thì hóa ra ông đang sáng tác thơ tình. Ở bệnh viện này sự sống đang hồi sinh và những con tim lại bắt đầu xập xòe cất cánh...”* [42, tr. 348].

Hay trong *Làng nhỏ* của Hà Lâm Kỳ, tác giả kể câu chuyện về những em thiếu nhi ngày ngày chăm chỉ nhặt thóc rơi nuôi gà để ủng hộ cho cách mạng. Ông đội trưởng đội sản xuất đã có câu nói rất hóm hỉnh: “*Người già có hội mẹ chiến sĩ, thanh niên có phong trào làm thật kỹ, trẻ con có đàn gà chống Mỹ, thế thì nhất định thằng giặc Mỹ sẽ phải thua dớt tĩ*” [32, tr. 377].

Truyện ngắn của Bá Khánh phỏng phát giọng bi - hài của Nguyễn Công Hoan ngày trước. Đau đến mức phải cười và cười ra nước mắt. Chẳng hạn chuyện một anh chàng có hoa tay tưởng là may mắn thì lại thành họa mà lại “họa vô đơn chí”. Vì hoa tay nên không trúng tuyển bộ đội; thi cao đẳng Mỹ thuật - Âm nhạc lại được gọi đi Học viện thủy lợi; về làm việc tại hợp tác xã không trụ nổi vì không dám sinh hoạt thể thao vì sợ hỏng hoa tay; ra nhập đoàn văn công được phân công chân kê sân khấu và kéo màn cho đến lúc có giấy gọi đi học nhạc công thì không được xếp vào diện học nâng cao. Rốt cuộc, hoa tay thành thứ đồ thừa trong mắt người vợ “Hôm nào anh chặt đưa em treo lên quây hàng này, có ai sợng ta bán...”. Thật đúng là chuyện cười ra nước mắt.

### Tiểu kết

Văn học là một loại hình nghệ thuật. Tác phẩm văn học là một văn bản nghệ thuật, bao gồm nội dung và hình thức tạo thành một chỉnh thể. Nội dung không thể tách rời hình thức. “*Nội dung chẳng phải là cái gì khác mà là hình thức chuyển hóa thành và hình thức chẳng phải là cái gì khác mà là nội dung chuyển hóa ra*” (Hêghen). Bởi vậy cái làm nên giá trị của tác phẩm văn học, không phải, mà cũng không chủ yếu chỉ là nội dung. Tác phẩm nghệ thuật làm rung động tâm hồn con người, khiến ta nghĩ đến người sáng tạo ra nó, đến những phương thức biểu hiện, những sự tổng hợp độc đáo của các biện pháp nghệ thuật mà nhà văn đã thể hiện trong sáng tác của mình.

Với văn xuôi Yên Bái trong thời kỳ đổi mới, các tác giả đã sử dụng và kết hợp thành công các biện pháp nghệ thuật trong hình thành cốt truyện. Bên cạnh cốt truyện truyền thống, các tác giả đã, đang không ngừng đổi mới lối viết, cách viết cho phù hợp với quy luật phát triển của văn học cả nước nhằm đáp ứng tâm đón đợi của người đọc ngày một đông đảo, rộng rãi và cao hơn. Trong xây dựng hệ thống nhân vật đã làm nổi bật hình tượng nhân vật với những nét đặc trưng của người miền núi. Các tác giả đã chú trọng miêu tả cả ngoại hình, tính cách, nội tâm để khắc họa lên cuộc sống của các nhân vật. Bên cạnh đó ngôn ngữ nghệ thuật và giọng điệu nghệ thuật cũng được quan tâm. Với những lời văn giản dị, mộc mạc và luôn có ý thức bảo tồn văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc miền núi, với giọng điệu nhẹ nhàng, chan chứa tình cảm, đôi khi pha chút khôi hài hóm hỉnh đã tạo nên những áng văn hay và độc đáo. Ngoài ra, việc sử dụng ngôn ngữ giàu chất thơ nhưng cũng đậm chất ký, đã làm cho văn xuôi vừa lãng mạn, bay bổng vừa cụ thể, chân thực và đầy sức thuyết phục. Nhìn chung bằng sự tổng hợp các biện pháp nghệ thuật một cách toàn diện và có hệ thống các nhà văn đã làm nổi bật lên nội dung ý nghĩa của tác phẩm và khẳng định tài năng, phong cách riêng của mình trong quá trình sáng tác.

## KẾT LUẬN

1. Yên Bái là một vùng đất có nhiều tiềm năng trong đó có nền văn hóa, văn học. Đây là nơi khởi nghiệp của rất nhiều nhà văn đã cống hiến hết sức mình cho nền văn học địa phương nói riêng và nền văn học Việt nam nói chung. Những tên tuổi có ảnh hưởng lớn đến nền văn học Yên Bái phải kể đến Hoàng Hạc, Xuân Nguyên, Hoàng Thế Sinh, Hà Lâm Kỳ, Địch Ngọc Lân, Trần Cao Đàm, Nguyễn Hiền Lương... và một số cây bút trẻ như Nông Quang Khiêm, Hoàng Kim Yên, Nông Thị Hương, Nguyễn Thị Ngọc Yên... Sau bao nhiêu năm hình thành và phát triển, văn học Yên Bái nhất là mảng văn xuôi đã ngày càng đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

2. Nghiên cứu văn học địa phương thực sự còn là những điều trăn trở. Làm sao có thể đưa những sáng tác có giá trị này đến với mọi đối tượng trong và ngoài tỉnh. Bởi vậy thực hiện đề tài này, chúng tôi mong muốn góp phần nhỏ bé của mình để giới thiệu đến bạn đọc gần xa một nền văn học, nghệ thuật của tỉnh nhà.

Cũng như nhiều tỉnh trong cả nước, chương trình văn học địa phương giảng dạy trong các trường Trung phổ thông trong tỉnh Yên Bái hiện nay vẫn chưa có một tài liệu giảng dạy thống nhất. Việc dạy và học phần văn học địa phương còn nhiều khi tùy tiện, tự phát và mang tính hình thức. Đề tài nghiên cứu này sẽ là một tài liệu tham khảo bổ ích để dạy phần văn học địa phương cho các trường trung học phổ thông trong tỉnh Yên Bái.

3. Thực hiện luận văn này, chúng tôi tập trung nghiên cứu ba vấn đề lớn: khái quát về văn hóa, văn học Yên Bái; Nội dung và nghệ thuật của văn xuôi Yên Bái từ năm 1986 đến nay. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy:

Yên Bái là tỉnh có địa hình phức tạp, hiểm trở. Tuy nhiên cảnh vật thiên nhiên hùng vĩ nơi núi rừng Tây Bắc đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các nhà văn. Nơi đây có một nền văn hóa giàu có, đa dân tộc, đậm đà bản sắc vùng cao.

Văn học Yên Bái được hình thành và phát triển theo các quy luật chung của văn học địa phương, của văn học các dân tộc Việt Nam. Đó là nền văn học vận động, phát triển theo quá trình vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam, nhưng cũng mang nhiều nét riêng của một vùng văn hóa, văn học dân tộc miền núi ở vùng cao của đất nước. Văn học phát triển mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Đội ngũ tác giả ngày càng đông đảo. Số lượng tác phẩm và thể loại văn học ngày càng phong phú và đa dạng. Nhiều tác giả có tên tuổi trong nền văn học địa phương và đóng góp tích cực cho nền văn học nước nhà. Trong luận văn chúng tôi đã có dịp giới thiệu ba tác giả trong số những nhà văn tiêu biểu của văn xuôi Yên Bái như nhà văn Hoàng Hạc - Một người con trong nền văn học dân tộc; Hà Lâm Kỳ được biết đến là một tác giả viết cho thiếu nhi; Hoàng Thế Sinh - một cây bút đã tạo dựng được một bức tranh hiện thực cuộc sống và con người miền núi. Qua đó thấy được quan điểm sáng tác và cảm hứng chủ đạo của các tác giả nói riêng và của văn xuôi Yên Bái nói chung. Sáng tác của nhà văn Hoàng Hạc đã đưa người đọc đến với với một vùng quê thanh bình của Yên Bái. Ở đó ta bắt gặp những người dân tộc Tày chân chất, mộc mạc được miêu tả tỉ mỉ qua những trang viết của nhà văn. Có lẽ duyên nợ đã đưa Hoàng Hạc trở thành nhà văn dân tộc thiểu số hiếm hoi đã cố xuý nhiệt thành cho sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước. Hà Lâm Kỳ - một nhà văn luôn làm sống dậy những ký ức tuổi thơ của mình qua những tác phẩm, một nhà văn gắn bó cả sự nghiệp sáng tác với những trang văn viết cho thiếu nhi thật đặc sắc, một nhà văn luôn có ý thức bảo tồn truyền thống của dân tộc. Văn chương của Thế Sinh là sự lên tiếng nghiêm khắc của công lý và đạo lý. Ông lên tiếng bênh vực những số phận nhỏ bé, phê phán, lên án những bất công trong xã hội, đặc biệt là chống tham nhũng. Ông đề cao con người, đề cao ý thức cá nhân. Luôn kêu gọi con người hãy bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn những gì tạo hóa đã ban tặng cho quê hương đất nước.

Với ngòi bút sắc sảo các tác giả văn xuôi Yên Bái thời kỳ đổi mới đã làm rung động tâm hồn người đọc. Từ nghệ thuật xây dựng cốt truyện, xây

dụng nhân vật cũng như ngôn ngữ, giọng điệu nghệ thuật đã làm nên phong cách riêng của các nhà văn trong quá trình sáng tác.

4. Qua văn xuôi Yên Bái đã đã giúp chúng ta hiểu hơn về hiện thực cuộc sống của những con người vùng núi Tây Bắc xa xôi. Trong khó khăn, vất vả họ vẫn cố gắng vươn lên để chinh phục tri thức, thực hiện ước mơ cao cả, góp sức nhỏ bé của mình vào xây dựng quê hương. Theo chân mỗi nhân vật trong tác phẩm ta thấy hiện ra trước mắt những bức tranh thiên nhiên sống động, hùng vĩ, kỳ thú nhưng cũng là một thiên nhiên hoang dã với bao hiểm nguy đe dọa cuộc sống của những con người miền núi. Ngoài ra, đọc những sáng tác của các nhà văn Yên Bái ta thấy sống dậy ý chí quật cường, lòng yêu nước của con người nơi đây. Họ là những con người dũng cảm, có lòng căm thù giặc sâu sắc, tha thiết bảo vệ đất nước.

5. Văn học Yên Bái là một nền văn học địa phương phong phú, giàu bản sắc. Yên Bái đã đóng góp cho văn học Việt Nam hiện đại nhiều nhà văn, nhà thơ tên tuổi. Để đông đảo bạn đọc ngày càng biết đến nền văn học Yên Bái nói riêng, các địa phương khác nói chung, chúng tôi hy vọng sẽ có các cuốn giáo trình văn học địa phương theo đặc trưng vùng miền. Các nhà nghiên cứu văn học, biên soạn chương trình sẽ đưa văn học địa phương nhiều hơn vào nhà trường. Đồng thời đẩy mạnh công tác lí luận - phê bình - nghiên cứu văn học ở các địa phương.

6. Nghiên cứu văn xuôi Yên Bái từ 1986 đến nay là một công việc mới mẻ, khó khăn vì hầu như không có những thành tựu nghiên cứu trước đó về vấn đề này. Với kết quả thu được, chúng tôi hy vọng nếu được nghiên cứu ở cấp độ cao hơn, chúng tôi có thể tiếp tục tìm hiểu các đề tài có liên quan như sau: *“Văn học Yên Bái từ 1986 đến nay”*; *“Văn học Yên Bái từ góc nhìn văn hóa”*; *“Văn học Yên Bái và văn học Lào Cai từ cái nhìn đối sánh”*; *“Thế giới nghệ thuật trong thơ (văn xuôi) Yên Bái từ 1986 đến nay”*; *“Nghiên cứu và giảng dạy văn học Yên Bái trong trường trung học phổ thông”*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Huy Bắc - *Đôi điều về văn chương hậu hiện đại*,  
<http://tonvinhvanhoadoc.vn>
3. Hán Trung Châu (2009), *Trên đường học tập và suy nghĩ*, Nxb Hội nhà văn.
4. Hán Trung Châu, (2014), *Văn xuôi Hà Lâm Kỳ (\*) tập sách về tuổi trẻ quê hương miền núi*, <http://vanhocnghethuatyenbai.gov.vn>
5. Hán Trung Châu (2013), *Đôi điều cảm nhận về văn xuôi Yên Bái năm qua*, <http://vanhocnghethuatyenbai.gov.vn>
6. Hán Trung Châu (2014), *Sự khởi sắc của văn xuôi Yên Bái*,  
<http://vanhocnghethuatyenbai.gov.vn>
7. Hán Trung Châu - *Nhìn lại truyện ngắn trên văn nghệ Yên Bái năm qua*,  
Tạp chí văn nghệ Yên Bái.
8. Hán Trung Châu , *Văn xuôi Yên Bái - 35 năm nhìn lại*, [baoyenbai.com.vn](http://baoyenbai.com.vn)
9. Trần Cao Đàm(1999), *Bến Ngòi*, Nxb Quân đội nhân dân
10. Trần Cao Đàm (2006), *Áu Lâu bến lữa* - Nxb Quân đội nhân dân
11. Trần Cao Đàm (2014) - *Đất Mường thời đông lũ* , Nxb Công an nhân dân.
12. Hà Minh Đức (chủ biên) (1993), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục
13. Văn Giá - *Dũng khí của những con người nhỏ bé (nhân đọc truyện ngắn của Hoàng Thế Sinh)* - báo Văn nghệ số 34 (2006)
14. Văn Giá (2007) - Ở “*xứ mưa*” có Hoàng Thế Sinh , Tạp chí văn nghệ Yên Bái.
15. Nguyễn Thị Nhị Hà (2015) *Văn xuôi viết cho thiếu nhi của một số tác giả dân tộc Tày*, Luận văn thạc sĩ văn học, Đại học sư phạm Thái Nguyên
16. Tác giả viết cho thiếu nhi (2006), Nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội.

17. Hoàng Hạc (1989), *Xứ lạ mừng trên*, Nhà xuất bản văn hóa dân tộc Hà Nội
18. Hoàng Hạc (1997), *Tuyển tập văn xuôi Hoàng Hạc*, Nxb Văn hóa dân tộc
19. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (2007)- *Từ điển thuật ngữ văn học* - Nxb Giáo dục
20. Hội VHNT Yên Bái (2000), *Văn học nghệ thuật - kỹ yếu và tác phẩm*, Nxb Hội văn học nghệ thuật Yên Bái
21. Hội VHNT Yên Bái (2005), *Văn học nghệ thuật Yên Bái – Tác giả và tác phẩm*, Nxb Văn học.
22. Hội Văn học nghệ thuật Yên Bái (2010), *Kỹ yếu hội viên (2005 – 2010)*, Nxb Văn học.
23. Hà Lâm Kỳ (1996) *Yên Bái nơi hội tụ của đồng bào các dân tộc*, Nxb văn hóa dân tộc.
24. Hà Lâm Kỳ, (1991), *Kỉ vật cuối cùng*, NXB Kim Đồng.
25. Hà Lâm Kỳ, (1992), *Chim ri núi*, NXB Kim Đồng.
26. Hà Lâm Kỳ, (1994), *Những đứa con lên núi*, NXB Văn hóa dân tộc.
27. Hà Lâm Kỳ, (1995), *Gió Mùa Càng*, NXB Văn hóa dân tộc.
28. Hà Lâm Kỳ, (2007), *Vượt rừng*, NXB Hội nhà văn.
29. Hà Lâm Kỳ, (2003), *Tùng vương thổ cẩm*, Sở VHNT Yên Bái.
30. Hà Lâm Kỳ chủ biên, (2005), *Mỗi nét hoa văn*, NXB Văn hóa dân tộc.
31. Hà Lâm Kỳ, (2006), *Một góc nhìn*, NXB Văn hóa dân tộc.
32. Hà Lâm Kỳ, (2014), *Văn xuôi Hà Lâm Kỳ (tuyển tập)*, Nxb Hội nhà văn.
33. Hà Lâm Kỳ, (2014), *Làng nhỏ*, NXB Kim Đồng.
34. Bá Khánh, (2014), *Điểm đặt của lòng tốt*, Nxb Hội nhà văn
35. Hoàng Tương Lai (2013), *Hoàng Hạc - văn và đời*, Nxb Văn hóa dân tộc



36. Địch Ngọc Lân (1999), *Ngôi đình bản Chang*, Nxb Văn hóa dân tộc Hà Nội
37. Phương Lựu (chủ biên) (2004) *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục.
38. Phạm Văn Lược (2011), *Một số vấn đề về lịch sử và văn hóa Tây Bắc*, Nxb Đại học sư phạm
39. Nguyễn Hiền Lương (2010) *Miền rừng thuở ấy*, Nxb Hội nhà văn.
40. Hoàng Thị Thu Nga (2015), *Sáng tác của Hoàng Thế Sinh trong văn xuôi Yên Bái đương đại*, luận văn thạc sĩ ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.
41. Nhiều tác giả (2001), *Truyện ngắn Yên Bái*, Nxb Hội nhà văn.
42. Nhiều tác giả (2010), *Truyện và ký Yên Bái (2005 - 2010)*, Nxb Hội Văn học nghệ thuật Yên Bái.
43. Nhiều tác giả (2014) *Văn xuôi Yên Bái (2010 - 2015)*, Nxb Hội nhà văn.
44. Hoàng Việt Quân (2005), *Văn học nghệ thuật tỉnh Yên Bái (1390 -1991)*, Nxb Văn hóa dân tộc.
45. Hoàng Việt Quân (2007), *Kỷ yếu Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Yên Bái (1991 - 2005)*, Nxb Văn hóa dân tộc.
46. Hoàng Thế Sinh (2007) (*Tiểu thuyết tuyển chọn*) - *Bụi hồng, Xứ mưa, Rừng thiêng* - Nxb Hội nhà văn.
47. Hoàng Thế Sinh (2009), *Sao Tồn Khuông*, Nxb Hội nhà văn
48. Hoàng Thế Sinh(2013) , *Thuốc phiện và lửa* , Nxb Công an nhân dân.
49. Hoàng Thế Sinh (2010), *Sênh bông phèng*, Nxb Hội nhà văn
50. Hoàng Thế Sinh (2002), *Luật của rừng*, Nxb Lao động
51. Chu Văn Sơn (2009), *Thế Sinh - ngọn lửa xứ mưa*, nguồn: <http://vanhocnghethuatyenbai.gov.vn>
52. Trần Đình Sử (chủ biên) (2003), *Giáo trình lý luận văn học (tập 1)*, Nxb Đại học sư phạm.

53. Trần Đình Sử (chủ biên) (2007), Giáo trình lý luận văn học (tập 2), Nxb Giáo dục.
54. Tạp chí văn nghệ Yên Bái, nguồn <http://hvnyb.vnweblogs.com>
55. Tạp chí văn nghệ Yên Bái - số 130 (2010), Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Yên Bái
56. Tạp chí văn nghệ Yên Bái - số 133 (2010), Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Yên Bái
57. Tạp chí văn nghệ Yên Bái - số 183 (2014), Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Yên Bái
58. Tạp chí văn nghệ Yên Bái - số 184 (2014), Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Yên Bái
59. Tạp chí văn nghệ Yên Bái - số 193 (2015), Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Yên Bái
60. Tỉnh ủy -HĐND - UBND tỉnh Yên Bái (2000) *Tỉnh Yên Bái một thế kỷ (1900 - 2000)* Nxb Chính trị quốc gia.
61. Trần Thị Việt Trung (2013) *Nghiên cứu lý luận phê bình Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kỳ hiện đại - Diện mạo và đặc điểm*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
62. Trần Việt Trung - Cao Thị Hào (2011), *Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kỳ hiện đại - một số đặc điểm*, Nxb Đại học Thái Nguyên
63. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.